**Với lòng tịnh tín bất động, con người đầu thành vâng giữ mạng mạch giáo pháp, dốc lòng phụng hành đạo lý mình chọn, con người nhờ vậy được chân lý, chánh pháp che chở, thành tựu ‘Phép Phật nhiệm màu – Để mau ra khỏi luân hồi’.**

Phật giáo không phải là tôn giáo để các tín đồ đến tham gia hay phát động như một phong trào, mà tự thân con người sau quá trình học hỏi, tư duy, nhận thức cốt lõi lời dạy của đấng Từ phụ, từ đó phát tâm tìm đến, thân cận và quy y Tam Bảo: ‘Hôm nay mong giác ngộ hồi đầu - Tịnh tâm ý quy y Tam Bảo’.

Với lòng tịnh tín bất động, con người đầu thành vâng giữ mạng mạch giáo pháp, dốc lòng phụng hành đạo lý mình chọn, con người nhờ vậy được chân lý, chánh pháp che chở, thành tựu ‘Phép Phật nhiệm màu – Để mau ra khỏi luân hồi’.

Phương pháp hành đạo trong đạo Phật với mục đích dìu dắt tự thân con người, chứng nghiệm đời sống tâm linh trong sạch, tĩnh lặng, bền vững, có nghị lực vượt qua chính mình cùng các biến đổi xung quanh, để con người có thể hòa vào tập thể, cộng đồng, xã hội rộng lớn, mà không cảm nhận lẻ loi, lạc lõng. Như vậy mục đích cao cả, nền tảng, tối thượng của đạo Phật, trước hết dẫn dắt, chỉ đường cho con người trở về vị trí thực, hoàn hảo, siêu việt, toàn thiện, với phẩm chất làm chủ tự thân:

‘Chúng con khổ, nguyện xin cứu khổ

Chúng con khổ, nguyện xin tự độ’

Ghi nhớ ‘pháp là tối thượng giữa các loài hữu tình, đời này và đời sau, người con Phật hành trì Bát Thánh Đạo để hiểu biết điều gì cần làm đầu tiên, đặt niềm tin vào đó. Như thế chánh tín gắn liền với lối sống thực tiễn, tạo cho con người cái thế cân đối, an trú chỗ dựa vững chắc, để bước kế tiếp là trở về nội tâm bình lặng, trong sáng, ngoại lực là sự gia hộ, chiếu cố, che chở của Tam bảo. Người hành trì được như thế, chắc hẳn nhận lãnh các đặc tánh, pháp ấn tuyệt vời cùng sự nhiệm màu mà phép Phật ban tặng, khiến người bình thường khác khó thực hiện được.

Ai tâm không an trú – Không biết chơn diệu pháp

Tịnh tín bị rúng động – Trí tuệ không viên thành

Dhp. 38

**Hòn đảo tự thân**

Làm chủ, sống có bản lãnh, nương tựa tự thân, hòn đảo, ngọn đèn, …là hàng loạt các kết quả đạt được nhờ sự hiểu biết như thật về tỉnh thức, ý chí, tự tin, quảng đại, chuyên nhất, cùng tính tự trọng, khéo điều phục hay sự bình ổn trong cảm xúc giao tiếp, xây thành sức mạnh năng động và thành trì kiên nhẫn giúp con người thẳng vào đích an vui giải thoát hay tự xây hòn đảo bản thân.

Nỗ lực, không phóng dật - Tự điều, khéo chế ngự

Bậc trí xây hòn đảo - Nước lụt khó ngập tràn

Dhp. 25

Thật vậy, người làm chủ chính mình, là người tự am hiểu, thông đạt, tỏ ngộ lý Tứ đế, có cách sống bình an, nơi trú ẩn an tòan, kiên cố và là chỗ dựa vững chắc đáng để mọi người học hỏi. Người luôn trang bị cho bản thân một tâm không dao động, không trói buộc, không hệ lụy, phiền não, vị ấy hoàn toàn thoát khỏi mọi ràng buộc thế gian, tâm trở nên tự tại, độc lập, an nhiên đối với các lẽ thạnh suy, thành bại, được mất, hơn thua ngay trong cuộc sống vốn dĩ ‘như thị’ của đời  này.

Bàn về chỗ dựa, lòng tin, con người cần có hai pháp căn bản (i) tin vào quy luật Nhân quả, Nghiệp báo (ii) tin vào giáo lý Tứ đế. Tin vào quy luật Nhân quả, Nghiệp báo, con người cần nhận thức rằng các hành động thiện có cơ sở, mục đích sẽ đem lại kết quả an vui, cơ hội tốt, trí tuệ lành mạnh, thân thể tráng kiện, đời sống bảo đảm. Các hành động ngược lại, sẽ trở ngại cho thân lẫn tâm, làm cho con người luôn có cảm giác mệt mỏi, sầu muộn, bất an, uể oải, khổ đau, mất trí nhớ và hàng loạt các  trì trệ không lành mạnh khác nối tiếp. Nếu con người như thật hiểu về các pháp gồm tuệ quán hiện tại và tuệ tri như thật về thế giới con người đang hiện hữu, con người sẽ đón nhận kết quả như chúng đang là. Với ý nghĩa này, chánh pháp cung cấp cho con người đường lối quay về, thoát ly khổ đau, sáng tỏ chân lý, phát hiện bảo thành, trực nhận bình an của chính mình hay nhận chân bản lãnh ngay trong tầm tay.

Thông đạt Tứ đế, con người từng nghiệm qua, gì là khổ riêng của bản thân, nhân khổ từ đâu xuất phát, mau chóng đoạn diệt nó và con đường Bát Thánh luôn dẫn mọi người đến nơi bình an. Điều cần nhắc, chánh pháp nơi con người tìm đến nương tựa phải có liên hệ mật thiết đến cuộc sống của con người, nghĩa là con người cần cải đổi lối sống, hoàn cảnh, môi trường sinh hoạt của mình cho phù hợp, vừa vặn, thích nghi với chánh pháp, lấy chánh pháp làm ngọn đuốc soi đường,  làm căn cứ, nền tảng, cốt lõi để con người có thể thực thi một cách trực tiếp khiến giảm dần các trục trặc, chướng ngại, hiểm nguy trong khi giao tiếp. Thật sự, con người rất cần nương tựa Tam bảo để được Tăng bảo hướng dẫn làm thế nào thâm nhập chánh pháp và thế nào để chánh pháp mãi trường tồn. Muốn vậy, con người phát nguyện khi sanh ra, thường được: ‘Trưởng ngộ minh sư - Chánh tín xuất gia - Đồng chơn nhập đạo’, để có thể ‘Đem phước lành gieo rắc phàm nhân’ và để ‘theo Phật Pháp trên bước đường lành’.

Những cách trình bày trên giúp hình thành bộ phận cấu trúc không nhỏ trong việc gia trì nội lực cá nhân, biến đổi lý thuyết nhận thức thành hành động cụ thể, có ích, hay còn gọi ‘ biết sống đời rộng rãi’, một ‘tài sản vô cùng quý báu’: tấm lòng khoan dung độ lượng từ đây luôn chiếu sáng. Tóm lại con người cần nương tựa chánh pháp vì Pháp bảo hay Phật bảo, là những nơi nương tựa soi thẳng vào tâm. Những chỗ dựa này, không tìm được từ phía bên ngoài, dù hình thức quy y góp phần không kém cho một kết quả thực tế, hữu dụng cho sự kiếm tìm và làm chủ đời sống tâm linh của bản thân. Bởi vì:

‘Chí phàm phu tự lực, khó thành - Cầu đức Phật từ bi gia hộ’

**Năm giới nền tảng**

Do vì con người biết quý trọng đời sống an lạc riêng của mình, con người không nỡ tổn hại đời sống an lạc riêng của người. Đức Phật đã từng khuyên: ‘Phật giới cấm chuyên trì chu đáo - Dứt tận cùng cội rễ vô minh’. Khi con người tỏ ngộ, trở về bản lai diện mục của tự thân, họ hoàn hảo các phẩm chất tôn quý, nhờ đều đặn tích lũy, thận trọng bảo hộ hoài bảo thánh thiện ban sơ. Người như vậy, trong Phật giáo gọi là người đã ‘thành tựu lõi cây’ hay ‘đặt gánh nặng xuống’.

Với chiến thắng cao cả, chiến thắng tự thân, vị này hoàn thiện ba mục tiêu quan trọng:

(i) tránh làm các điều ác (sabba pāpassa akaraṇaṃ)

(ii) thành tựu các việc lành ((saccitta pariyodapanaṃ)

(iii) giữ tâm ý trong sạch (saccitta pariyodapanaṃ)

Nhờ tâm niệm hộ trì các giới căn bản:

1. Pāṇātipātā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi, Tôi nguyện suốt đời không sát sanh. Khi quan sát giới này, con người phát hiện sự đau khổ của người khác, chính là sự đau khổ của bản thân, từ đó giảm dần lối sống gây khổ cho người. Với nhận thức này con người nới rộng tình yêu thương đến tất cả, đồng thời biết đón nhận những ai cần được quan tâm, nhằm làm vơi nỗi sầu của người. Vì nhu cầu an lạc cho người, mọi cá nhân cần gìn giữ giới này.

2. Adinnādānā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi, Tôi nguyện đời đời không trộm cắp. Giới này biểu lộ sự trân trọng đến quyền lợi mà người khác đang làm chủ về tài sản, nghĩa vụ, công sức. Nhờ quán triệt giới này, con người từ bỏ sống bằng các phương tiện bất chính như trộm cắp, lừa đảo. Con người trải từ bi tâm đến tất cả chúng sanh, xóa hẳn các tính bảo thủ, cố chấp, ích kỷ. Về mặt lợi tha, người gìn giữ được giới này sẽ góp phần thúc đẩy, xây dựng, hợp tác, thân thiện với những người chung sống.

3. Kāmesu micchācārā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi, Tôi phát nguyện không tà dâm. Giới này khuyên mọi người biết tôn trọng mái ấm của riêng mình và hạnh phúc nơi gia đình người. Tôn vinh giá trị đạo đức gia đình, mọi người phải tự kiềm chế tính vô độ của bản thân, thận trọng, phát huy, đề cao thái độ trung thành trước sau như một của đời sống gia đình, cộng đồng. Thiếu hiểu biết về sự thật này, con người phải nhận hậu quả khó lường về sau.

4. Musāvādā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi, Tôi nguyện trọn đời không nói láo. Đức Phật dạy chúng ta không nên nói các lời vô ích, không chân thật, làm xa cách; hãy nói những lời có ích, hòa nhã, từ tốn, nói những gì liên hệ đến sự thật, mục đích an ổn, giải thoát, là nhân cho thiện nghiệp phát sanh. Giữ được giới này, uy tín của người thêm tăng, nhiều người tin cậy, yêu kính và thân cận.

5. Surā - meraya - majja - pamādatthānā veramaṇī sikkhāpadaṃ samādiyāmi, Tôi nguyện không uống rượu, nếm các chất làm mê say khiến mất dần lý trí, gây rối loạn tinh thần, sanh hoang mang ngờ vực. Có người cho rằng uống rượu để thể hiện tình thân hữu khi giao tiếp, nhưng họ quên rằng tình bạn nghiêm túc và đúng đắn thường dựa trên tấm lòng chân thật, có hiểu biết, chia sẻ, biết động viên, an ủi, sẵn sàng tha thứ, độ lượng … không phải mượn rượu làm khuây. Nếu cá nhân nào phạm giới này, tư duy vị ấy trở nên hỗn loạn, bất chánh, dẫn đến các hành động thiếu tự chủ. Tài sản tiêu hao, gia đình ly tán, sức lực cạn kiệt, công việc đình trệ, trí tuệ lu mờ, con người trở nên vô tàm vô quý.

Nghiêm trì, tuân thủ các giới cấm, con người sẽ ‘sanh phùng trung quốc’, sanh ra với tướng mạo, sắc đẹp tự nhiên, nết hạnh đoan chánh, thừa tự gia tài chánh pháp để lại, có cuộc sống tịnh độ an nhàn ngay tại trần gian.

Có thể hiểu rằng, toàn bộ lời đức Phật dạy dựa trên nội lực kiên cố của con người, nghĩa là khi tâm con người có tỉnh thức, có chánh niệm, thì năm giới trên được thực hiện dễ dàng, thông suốt ‘Nhân định, phát tuệ’, do biết quán sát sự vật như chúng thật là.

**Lợi ích pháp thiện (Kusala)**

Từ khi hiểu đời là chuỗi nhân duyên tương tục, Phật giáo dạy con người sống chánh niệm, liễu đạt lý duyên khởi để niềm an lạc mãi tồn tại, hiện diện và ngự trị.

Nhận định, tìm hiểu điều thiện, căn bản thiện; bất thiện và căn bản bất thiện; con người từ đó đi tìm cái gì là chơn, thiện, mỹ, hữu dụng để thực thi. Bởi vì đời sống con người có liên quan nhân quả lẫn nhau, ví như hột xoài hư không thể cho ra cây xoài tươi tốt, với trái ngon ngọt. Cũng vậy, chính con người làm chủ vận mạng của mình và chính con người tự tạo cho bản thân những kết quả an lạc hay khổ đau, không phải ai khác.

Thiện được hiểu theo hai nghĩa (i) xác định (con người tích cực thực thi một cách tự nhiên, vì đó là bản chất, chủng tử hay tập khí thiện trong con người) (ii) phủ định (cố gắng, miễn cưỡng, ngăn chặn, kiềm chế các ác, bất thiện). Bàn gì đi nữa, kết quả hình thành của thiện có thể là nghiệp tốt (kusala kamma), nghiệp xấu (akusala kamma) hay vô ký (abyākata kamma). Vậy thì con người tạo ra vóc dáng và tâm trạng buồn vui của mình trong hiện tại và vị lai với nguồn gốc  tích lũy của nghiệp.

Kinh Kesamutti, còn gọi Kālāma Sutta, đề cập: Kesamutta, một thành phố nhỏ trong vương quốc xứ Kosala, nơi đức Phật đã khuyên nhủ dân Kālāma: ‘Chớ tin vì nghe báo cáo, chớ tin vì truyền thuyết, chớ tin vì theo truyền thống. Chớ tin vì được kinh điển truyền tụng, chớ tin vì lý luận suy diễn, chớ tin vì diễn giải tương tự, chớ tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện, chớ tin vì phù hợp với định kiến, chớ tin vì lòng tin ấy phát xuất từ nơi có uy quyền, chớ tin vì sa môn là bậc đạo sư của mình. Này Kālāma, khi nào tự mình biết: Các pháp này là sai, bất thiện, hãy từ bỏ chúng; các pháp này là thiện, đúng, tốt, hãy chấp nhận và hành theo’ …

Như vậy con người phải biết chọn lọc. Sự chọn lọc này có được, là kết quả thâu lượm từ thái độ quan sát, tư duy, học hỏi và kinh nghiệm theo hiểu biết (văn tư tu), giúp con người vượt khổ đau, tiến đến đời sống tương lai sáng lạn, hạnh phúc và an lạc cho bản thân cùng tha nhân.

Yathā’pi puppharāsimhā, kayirā mālā guṇe bahū.

Evaṃ jātena maccena, kattabbaṃ kusalaṃ bahuṃ.

Như từ một đống hoa - nhiều tràng hoa được làm.

Cũng vậy thân sanh tử - làm được nhiều thiện sự.          (Dhp. 53)

**Thanh tịnh tâm**

Bổn phận và trách nhiệm đối với con người trong đời sống hằng ngày, là thước đo bản năng ý thức của con người. Nó tồn tại bên trong, vì thế con người không thể đánh mất cái gọi là chất người, nhân phẩm, bản thể tự nhiên, hay quy luật đạo đức. Nếu mỗi tâm hồn thanh tịnh, trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, sẽ kết thành nhiều tâm đồng thể thanh khiết và cả cộng đồng ngát hương giới hạnh. Đất nước có kỷ cương, phép tắc, trật tự, giúp ngăn chặn phần nào các tệ nạn mang tính tự phát, vụ lợi, làm ảnh hưởng, tác động xấu đến bản chất của tập đoàn, cộng đồng.

Đức Phật là vị lương y độc tôn, đã từng thấy khổ đau trong nhân loại, thuyết ra chân lý đầu tiên (Khổ đế) để mọi người cùng nhận định, đồng thời chỉ ra lối thoát an toàn, đưa người đến chỗ thanh thoát, bình an. Đây là điểm then chốt chỉ thấy trong đạo Phật. Phần lớn người ta thích đến với đạo Phật vì Phật giáo dạy con người rất thực tế, giản dị, dễ tiếp thu đối với các tướng ‘sanh trụ dị diệt’ để không kẹt trong thọ dụng, chấp thủ, ái nhiễm vì thiếu hiểu biết. Con người luôn bằng lòng với hiện tại, giải quyết quá khứ và xây dựng tương lai. Nhận thức được đời là chuỗi khổ đau, tất nhiên cần hiểu nguyên nhân khát ái đích thực mà loại bỏ. Thấy được nhân rồi, nổ lực đều đặn, tiêu trừ gốc rễ, để qủa sai lầm của các nghiệp nơi thân khẩu ý và những hoạt động tiếp theo không có điều kiện tái phát. Hạnh phúc, an lạc trong tầm tay con người, nếu vị ấy một lòng thẳng bước trên con đường trung đạo, hòa mình vào quy luật tự nhiên, sống tỉnh thức trong từng hơi thở, quán triệt các pháp vô thường, vô ngã, làm tươi mát mình trong hương vị giải thoát.

Anekajāti saṃsāraṃ, sandhāvissaṃ anibbisaṃ

Gahakārakaṃ gavesanto, dukkhā jāti punappunaṃ.

Lang thang bao kiếp sống – Ta tìm nhưng chẳng gặp

Người xây dựng nhà này - Khổ thay phải tái sanh          (Dhp. 153)

Gahakāraka diṭṭho’si, puna gehaṃ na kāhasi

Sabbā te phāsukā bhaggā, gahakūtaṃ visaṅkhitaṃ

Visaṅkhāragataṃ cittaṃ, taṅhānaṃ khayam ajjhagā.

Ôi ! người làm nhà kia – Nay ta đã thấy ngươi!

Ngươi không làm nhà nữa - Đòn tay ngươi bị gãy

Kèo cột ngươi bị tan – Tâm ta đạt tịch diệt

Tham ái thảy tiêu vong                                            (Dhp. 154)

**Sống thanh nhàn**

Lo lắng, sợ hãi, buồn rầu, nôn nao … là các tâm trạng tự nhiên, len lỏi, tản mạn trong lòng mỗi người bất luận vị ấy là ai, đang có hoàn cảnh thế nào, tuổi tác ra sao. Người với tâm trạng vui ít, khổ nhiều, thường sống trong trạng thái hồi hộp, lo toan, buồn phiền, tinh thần dao động, sức lực cạn kiệt, lý trí lu mờ, có hại cho tánh mạng, giảm tuổi thọ. Để vượt qua những tâm trạng không tích cực này, con người cần hiểu biết về sự thật của công việc như chúng đang tiếp diễn, thể trạng cá nhân, đời sống hiện tại, khả năng có thể ... để lập ý chí, lấy lại bình tĩnh, dựng lên đổ vỡ. Bằng tấm lòng nhẫn nại, cam khổ, vun vén, tỉnh thức, hoà nhập, thể xác phục hồi, tinh thần dần mạnh, từ đó vững vàng nối tiếp đoạn đường phía trước.

Cho nên cần nhanh chóng tỉnh thức, tỏ ngộ cuộc đời do duyên, tất cả có ra đều phù du, không thực thể, giả tạm, mà không nên chấp. Ai lầm chấp, tưởng giả là chơn, sẽ chuốc nhiều phiền muộn, lo toan về sau. Một khi phiền não chất chồng, khó lấy lại được sự bình an. Lại nữa, ngoài cái giả của cuộc đời nên hiểu còn có cái thật nhưng mong manh, ngắn ngủi, chỉ nhứt thời để con người có thể mượn giả thật này mà đóng góp, ghi lại, hay cống hiến cho đời, cho người những bài học, những tấm gương, những giá trị phụng sự cao cả.

Có thể nói bài học trân trọng, quý báu cho những ai biết sống là người ấy luôn biết trang bị cho mình cái sẽ từ giã ngay từ bây giờ và trước đó. Như vậy, sống là phương tiện cần thiết để phục vụ cho an lạc. Hạnh phúc sẽ có trong tay người nào biết sống. Sống chết rất hệ trọng (sanh tử sự đại) trong kiếp làm người, vì sống quyết định cho cái chết ‘sống sao chết vậy’ và ngược lại. Cái sống đích thực phải là lẽ sống biết quên cái tôi (attā) nhỏ bé này để cùng hòa và phục vụ cho cái của số đông, vì lợi ích cho số đông. Hãy thử nghiệm nhìn đời một cách như thật qua dòng tình cảm mãnh liệt đang thôi thúc ta, nó dâng cao rồi chẳng bao lâu, lại lặng lẽ buông xuống, cứ thế lượm và buông, khiến nó chông chênh, thay đổi, bất thường.

Vậy thì dòng đời luôn trôi chảy theo một hướng: vô thường, tùy duyên, không có ngã và ngã sở. Con người cần chấp nhận nó như một hiểu biết, quán triệt và phát hiện nó như một ân huệ để đón nhận tổng thể tuỳ duyên của vạn vật. Từ đó con người giải quyết mọi việc một cách dễ dàng, êm ả (tất cả đều là chuyện nhỏ). Sẽ đẹp biết bao nếu con người luôn giữ nét mặt bình thản với nụ cười trên môi dù tình thế ra sao.

Thức tỉnh đời nhờ quy luật ‘sanh trụ dị diệt’, con người từ bóng tối, u ám, dày đặc bởi vô minh lần tới ngọn đuốc, từ chỗ mệt nhoài những bất hạnh, sở hữu hạnh phúc an lạc, giác ngộ viên mãn. Vậy đời sống mỗi cá nhân, có thể được trắc nghiệm và kiểm tra qua kinh nghiệm hành trì của từng cá nhân.

Nếu con người biết sống với quy luật tuần hòan, sẽ tìm được cuộc sống chánh trực, mang lại hiệu quả cao, vì tánh nết dần được lắng trong nhờ giới đức, đức hạnh tỏa chiếu muôn nơi nhờ thấu triệt, đời sống con người từ đó trở lại cung cấp cho con người cơ hội, nhu cầu về đạo đức và trí tuệ, là những nhu cầu hạnh phúc tối cao.

**Trực nhận sự việc**

Nhìn thẳng sự việc như chúng thật là, sẽ hiểu đời theo ánh sáng của Tam pháp ấn (ti-lakkhaṇa), một pháp môn đưa người đến bờ an lạc nội tâm, đạt được cảm xúc bình ổn, một sự thực vi diệu trong đời thường, được bậc Hiểu biết thế gian (lokavidū) tận tình chỉ dạy, giải thích.

Trong ba pháp ấn, vô thường (anicca) và vô ngã (anattā) tác động trực tiếp mang tánh vô ký, vì mọi vật tồn tại ở dạng vật chất với bản tánh thay đổi, không có thực thể, rỗng không. Còn tất nhiên khổ (dukkha) là kinh nghiệm sống của những sự việc có điều kiện.

Đức Phật đã từng dạy, cuộc đời con người sẽ có bình an, tâm tư lắng dịu, hiền thục, nếu con người hiểu biết như thật về ba đặc tánh căn bản này. Nắm vững giáo lý Tam pháp ấn giúp con người hiểu được quy luật tự nhiên của cuộc sống, công việc, nghề nghiệp, tài sản, địa vị … mà mỗi người trải nghiệm. Với trình độ chuẩn mực, sự thông đạt tỏ tường về khổ (dukkha), vô thường (anicca) và vô ngã (anattā), con người sẽ tạo cho mình cuộc sống lành mạnh, có giá trị. Nhờ vậy con người thoát khỏi những mơ tưởng bao la vũ trụ, viển vông không thật, bởi lục dục lòng tham không đủ mà dũng cảm, can đảm chấp nhận sự thật trên đường đời với trí tuệ như chơn về sự việc như chúng đã đang và sẽ tiếp diễn.

Tu tập Tam pháp ấn một cách rốt ráo thì khi đương đầu, đối phó, va chạm sự việc gì, trong hoàn cảnh nào, con người đều nhìn được mặt thật của chúng, nhờ tuệ quán và định tâm, một yếu tố quan trọng trong giáo lý của đức Phật. Từ ly tham, con người tự do khỏi các nắm bắt, bảo thủ, cố chấp, hiềm hận, ganh tỵ của tự ngã, tâm nhờ vậy thoát khỏi triền phược, kiết sử, hệ lụy, tham ưu và sự vắng lặng, trong sáng, an tịnh Niết bàn hiển hiện.

**Xoa dịu đau thương**

Ngày nay trong giao tiếp, các từ ‘xác định và phủ định’ thường được sử dụng. Theo khái niệm chung, xác định nghĩa là thực hiện một cách tự nhiên, có tâm huyết, tích cực, chuẩn mực, năng động, dũng cảm, luôn nhiệt tình và hài lòng với công việc mình đảm nhiệm. Phủ định thường mang tính thụ động, ép buộc, do dự,  miễn cưỡng và thiếu tự nhiên.

Lắng nghe điều gì của người là sự quan tâm và tôn trọng người. Thay vì đi tìm nguyên nhân vì sao con người thống khổ, bị dằn vặt, ưu phiền, người nghe nên chấp nhận sự chú tâm, lắng lòng, chỉ nghe lời nói của đương sự nhằm xoa dịu nỗi khổ hiện tại của họ, không nên có ý kiến lúc này. Người nghe càng nên tránh lời lẽ mang tính chia rẽ, a dua, nhằm tăng lòng khâm phục của đối tượng. Cũng không nên che giấu những sơ hở, thói quen trì trệ, khiếm khuyết cần sửa nơi người hoặc phô bày tính tốt của người một cách không cần thiết. Nói chung, điều gì cần biểu dương, ca ngợi, con người nên khuyến khích, động viên mà không dèm pha thêm tính độc ác, ẩn ý bên trong; điều gì đáng phê bình, khiển trách, con người nên góp ý một cách trong sạch, phân minh. Chẳng hạn khi nghe điều gì đó không thật, con người vẫn cứ tiếp tục chăm chú nghe và chỉ nghe mà thôi, nhờ vậy người kia mới có cơ hội diễn tả hết nỗi khổ đau và giảm dần căng thẳng, buồn phiền uẩn khuất của họ. Sửa lỗi cho người, chỉ khi nào người nghe cảm thấy ‘đúng thời’ hoặc phía đau khổ đang trong tình trạng ổn định, có thể tiếp nhận ý kiến người khuyên một cách dễ dàng. Lại nữa khi nghe người kia tâm sự hết sự thật, người nghe không nên đem sự thật ấy đi nói với người khác, vì tính tôn trọng người. Trong trường hợp nếu lời nói của mình làm ảnh hưởng không tốt đến an lạc, hạnh phúc của người, người nghe nên giữ yên lặng, còn như vì sự thật có ích cho họ, nên thốt ra dù bản thân có thể bị tổn thương hay va chạm.

Người có trái tim xác thực, rộng mở, hiểu biết luôn kiên nhẫn lắng nghe lời tâm sự của người khác. Những ai muốn có an tịnh nội tâm, nhất định người ấy biết tu, rèn tâm, kiềm chế tâm một cách hiệu quả; không chịu khó, kiên trì, nhẫn nại, khó lòng đạt được an tịnh nội tâm dù chỉ trong thời gian ngắn ngủi chứ đừng nói đến đạt được nội tâm lâu dài. Điều kiện để có trái tim trung thực, trái tim nhân ái hẳn phải là người với từ tâm, bi tâm, hỷ tâm và tấm lòng vị tha, buông xả, luôn là đối tượng mọi người cần đến.

Người có trái tim nhân ái, thường tu tập, phát triển, trau dồi thiền định, quán sát tánh không, tâm vị đó luôn hướng đến loài hữu tình, nguyện cầu cho họ sớm tỏ ngộ, thoát cảnh u tối, được hưởng an vui, thanh nhàn. Người có trái tim biết hiểu, biết thương và lắng nghe, được nhiều người ái mộ, thân cận, vì tự thân người ấy luôn an lạc khiến những ai đến gần cũng cảm được bình an, nhẹ nhàng, thanh thóat.

Chúng ta từng vượt gian khó, hãy dẫn người cùng qua (chúng sanh vô biên thệ nguyện độ). Chính chúng ta thoát mọi hệ lụy buộc ràng, hãy dạy người biết cách tháo gỡ (phiền não vô tận thệ nguyện đoạn). Chính chúng ta nếm mùi an lạc, hãy ban tặng người niềm tin yêu hy vọng (pháp môn vô lượng thệ nguyện học). Chính chúng ta tỏ ngộ, hãy nguyện cầu cho người cùng tỏ (Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành). Mong những lời cầu nguyện này, hướng về khắp tất cả, đệ tử và số đông, đều được an tịnh, đều được hạnh phúc, vì lòng từ đối với đời, đối với nhiều người, vì an lạc và hạnh phúc cho chư thiên và loài người.

**Phát triển cộng đồng**

Mỗi cá nhân là thành viên trong gia đình, cũng là thành viên của xã hội, vì thế vị ấy cần nghĩ đến tình đồng loại mà làm những gì mang tính thiết thực cho nhân loại, cộng đồng của mình. Người tự biết xây dựng, bồi dưỡng phẩm chất là người tự biết tôn trọng, cung kính và xác định vị trí riêng của mình.

Trước hết tự đặt mình – Vào những gì thích đáng

Sau mới giáo hóa người - Người trí khỏi bị nhiễm          (Dhp. 158)

Nhờ khéo điều phục mình, con người tự làm cho mình như điều mình dạy người và con người nhờ vậy trở thành công dân có ích cho gia đình, xã hội, dân tộc cũng như toàn cầu.

Đời sống đoàn thể gồm các mối quan hệ hổ tương của nhiều cá nhân, chính vì thế con người cần thường xuyên cập nhật thông tin để dễ trao đổi, giúp đỡ, động viên và hiểu biết nhau hơn. Vả lại trong các mối quan hệ mật thiết của đời sống thường nhật, thì sự ‘chú tâm lắng nghe’ hầu như được xem là yếu tố giao tiếp quan trọng, dù nó đóng vai trực tiếp hay gián tiếp giữa các cá nhân hay đoàn thể khác nhau. Dựa trên phương diện bình trực, mỗi cá nhân có những bổn phận và trách nhiệm riêng để thi hành và giải quyết công việc của mình, nhưng không thể vì quyền lợi riêng lại lạm dụng, xúc phạm vào các lãnh vực, giá trị hạnh phúc riêng của người. Một tập đoàn cá thể riêng biệt cũng phải nghĩ đến những người dân cùng đang sinh sống, cùng đang hoạt động trong khu vực cộng đồng hay đất nước khác nhau, nhằm bảo vệ sự hiện hữu, sinh tồn của họ cũng như bảo vệ các thế hệ tương lai kế tiếp.

Bài kinh Lòng Từ (Mettā Sutta) là bài kinh phổ biến, được đức Phật dạy nhân mùa an cư kiết hạ cho các Tỳ kheo. Kinh này vừa mang tính bảo hộ (Paritta) vừa là đề mục hành thiền. Bài Kinh dạy mọi người cần thực hành đức tánh tự trọng, khoan dung và hy sinh để xã hội, cộng đồng, dân tộc được hạnh phúc, công bằng, thịnh vượng. Bài kinh cũng đề cao tinh thần đoàn kết, hòa hợp, tương thân tương ái của giống nòi, để mọi người có nhiệm vụ, bổn phận cư xử hợp tình, hợp lý, mang lại an lạc, ấm no, bình an cho nhau. Đức Phật từng khuyên chúng ta xây dựng đất nước, thống nhất dân tộc trên tinh thần Bốn vô lượng tâm (Brahma-vihāra), làm giảm dần đến xóa hẳn bịnh tật, nghèo đói, lạc hậu, hận thù, khổ đau.

Bên cạnh đó, dựa vào lòng ưu ái, việc làm hợp sở trường, hành động tự phát, ý chí kiên trì, thích dấn thân, ưa gần gũi, tâm bình đẳng, mê phục vụ, đức Phật đã dạy về Tứ nhiếp pháp (saṅgahavatthu), (bốn phương pháp làm cho chúng sanh được gần gũi, hiểu biết và sống trong an lạc), gồm:

(i) Dāna (bố thí): ban bố, phân phối, chia sẻ, dâng tặng, cống hiến về tài, pháp và vô úy. Nhờ vậy con người được sống trong bình đẳng, an lạc; xã hội, quốc gia được an cư, thịnh vượng.

(ii) Piyavācā (ái ngữ): nói lời dịu dàng, tao nhã, thương yêu, hòa hợp  khi giao tiếp với người, vì ‘lời nói không mất tiền mua, lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau’. Nói lời ôn hòa, nhã nhặn, làm vừa lòng người dễ cảm hóa người đi theo con đường Bát chánh.

(iii) Atthacariyā (lợi hành): làm lợi ích cho người qua thân khẩu ý, bất luận việc lớn hay nhỏ. Nói chung biết giúp đỡ và phục vụ người một cách tận tình, chu đáo trong mọi trường hợp.

(iv) Samānattatā (đồng sự): là cách giúp đỡ thiết thực, đều đặn, có tâm, đạt hiệu quả đối với những người cùng sống trong hoàn cảnh, môi trường, nghề nghiệp qua những biểu hiện hòa hợp của thân đồng trú, khẩu vô tránh, ý đồng duyệt, lợi đồng quân, kiến đồng giải, giới đồng tu, mà không phân biệt giai cấp, sắc tộc, tín ngưỡng, văn hoá, trình độ, thế hệ.

Một xã hội hay quốc gia mạnh hay yếu do những phần tử trong đó có hợp nhất tư duy, ý chí, mục đích; có thống nhất trong công việc đối nội, đối ngoại được phán quyết bởi vị lãnh đạo hay không. Nếu tất cả đều biết vận dụng thực hành Bốn vô lượng tâm cùng Bốn nhiếp pháp, nhất định gia đình, cộng đồng, dân tộc đó được sống trong Độc lập, Tự do, Hạnh phúc.

Nhờ nhận thức rằng mọi loài hữu tình chung sống với nhau trong một cộng đồng, thống nhất và vững chắc trên mọi phương diện, nhất là lãnh vực nhân quyền, con người ý thức: lâu như chúng ta không có phân biệt giữa mình và người, thì vấn đề giải thoát cho người ngang bằng với giải thoát cho chính mình, điều này sẽ giúp ích cho người cũng như cho chính tự thân. Với cách suy nghĩ như trên, Phật giáo là một tôn giáo góp phần phục vụ năng động, tích cực cho nhân loại mà không đòi hỏi phải được nhân loại đáp lại một cách có điều kiện.

Lại nữa, một quy luật quản lý đúng cũng rất quan trọng, nó hổ trợ con người như một phần ghép cơ bản, có khả năng điều phối các hoạt động dễ dàng, mau chóng đi đến kết quả tốt đẹp nhờ gia thêm các đức tánh, bản chất có liên quan đến phẩm chất, đạo hạnh và các phương tiện kỹ thuật thiện xảo, tinh vi. Hai ngành thực hiện mục đích trí tuệ cần thiết, nên được bồi dưỡng, phát huy, chính là ‘văn tuệ và tư tuệ’ hay hãy không ngừng học hỏi để luôn sáng tạo và phát sanh kiến thức mới. Nhờ hoạt động tâm lý làm phát triển trí nhớ; nổ lực, tinh cần, tinh tấn nhờ lý trí; hình thành ‘duy tuệ thị nghiệp’. Điều gì con người học hỏi ở học đường chỉ là trí tuệ ban sơ cần thiết giúp đời sống con người ổn định, còn những ai với tư duy chín chắn hơn nhất định thành tựu trong lãnh vực chuyên môn của mình.

Tóm lại, từ kiến thức dẫn đến dũng cảm, từ văn hóa tạo thành kiên trì, dẻo dai, bền bỉ. Kiến thức và văn hóa là hai phần cấu tạo trách nhiệm giúp con người vượt qua đức tính rụt rè, lo sợ, thiếu tự chủ; con người thường xuyên trau dồi, tìm tòi, cập nhật, phát minh, học hỏi sẽ không bị lỗi thời. Với đức chịu khó, nhẫn nại, con người có thể chuyển đổi các phiền não khác trong mình như ái nhiễm, ích kỷ, thụ động, thành lối thong dong trên lộ trình giải thoát giác ngộ góp phần ủng hộ Phật pháp trường tồn.

Nguồn: Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam

**Lược dịch từ bài "Basic Buddhism: A Five-Minute Introduction" (Căn bản Phật giáo: Giới thiệu trong năm phút), trong quyển "Good Question, Good Answer" (Khéo Vấn, Khéo Đáp) của Bhikkhu Dhammika, ấn bản Internet (http://www.buddhanet.net/).**

Hỏi: Phật Giáo là gì?

Đáp: Phật Giáo là một tôn giáo có khoảng 300 triệu tín đồ trên khắp thế giới. Danh từ Phật Giáo (Buddhism) phát nguồn từ chữ "buddhi", có nghĩa "giác ngộ", "thức tỉnh". Phật Giáo phát nguồn từ hơn 2,500 năm trước, khi Ngài Siddhattha Gotama (Sĩ-đạt-ta Cồ-đàm), hay Đức Phật, tự mình giác ngộ vào lúc 35 tuổi.

Hỏi: Có phải Phật Giáo chỉ thuần là một tôn giáo?

Đáp: Đối với nhiều người, Phật Giáo không phải chỉ là một tôn giáo mà còn có thể xem như là một triết học, hay đúng hơn, đó là "một lối sống". Gọi Phật Giáo là một triết học, vì danh từ "triết học - philosophy" có nghĩa là "sự yêu chuộng trí tuệ", và con đường của đạo Phật có thể tóm tắt như sau:

(1) sống có đạo đức,

(2) nhận thức rõ ràng về mọi ý nghĩ và hành động, và

(3) phát triển sự hiểu biết và trí tuệ.

Hỏi: Phật Giáo giúp tôi bằng cách nào?

Đáp: Phật Giáo giải thích mục đích của đời sống, giải thích hiện tượng bất công và bất bình đẳng trên thế gian, và cung ứng một phương cách thực hành hay một lối sống để đưa đến hạnh phúc thật sự.

Hỏi: Tại sao Phật Giáo trở nên phổ biến?

Đáp: Phật Giáo ngày càng phổ biến ở các nước Tây phương vì nhiều lý do. Thứ nhất là vì Phật Giáo có những giải đáp cho nhiều vấn đề trong các xã hội vật chất hiện đại. Tiếp đến, cho những ai có chú tâm, Phật Giáo cung ứng một sự thông hiểu sâu sắc về tâm trí con người và các cách trị liệu tự nhiên, mà các nhà tâm lý nổi tiếng trên thế giới đều công nhận là rất cao cấp và rất hiệu quả.

Hỏi: Đức Phật là ai?

Đáp: Ngài Siddhattha Gotama sinh ra vào năm 563 trước Tây Lịch, trong một hoàng tộc tại Lumbini, nay thuộc xứ Nepal. Vào năm 29 tuổi, Ngài nhận thức rằng tiện nghi vật chất và an ninh trong thế gian không bảo đảm hạnh phúc; vì thế, Ngài đi tìm học các lời dạy, tôn giáo và triết học thời đó, để tìm kiếm chìa khóa đưa đến hạnh phúc. Sau sáu năm học tập và hành thiền, Ngài tìm ra con đường "Trung Đạo" và giác ngộ. Sau khi chứng đắc, Ngài dùng quảng đời còn lại tại thế gian để truyền giảng các nguyên lý trong đạo Phật -- gọi là Pháp, hay Chân lý, cho đến khi Ngài nhập diệt vào năm 80 tuổi.

Hỏi: Có phải Đức Phật là Thượng Đế?

Đáp: Không, Ngài không là Thượng Đế, và Ngài cũng không tuyên bố như thế. Ngài là người giảng dạy con đường đưa đến giác ngộ, từ kinh nghiệm thực chứng của Ngài.

Hỏi: Phật tử có tôn thờ các thần tượng không?

Đáp: Những người Phật tử tỏ lòng tôn kính các hình ảnh của Đức Phật, nhưng không tôn thờ, cũng không van xin những điều lợi lạc. Một pho tượng Phật ngồi trong tư thế với hai tay dịu dàng đặt trên vế, với nụ cười từ bi, nhắc nhở chúng ta nỗ lực phát triển tình thương và an định nội tâm. Lễ lạy tượng Phật là để tỏ lòng biết ơn về các lời dạy của Ngài.

Hỏi: Tại sao nhiều quốc gia Phật Giáo lại nghèo như vậy?

Đáp: Không hẳn đúng như vậy. Nhật Bản là một quốc gia có truyền thống Phật Giáo sâu đậm và ngày nay cũng là một quốc gia có kinh tế giàu mạnh. Thái Lan, với Phật giáo là quốc giáo, cũng có một nền kinh tế tương đối vững mạnh và phát triển. Tuy nhiên, chúng ta cần biết rằng một trong các điều dạy của Phật Giáo là tài sản của cải không bảo đảm được hạnh phúc, và tài sản của cải cũng không bao giờ thường còn. Dân chúng trong bất kỳ quốc gia nào cũng chịu đau khổ, cho dù họ giàu sang hay nghèo nàn. Chỉ những người nào thông hiểu các lời dạy trong Phật Giáo thì mới có thể tìm được hạnh phúc thật sự.

Hỏi: Có phải có nhiều tông phái Phật Giáo không?

Đáp: Có nhiều tông phái trong Phật Giáo là vì có những khác biệt về văn hóa và truyền thống lịch sử của mỗi quốc gia. Tuy nhiên, căn bản của Phật Giáo vẫn không thay đổi, đó là Pháp hay Chân lý.

Hỏi: Có phải các tôn giáo khác đều sai lầm?

Đáp: Phật Giáo là một hệ thống tín ngưỡng có tính bao dung đối với các tín ngưỡng hay tôn giáo khác. Phật Giáo chấp nhận các lời giảng đạo đức của các tôn giáo khác, nhưng Phật Giáo còn tiến xa hơn, bằng cách cung ứng một mục tiêu dài hạn trong sự hiện hữu của chúng ta, qua trí tuệ và sự hiểu biết thật sự. Phật Giáo chân chính thì rất bao dung, và không quan tâm chi đến các nhãn hiệu như là "tín hữu Ky-tô giáo", "tín hữu Hồi giáo", "tín hữu Ấn-độ giáo", hay "Phật tử". Vì vậy, trong lịch sử, không bao giờ có các cuộc thánh chiến mang danh Phật Giáo. Cũng vì thế mà những người Phật tử không đi truyền giảng hay cải đạo người khác; họ chỉ giảng giải nếu được ai hỏi đến.

Hỏi: Phật Giáo có tính khoa học không?

Đáp: Khoa học là tri thức được kết hợp thành hệ thống, qua các dữ kiện được quan sát và thực nghiệm và đề ra các định luật tổng quát của thiên nhiên. Cốt lõi của Phật Giáo phù hợp với định nghĩa đó, bởi vì Tứ Diệu Đế hay Bốn Sự Thật Thâm Diệu, có thể được thử nghiệm và minh chứng bởi bất kỳ người nào, và ngay chính Đức Phật cũng đã từng nói với các đệ tử rằng họ phải thực chứng các lời dạy của Ngài, mà không nên chỉ tin suông. Phật Giáo dựa nhiều trên trí tuệ, hơn là lòng tin.

Hỏi: Đức Phật đã dạy những gì?

Đáp: Đức Phật đã giảng dạy rất nhiều đề tài, nhưng các điều căn bản trong Phật Giáo có thể tóm tắt trong Tứ Diệu Đế và Bát Chánh Đạo.

Hỏi: Diệu đế thứ nhất là gì?

Đáp: Khổ Đế, chân lý thâm diệu đầu tiên, nói rằng đời sống là đau khổ, nghĩa là phải chịu đau đớn thể xác, già nua, bệnh hoạn, rồi chết. Ta cũng phải chịu đau khổ về mặt tâm lý như cô đơn, phiền giận, bực bội, sợ hãi, bối rối, thất vọng, sân hận. Đây là một sự kiện hiển nhiên, không thể chối cãi. Đây là thực tế khách quan, không phải bi quan; vì bi quan là mong đợi những điều gì trở nên tệ hại. Mặt khác, Phật Giáo giải thích cách thức giải quyết các đau khổ đó và cách thức để có hạnh phúc thật sự.

Hỏi: Diệu đế thứ nhì là gì?

Đáp: Tập Đế, chân lý thâm diệu thứ nhì, dạy rằng tất cả mọi đau khổ đều do ái dục và tham thủ. Ta sẽ bị phiền khổ nếu ta mong đợi người khác phải tuân theo ý muốn của mình, phải làm giống như mình, nếu ta không được những gì mình muốn, v.v. Ngay cả khi ta muốn và được, điều này cũng không bảo đảm có hạnh phúc. Tâm khát khao ham muốn cướp đoạt của ta niềm vui được thỏa lòng và hạnh phúc. Thay vì kiên trì chiến đấu để thành đạt điều mong muốn, hãy cố gắng sửa đổi chính cái lòng ước muốn của mình.

Hỏi: Diệu đế thứ ba là gì?

Đáp: Diệt Đế, chân lý thâm diệu thứ ba, là có thể chấm dứt đau khổ và đạt được trạng thái thỏa lòng và hạnh phúc. Khi ta dứt bỏ ái dục, vốn là vô ích, và tập sống từng ngày, chúng ta bắt đầu sống an vui và tự do. Chúng ta sẽ có nhiều thì giờ và năng lực để giúp đỡ người khác. Trạng thái ấy được gọi là Niết Bàn.

Hỏi: Diệu đế thứ tư là gì?

Đáp: Đạo Đế, chân lý thâm diệu thứ tư, là con đường đưa đến chấm dứt đau khổ. Con đường này gọi là Bát Chánh Ðạo.

Hỏi: Bát Chánh Đạo là gì?

Đáp: Đó là con đường gồm 8 yếu tố chân chánh: Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, và Chánh Định. Đây là con đường của đạo đức và tỉnh thức -- qua lời nói, ý nghĩ và hành động, và phát triển trí tuệ bằng sự nhận thức rõ ràng về Tứ Diệu Đế và bằng sự tăng trưởng lòng từ bi.

Hỏi: Ngũ giới là gì?

Đáp: Đây là năm điều giới luật đạo đức của Phật Giáo. Đó là: không sát hại, không lấy của không cho, không tà dâm, không nói dối, và không dùng các chất say làm lu mờ trí óc.

Hỏi: Nghiệp là gì?

Đáp: Nghiệp hay "nghiệp-quả" là một định luật cho biết rằng mỗi một nguyên nhân đều tạo ra một hậu quả, có nghĩa là các hành động của ta đều có những hậu quả. Định luật đơn giản này đã giải thích nhiều vấn đề: sự bất công trên thế gian, tại sao có người sinh ra lại có phế tật, có người lại có nhiều tài năng, có người có đời sống rất ngắn ngủi. Nghiệp cho thấy tầm quan trọng về việc tất cả chúng ta phải chịu trách nhiệm về các hành động của chính mình, trong quá khứ và hiện tại.   
  
Làm thế nào để thử nghiệm tác động nghiệp quả của các hành động của ta?   
Câu trả lời được tóm tắt bằng cách hãy nhìn xem 3 điểm chính:  
(1) ý định đằng sau của mỗi hành động,   
(2) hậu quả của hành động đó vào chính mình, và  
(3) hậu quả của hành động đó vào những người khác.

Hỏi: Trí tuệ là gì?

Đáp: Trong Phật Giáo, Trí tuệ phải được phát triển cùng với Từ bi. Trong một cực đoan, bạn có thể là một người tốt bụng nhưng khờ dại, và trong một cực đoan khác, bạn có thể có nhiều kiến thức nhưng lại không có tình cảm. Phật Giáo dạy ta nên giữ thật sự cân bằng và trọn vẹn cả hai, phải trau giồi cả trí tuệ lẫn và từ bi. Trí tuệ cao nhất là thấy rõ ràng rằng trên thực tế, mọi hiện tượng đều không hoàn toàn, không thường còn, và không có một thực thể cố định. Trí tuệ thật sự không phải chỉ vì tin vào những gì được dạy, mà phải chứng nghiệm và thông hiểu chân lý và thực tế. Trí tuệ đòi hỏi phải có một tâm ý rộng mở, khách quan, không cố chấp. Con đường của Phật Giáo đòi hỏi phải can đảm, nhẫn nhục, mềm dẻo và thông minh.

Hỏi: Từ bi là gì?

Đáp: Từ bi bao gồm các phẩm hạnh của lòng san sẻ, sẵn sàng an ủi người khác, thiện cảm, chăm lo và ưu tư. Trong Phật Giáo, ta chỉ thật sự cảm thông người khác khi nào ta thật sự cảm thông chính mình, qua trí tuệ.

Hỏi: Tôi phải làm thế nào để trở thành một Phật tử?

Đáp: Bất cứ ai cũng có thể tìm hiểu và thực nghiệm các lời dạy của Đức Phật. Ngài dạy rằng lời giải đáp cho mọi vấn đề của chúng ta là ở bên trong chúng ta, không phải ở bên ngoài. Ngài nói với các đệ tử không được tin ngay vào lời dạy của Ngài, mà họ phải tự thử nghiệm các lời dạy đó. Như thế, mỗi người tự có quyết định và tự chịu trách nhiệm về các hành động và sự hiểu biết của mình. Điều này cho thấy Phật Giáo không phải là một tập hợp cố định các tín điều cần phải được chấp nhận trọn vẹn. Đây là những lời dạy để mỗi người tự tìm hiểu, học tập và áp dụng theo tình huống riêng của mình.

Bình Anson lược dịch,

Perth, Tây Úc, tháng 8-2004

**Muốn Phật pháp được tiếp tục duy trì và phát triển trong điều kiện hiện nay, cần phải tìm hiểu các vấn đề: bản chất của Phật pháp, nhu cầu thực tế của con người, phương pháp hoằng pháp của Phật giáo có thể hiện đúng tinh thần của đức Phật và nhu cầu con người trong xã hội hay không. Từ đó lý giải tại sao Phật pháp hưng thịnh và suy tàn.**

Sự hưng thịnh hoặc suy yếu của Phật pháp luôn là vấn đề mà bất cứ người đệ tử Phật nào cũng đều quan tâm. Hiển nhiên tất cả mọi người đều muốn Phật pháp được hưng thịnh thế nhưng trên thực tế lại không như ý muốn. Không thể chỉ ước muốn suông mà cần phải biến ước muốn đó thành hiện thực, bằng những biện pháp cụ thể và thiết thực. Đó là đưa Phật pháp vào cuộc sống, thể hiện tính giác ngộ (trí tuệ), giải thoát (không còn trói buộc bởi lòng tham lam và sân hận) và từ bi (bao dung và tha thứ) của đức Phật qua đời sống cụ thể của hàng ngũ Tăng già và người Phật tử tại gia. Nếu được như vậy Phật pháp sẽ hưng thịnh phát triển; không chỉ phát triển ở Việt Nam, các nước Châu Á, mà ngay cả các nước phương Tây, vì giác ngộ, giải thoát và từ bi, là ba yếu tố mà bất cứ ai, ở xã hội nào cũng cần, nhất là ở xã hội ngày nay, loài người có xu hướng phát triển theo chiều hướng đó.

Nếu chúng ta cứ dùng vạn lời hoa mỹ ca ngợi sự vĩ đại cao siêu của đức Phật, tán dương sự giác ngộ giải thoát và lòng từ bi của Ngài cùng với sự đóng góp tích cực của đạo Phật trong quá khứ, hoặc truyền bá lời Phật dạy dưới hình thức như là “câu thần chú” một cách khó hiểu, thiếu sự phân tích giải thích, bên cạnh đó, biểu hiện của đời sống tăng già lại đi ngược lại tinh thần giác ngộ giải thoát và từ bi của đức Phật, thì con người ở xã hội ngày nay khó chấp nhận và làm theo. Khi xã hội không chấp nhận thì sự tồn tại của tăng già sẽ gặp nhiều khó khăn về mặt sinh tồn và phương tiện hoằng pháp. Từ đó thành phần tăng già sẽ bị suy thoái, Phật pháp cũng sẽ theo đó hoại diệt, vì vai trò của người cư sĩ khó có thể thay thế cho tăng già, giữ nhiệm vụ hoằng dương Phật pháp và duy trì đạo đức xã hội.

Do vậy, muốn Phật pháp được tiếp tục duy trì và phát triển trong điều kiện hiện nay, cần phải tìm hiểu các vấn đề: bản chất của Phật pháp, nhu cầu thực tế của con người, phương pháp hoằng pháp của Phật giáo có thể hiện đúng tinh thần của đức Phật và nhu cầu con người trong xã hội hay không. Từ đó lý giải tại sao Phật pháp hưng thịnh và suy tàn. Đó là nội dung thảo luận của bài viết này, đặc biệt chú trọng phân tích nguyên nhân nào làm cho Phật pháp hưng thịnh ở xã hội ngày nay.

**1.     Bản chất của Phật pháp**

    Phật pháp là chân lý, là nguyên lý vận hành của mọi pháp ở thế gian, bao gồm cả tâm lý và vật lý. Nguyên lý đó không bao giờ thay đổi, bất cứ ở đâu và vật nào, không có một pháp nào không tuân thủ nguyên tắc này mà hình thành hay hủy hoại. Nguyên lý đó được gọi là “Duyên khởi” (Sk : prat´tya-samutp?da, P?: paÊicca-samupp?da), thường được đức Phật mô tả là “Cái này có cho nên cái kia có, cái này sinh cho nên cái kia sinh”[1]. Từ nguyên lý này, đức Phật hình thành “12 nhân duyên” để phân tích giải thích quá trình hình thành và chấm dứt những phiền não đau khổ của con người[2]. Cũng từ đạo lý Duyên khởi này, đức Phật phát hiện và chỉ ra bản chất của các pháp (tâm lý và vật lý) là vô thường (anitya), luôn luôn thay đổi, vì chúng không có tự tánh, phải nương tựa vào nhau mà tồn tại. Như vậy, cái mà chúng ta gọi là “Ngã” (?tman), là chủ thể nhận thức, cái đó cũng là giả hợp, cho nên đức Phật gọi là “vô ngã” hay chính xác hơn gọi là “phi ngã” (an?tman), vì chúng được hình thành bởi 5 yếu tố là sắc, thọ tưởng hành và thức. Như vậy, các pháp tức chỉ những pháp thuộc vật chất và ngay cả những quan điểm tư tưởng cũng đều do duyên khởi mà thành, bản chất của chúng là vô thường; cái gì vô thường chuyển biến, cái ấy không thể gọi là “ngã” hay cái thuộc về “ngã sở”. Nếu chúng ta điên đảo cố chấp cho chúng là thường hằng, là “đây là tôi”, đây là cái “của tôi” là quan điểm của tôi hoặc cho rằng, nó là “tôi” là “của tôi”, nhưng chúng không theo ý mình thì khổ sanh. Do vậy đức Phật khuyên chúng ta nên dùng chánh tri chánh kiến để quan sát và giải quyết mọi vấn đề trong cuộc sống. Nếu chúng ta làm đúng như thế thì sẽ được hạnh phúc an lạc, ngược lại sẽ chuốc lấy khổ đau. Hạnh phúc hay khổ đau do chính chúng ta quyết định, đức Phật chỉ là bậc đạo sư chỉ cho chúng sinh thấy được bản chất của các pháp, con đường nào là con đường dẫn đến hạnh phúc, và con đường nào là con đường mang lại khổ đau.. Căn cứ từ đạo lý này, đức Phật tùy theo căn cơ trình độ của mỗi loại chúng sinh mà thiết lập các pháp cao thấp, rộng sâu khác nhau, do vậy mà có các pháp Tiểu thừa Đại thừa, bộ phái khác nhau. Qua đó, gợi ý cho chúng ta thấy, hình thức Phật pháp có Tiểu có Đại, có cạn có sâu, nhưng ý nghĩa Phật pháp không có thay đổi. Đây chính là nội dung ý nghĩa:

 “Này các Tỷ-kheo, các Ông đã được ta giới thiệu Chánh Pháp, Pháp này thiết thực hiện tại, không có thời gian(a), đến để mà thấy(b), có khả năng hướng thượng(c), được người trí tự thân giác hiểu(d). Này các Tỷ-kheo, Pháp này thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, được người trí tự thân giác hiểu. Tất cả những gì đã nói là do duyên này mà nói.”[3]

Qua đoạn kinh vừa dẫn có những điểm cần làm rõ:

Câu (a)“Pháp này thiết thực hiện tại, không có thời gian”, khái niệm Pháp (P?: Dhamma, Sk: Dharma) được ám chỉ cho những gì Thế Tôn giác ngộ dưới cội cây Bồ đề, và được Ngài dùng nhiều phương pháp, hình thức khác nhau mô tả về chân lý này trong suốt 45 hay 49 năm khi Ngài còn tại thế. Chân lý đó được gọi là pháp. Pháp đó là chân lý của thế gian, không chỉ có giá trị trong quá khứ, mà trong hiện tại cũng như vị lai, pháp ấy vẫn tồn tại và có giá trị. Vì mọi pháp sinh diệt và tồn tại đều y theo pháp này nên gọi là“Pháp này thiết thực hiện tại, không có thời gian”. Tuy nhiên, chúng ta cần lưu ý nguyên lý không biến đổi không đồng nghĩa hình thức hay phương tiện mô tả pháp đó không bị biến đổi. Ví dụ, bác sĩ căn cứ vào nguyên tắc trị liệu của y khoa, tùy theo căn bịnh của từng người mà kê những toa thuốc khác nhau. Sự khác nhau về toa thuốc có nguồn gốc từ căn bịnh khác nhau, không phải là sự khác nhau về nguyên lý. Phật pháp cũng thế, Phật pháp chỉ có một đạo lý, đó là đạo lý giác ngộ và giải thoát, nhưng căn cơ trình độ chúng sinh khác nhau, cho nên Phật pháp thiết lập nhiều pháp môn tu tập khác nhau. Do vậy, sự khác nhau chỉ là sự sai khác về hình thức, không có sự thay đổi về mặt chân lý.

Ý nghĩa câu (b)“Đến để mà thấy” này nói lên quan điểm khác nhau giữa đức Phật và các tôn giáo khác. Nếu như các tôn giáo khác nhấn mạnh vai trò của lòng tin thì Phật giáo nhấn mạnh vai trò “thấy” và “biết”, vì đức Phật cho rằng, không ai khác hơn, chính mình là chủ nhân quyết định sự khổ đau hay hạnh phúc cho mình ở đời sống hiện tại và ngay cả tương lai. Ngài lý giải rằng nguồn gốc của đau khổ là vô minh, nguồn gốc của hạnh phúc là trí tuệ, do vậy Ngài chỉ làm nhiệm vụ chỉ cho chúng sanh rõ được hai con đường, chính chúng sinh là người chọn lựa một trong hai con đường đó. Muốn chọn con đường giác ngộ giải thoát, bỏ con đường khổ đau, người đó phải có khả năng “thấy” và “biết”. Chỉ có thấy và biết mới có thể giác ngộ và thành đạt giải thoát, vì giải thoát là quả, giác ngộ là nhân, nhân đó phải nuôi dưỡng bằng chất liệu thấy biết. Đó là lý do tại sao Ngài lại nói giáo pháp của Ngài là giáo lý dành cho người thấy biết không phải là tin. Không có thấy và biết thì không có giác ngộ, không có giác ngộ thì không có giải thoát, Niết bàn. Có người đặt câu hỏi, tại sao trong giáo lý nhà Phật cũng thường đề cập niềm tin, như ngũ căn, ngũ lực...đều có “tín” cả. Cần lưu ý, niềm tin trong đạo Phật, được xem như là bước đầu tiên trong tiến trình giải thoát, và cần phải xác định đối tượng mà mình tin, để bước vào các giai đoạn kế tiếp là tinh tấn (nỗ lực) niệm, định và tuệ. Như vậy, mục đích của niềm tin là để thành đạt trí tuệ, không phải dừng ở niềm tin.

Khái niệm “thượng” trong câu (c) “Có khả năng hướng thượng” được chỉ cho sự giác ngộ, giải thoát, Niết bàn. Ở đây đức Phật xác định nội dung giáo lý của Ngài đều hướng đến mục đích giác ngộ và giải thoát, diệt trừ tham sân si, tránh xa phiền não, không phải là pháp làm tăng trưởng phiền não. Thật vậy, nếu chúng ta nghiêm túc tìm hiểu bất cứ kinh nào trong cả Phật giáo Đại thừa lẫn Tiểu thừa cũng đều thấy đề cập đến sự giác ngộ và giải thoát. Chính vì giác ngộ và giải thoát là đặc tính tiêu biểu, là mục đích của đạo Phật nên trong cuộc sống hằng ngày của mỗi Phật tử, mỗi tăng sĩ, hay các đoàn thể Phật giáo…, nếu có lời nói hay hành vi nào đi ngược lại tinh thần giác ngộ và giải thoát, thì dù núp dưới hình thức nào, nhân danh tổ chức nào cũng không được xem là lời nói hay hành vi Phật pháp.

Câu cuối (d)“được người trí tự thân giác hiểu” xác định rằng những gì mà đức Phật đã chứng ngộ và giảng dạy cũng được những người tri thức hiểu biết chấp nhận, không phải là lời nói ảo tưởng siêu hình, không có giá trị, vô chứng cứ. Điều này cũng gợi ý rằng, những gì chúng ta đang nói đang làm cần tham khảo ý kiến của những người tri thức, xem họ có đồng tình không. Nếu như giới tri thức không đồng tình, chúng ta phải kiểm tra lại lời nói và hành vi của mình, và cần phải thay đổi nếu thấy không phù hợp với Phật pháp, không phù hợp thế gian.

Như vậy, bản chất của Phật pháp là thiết thực hiện tại, không bị chướng ngại bởi không gian và thời gian; là pháp để hiểu và thực hành. Khi hành trì sẽ đoạn trừ tham lam sân hận và si mê, dẫn đến giác ngộ và giải thoát, pháp ấy đã được đức Phật giác ngộ và giải thoát, được người trí chấp nhận và tán thán. Có lẽ chính vì vậy mà không ít Bà la môn khi nghe Phật giảng xong đều thốt lên rằng:

“Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Như người dựng đứng những gì bị quăng ngã xuống, hay trình bày cái gì bị che kín, hay chỉ đường cho người bị lạc hướng, hay cầm đèn sáng vào bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện thuyết giảng. Con nay xin quy y Tôn giả Gotama, quy y Pháp, quy y Tăng. Mong Tôn giả Gotama nhận con làm đệ tử cư sĩ, từ nay cho đến mạng chung, con trọn đời quy ngưỡng.”[4]

Nội dung đoạn kinh này, Bà la môn Sang?rava sau khi nghe đức Thế Tôn giải thích về thần thông, ông đã hiểu Phật pháp và nói lên tâm trạng của mình. Ông cảm thấy lời Phật dạy rất thực tế rõ ràng và dễ hiểu, không giống như những gì mà ông học tập được từ Bà la môn, nên ông đã ví “Như người dựng đứng những gì bị quăng ngã xuống”. Cây cờ được dựng lên và lá cờ bay phất phới trước gió biểu thị cho sự chiến thắng sự thành công. Như vậy, câu nói này ẩn chứa hai nghĩa: thứ nhất, biểu thị thái độ sụp đổ của ông về tôn giáo mà ông đã theo. Thứ hai, trước sự thất vọng đó, Thế Tôn chính là người đã thắp sáng niềm hy vọng, chính là người chỉ ra những ưu khuyết điểm vốn bị che dấu, giống như người lạc đường được người hướng dẫn chỉ đường một cách cặn kẽ, như người cầm đèn đi trong đêm tối. Có thể nói, đây là những lời nhận định của những người ngoại đạo, khi chính họ được nghe đức Thế Tôn thuyết giảng. Điều đó chứng tỏ rằng bản thân Phật pháp không mù mờ, ngược lại rất trong sáng, rất thực tế và có chức năng giúp con người loại bỏ lòng tham lam sân hận và ngu si, tăng sự hiểu biết và có tấm lòng bao dung độ lượng. Từ ý nghĩa này, gợi ý cho chúng ta kiểm tra lại những gì mà chúng ta đang làm, Phật pháp mà chúng ta đang giới thiệu đến mọi người có đúng với tinh thần Phật pháp không và phát triển theo chiều hướng nào. Đây là một trong những vấn đề chúng ta cần phải nghiêm túc suy nghĩ.

**2.     Những nguyên nhân làm cho Phật pháp suy yếu**

Như trên vừa trình bày, Phật pháp là pháp thiết thực hiện tại, không bị giới hạn bởi thời gian và không gian, pháp ấy là pháp để hiểu biết và thực hành, có tác dụng giúp con người đoạn tận tham sân và si, đạt đến giác ngộ và giải thoát. Tuy bản thân Phật pháp có chức năng như vậy, nhưng thực trạng Phật giáo hiện nay quả thật đã để lại những hình ảnh và cảm nghĩ không mấy lành mạnh cho xã hội và ngay cả người Phật tử. Tại sao lại có sự mâu thuẫn này? Theo tôi vấn đề không khó hiểu, đó là kết quả tất yếu khi chúng ta cùng nhau ca ngợi “những hư danh” mà bản thân đức Phật đã từng từ bỏ và xa lánh; ngược lại bổn phận trách nhiệm của người xuất gia là tu học Phật pháp, phát huy chánh tri chánh kiến, là điều đáng được ca ngợi và phát huy, chúng ta lại không ca ngợi và phát huy. Ông Phật bên ngoài thì chúng ta tô sơn thếp vàng, hoa quả cúng hằng ngày, nhưng ông Phật trong lòng thì bụi bám trăm lớp, thì làm sao Phật pháp không rơi vào hiện tượng này. Hoằng dương Phật pháp là làm thế nào để cho giáo lý trí tuệ và từ bi của Ngài được phát huy ở xã hội, ở trong mỗi con người chúng ta, nhất là hàng xuất gia và Phật tử. Không phải cùng nhau ca ngợi Phật pháp là siêu việt, hay dựa vào ông Phật thếp vàng bảo rằng Phật pháp hưng thịnh. Ông Phật thếp vàng là biểu hiện thái độ kính ngưỡng của chúng ta đối với đức Phật, ước muốn thành Phật, nhưng điều đó không đồng nghĩa khi ông Phật bên ngoài được sáng đẹp thì Phật bên trong cũng được trong sáng như thế, vì chất liệu làm sáng tỏ hai vị Phật này khác nhau. Phật bên ngoài chúng ta có thể dùng vàng ngọc... trang sức làm cho sáng đẹp, nhưng ông Phật bên trong không thể dùng chất liệu này, mà phải dùng chất liệu của trí tuệ và từ bi, thiếu hai chất liệu này, Phật trong lòng khó trong sáng. Chính ông Phật trong lòng không trong sáng thì làm sao có thể làm cho Phật pháp hưng thịnh ở thế gian. Chúng ta có thể vay mượn hình dáng ông Phật bằng vàng ngọc bên ngoài làm phương tiện để dẫn dụ mọi người hiểu ông Phật bên trong, nhưng tuyệt đối không nên làm người khác nhầm lẫn hai ông Phật này là một. Bằng không, đây chính là một trong những nguyên nhân dẫn đến suy tàn Phật pháp, như đã được Thế Tôn phân tích:

 “Này Ca-diếp, thí như lúc kiếp sắp muốn hoại, tuy vật báu thật chưa diệt mất, nhưng vật báu ngụy tạo tương tợ lại xuất hiện ở thế gian. Khi vật báu ngụy tạo đã xuất hiện, vật báu thật sẽ mất. Cũng vậy Ca-diếp, Chánh pháp Như Lai lúc sắp muốn diệt, lại có tượng pháp tương tợ sanh ra; khi tượng pháp tương tợ đã xuất hiện ở thế gian rồi, thì Chánh pháp sẽ bị diệt.

Thí như trong biển cả, nếu thuyền chở nhiều trân bảo, chắc sẽ nhanh chóng bị đắm chìm. Chánh pháp Như Lai không như vậy, mà sẽ bị tiêu diệt từ từ. Chánh pháp của Như Lai không bị đất làm hoại, không bị nước, lửa, gió làm hoại đi. Cho đến lúc chúng sanh ác xuất hiện ở thế gian, thích làm các điều ác, muốn làm các điều ác, thành tựu các điều ác; phi pháp nói là pháp, pháp nói là phi pháp; phi luật nói là luật; bằng pháp tương tợ mà cú vị thịnh hành. Bấy giờ Chánh pháp Như Lai mới chìm mất.”[5]

Nội dung bài kinh này đức Phật giải thích nguyên nhân đưa đến chánh pháp bị hủy hoại, Ngài nói: Đất có thể vùi lấp bất cứ vật gì trên thế gian, nhưng đất không thể vùi lấp Phật pháp; nước có thể cuốn trôi nhận nhìm mọi vật, nhưng nước không thể cuốn trôi hay nhận chìm Phật pháp; lửa có thể thiêu rụi mọi vật trên thế gian, nhưng lửa không thể đốt cháy Phật pháp; gió (cuồng phong) cũng có thể thổi bay mọi vật, nhưng gió không thể thổi bay Phật pháp. Đất, nước, lửa, gió là những loại rất nguy hiểm có khả năng phá hoại tất cả mọi vật, nhưng chúng không phải là vật có thể phá hoại Phật pháp. Ngài lại phân tích, thuyền chở các vật châu báu, là những nguyên nhân có thể làm chìm thuyền vì nặng hay bị cướp bóc, nhưng giáo pháp của Như Lai không bị những thứ đó có thể làm hoại diệt; chỉ có “pháp tương tợ”, là những pháp có hình dáng, ý nghĩa tương tợ, giông giống pháp của Như Lai, chính pháp ấy mới có thể hủy diệt giáo pháp của Ngài. Đây chính là ý nghĩa câu: “vật báu thật chưa diệt mất, vật báu ngụy tạo tương tợ lại xuất hiện ở thế gian. Khi vật báu ngụy tạo đã xuất hiện, vật báu thật sẽ mất.” Ở đây, đức Phật gọi “vật báu thật” chỉ cho Phật pháp hay chánh pháp; “vật báu ngụy tạo” chỉ cho những cái ngụy tạo, giả danh Phật pháp. Thế thì pháp nào là pháp bị giả danh? Pháp giả danh là những pháp giông giống với Phật pháp, nhưng bản chất của Pháp đó không liên hệ đến giác ngộ giải thoát, cản trở phát triển trí tuệ, tăng trưởng phiền não, tạo thành sự nhầm lẫn giữa Phật pháp và phi pháp, không phân biệt đâu là chánh pháp, đâu là tà pháp; đâu là thiện pháp, đâu là ác pháp, lấy phương tiện làm cứu cánh, lấy cứu cánh làm phương tiện.... Những cái ngụy tạo, giả danh này không những làm lu mờ giáo lý giác ngộ và giải thoát của Thế Tôn, mà còn làm cho chính bản thân người đó phải thọ nhận khổ đau, vì nếu không phân biệt, không nhận thức rõ tà pháp và chánh pháp, tưởng tà pháp là chánh pháp, lấy tà pháp tu tập thì làm sao có kết quả an lạc hạnh phúc, lấy tà pháp giảng dạy giới thiệu cho người khác thì làm sao Phật pháp không suy tàn. Sự dễ dãi trong việc nhận người xuất gia, buông thả việc quản lý, và thiếu sự giáo dục, ắt hẳn Phật giáo không sao tránh khỏi trường hợp này. Từ thực tế sinh hoạt của Tăng già hiện nay chúng ta có thể thấy điều đó rất rõ ràng. Nếu như người mới xuất gia không được đào tạo một cách nghiêm túc, không được học Phật pháp, không biết bổn phận và trách nhiệm đối với tự thân và Phật pháp, thì khi trở thành Tỷ kheo, Tỷ kheo ni, vị ấy lấy gì để tu tập và lấy gì để giảng dạy cho đàng hậu thế và Phật tử? Khi ấy chắc chắn sẽ phát sinh “pháp tương tợ”. Sẽ càng nguy hiểm hơn nếu như vị đó làm trụ trì, hay giữ một vị trí quan trọng nào của Giáo hội, cũng lại lấy kiến thức “tương tợ” về Phật pháp ấy điều hành ngôi chùa, hay điều hành Giáo hội. Nếu vậy Phật pháp sẽ đi về đâu khi giáo lý “nhân quả” rất công bằng và minh bạch, không thể trồng đậu sinh quả dưa, gieo nhân lành mà gặp quả ác? Cũng thế, người xuất gia không tu học Phật pháp mà có thể hoằng dương Phật pháp là điều đó khó có thể xảy ra, ngược lại đạo lý nhân quả. Nếu không biết Phật pháp mà dạy Phật pháp thì pháp đó là pháp tương tợ, là nguyên nhân dẫn đến sự suy tàn Phật pháp. Đây chính là ý nghĩa câu: “Chánh pháp Như Lai lúc sắp muốn diệt, lại có tượng pháp tương tợ sanh ra; khi tượng pháp tương tợ đã xuất hiện ở thế gian rồi, thì Chánh pháp sẽ bị diệt.”Đây là điều chúng ta cần suy nghĩ.

Một vấn đề được nêu lên ở đây, ai là người có thể tạo ra “Pháp tương tợ”? Câu trả lời không ai khác hơn là đệ tử của Như Lai. Chỉ có đệ tử của Như Lai mới đủ điều kiện tạo ra pháp tương tợ. Giả như ngoại đạo có cố tình muốn phá hoại Phật pháp bằng cách tạo ra “pháp tương tợ”, nhưng nếu đệ tử của Như Lai là người có trí, hiểu rõ Phật pháp, thì bất cứ một pháp giả mạo xuất hiện trong đạo Phật cũng sẽ bị vạch trần. Không có một Phật tử nào lại tin người ngoại đạo mà không tin đệ tử của Phật.

Chỉ có người xuất gia mà không biết Phật pháp lại tưởng pháp tương tợ là Phật pháp, cho rằng đó là Phật pháp, mới có đủ điều kiện tạo ra “pháp tương tợ”. Vì với hình tướng của người xuất gia, với tư cách là thành viên của tăng già, là một trong ba ngôi báu cho hàng Phật tử tại gia nương tựa, là vị thầy của thế gian, nên đã làm cho Phật tử tin tưởng. Đây chính là ý nghĩa của câu “sư tử trùng thực sư tử nhục”, có nghĩa là chỉ có loài trùng sư tử mới có thể ăn thịt sư tử. Tại sao lại xảy ra điều này? Trong “Kinh Tăng Chi” đức Thế Tôn giải thích:

“Do nhân gì, do duyên gì, bạch Thế Tôn, sau khi Như Lai nhập diệt, Chánh pháp không được an trú lâu ngày? Ở đây, này Kimbila, khi Như Lai nhập diệt, các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni, nam cư sĩ, nữ cư sĩ sốngkhông tôn trọng, không vâng lời bậc Ðạo sư; sống không tôn trọng, không vâng lời Pháp;sống không tôn trọng, không vâng lời chúng Tăng;sống không tôn trọng, không vâng lời học pháp; sống không tôn trọng, không vâng lời lẫn nhau. Do nhân này, do duyên này, này Kimbila, khi Như Lai nhập diệt, diệu pháp không được an trú lâu ngày.”[6]

Ở đây đức Phật giải lý do khiến Phật pháp sớm suy tàn, chính là không tôn trọng vâng lời bậc Đạo sư, không tôn trọng vâng lời Pháp. Phật là người đã giác ngộ tìm ra chân lý, là pháp giúp mọi người giác ngộ và dẫn đến giải thoát, đoạn trừ phiền não, nhưng Phật đã nhập Niết bàn, không còn ở thế gian. Tuy Ngài đã nhập Niết bàn, nhưng giáo pháp của Ngài vẫn còn đó, bất cứ ai y cứ vào pháp đó thực hành cũng sẽ được giác ngộ và giải thoát. Nếu ai theo Ngài làm đệ tử xuất gia hay tại gia, mong muốn được giác ngộ và giải thoát như Ngài, nhưng không làm theo lời chỉ dạy của Ngài mà đôi khi làm ngược lại thì không thể nào được giác ngộ giải thoát, Phật pháp không thể nào hưng thịnh. Những người này đức Phật gọi là những người đối với Ngài với tâm hận thù, như Ngài nói:

“Do vậy, này Ananda, hãy đối xử với ta, với tâm thân hữu, không với tâm thù nghịch, và như vậy các ông sẽ được hạnh phúc an lạc lâu dài. Và như thế nào là các đệ tử đối xử vị Ðạo sư với tâm thù nghịch, không với tâm thân hữu?Ở đây, này Ananda, vị Ðạo sư ấy với lòng từ mẫn thuyết pháp cho các đệ tử, mong cầu hạnh phúc cho họ, vì lòng từ mẫn nói rằng: "Ðây là hạnh phúc cho các ông, đây là an lạc cho các ông". Nhưng các đệ tử của vị ấy không chịu nghe theo, không chịu lóng tai, chú tâm vào hướng khác (annan), ngược lại, họ đi xa lời giảng dạy của vị Ðạo sư. Như vậy, này Ananda, là các đệ tử đối xử với bậc Ðạo sư, với tâm thù nghịch, không với tâm thân hữu.”[7]

Ở đây đức Phật xác định, mục đích nói pháp của Ngài, vì thương chúng sanh chìm trong đau khổ, muốn họ nghe và làm theo sự chỉ dẫn của Ngài để tự mình được hạnh phúc an lạc. Tuy nhiên, có không ít người theo Ngài làm đệ tử của Ngài, nhưng họ không chịu thực hành theo lời chỉ dẫn của Ngài mà lại làm theo một hướng khác. Đức Thế Tôn gọi những người đó là những người có tâm thù nghịch với Ngài, không phải là người hoằng dương giáo pháp của Ngài. Có liên quan đến vấn đề này, trong “Kinh Thừa Tự Pháp” đức Phật lại đề cập:

“Này các Tỷ-kheo, hãy là người thừa tự Pháp của Ta, đừng là những người thừa tự tài vật. Ta có lòng thương tưởng các Ngươi và Ta nghĩ: Làm sao những đệ tử của Ta là những người thừa tự Pháp của Ta, không phải là những người thừa tự tài vật?. Và này các Tỷ-kheo, nếu các Ngươi là những người thừa tự tài vật của Ta, không phải là những người thừa tự Pháp, thì không những các Ngươi trở thành những người mà người ta nói: Cả thầy và trò đều là những người thừa tự tài vật, không phải là những người thừa tự Pháp, mà cả Ta cũng trở thành người mà người ta nói: Cả thầy và trò đều là những người thừa tự tài vật, không phải là những người thừa tự Pháp.”[8]

Gia tài lớn nhất của thế gian là tài sản và địa vị, vì vậy khi về già cha mẹ phải làm di chúc tài sản đó cho ai đó trong những người con. Thời phong kiến, người có địa vị như vua cũng phải chỉ định ai đó thay thế mình, nếu không thì anh em có thể tranh giành, cãi cọ, thậm chí chém giết nhau. Do vậy, gia tài và địa vị là hai thứ rất quan trọng ở thế gian. Ngược lại, trong Phật pháp, tài sản danh vọng không là cái quan trọng mà quan trọng nhất là “Pháp” (dhamma). Pháp ở đây không phải là cái “y” hay “bình bát”, cũng không phải “kinh điển” đức Phật để lại, mà chính là chúng ta thực tế hành trì lời dạy của Thế Tôn. Ngài khuyên cần phải đoạn trừ tham sân si, nếu tỷ kheo nào thực sự tu tập đoạn trừ tham sân si, thì tỷ kheo ấy đã kế thừa giáo pháp của Phật. Ngược lại, tỷ kheo nào dù có y bát, kinh điển của Ngài, nhưng tham sân si không từ bỏ, thì tỷ kheo ấy cũng không thể gọi là người kế thừa, vì gia tài của Ngài chính là sự giác ngộ giải thoát, không phải là y bát, tài sản.... Với Ngài, tài sản như y bát tự viện...chỉ là phương tiện cho tỷ kheo thuận tiện trong việc tu tập cho mình và cho người khác, không phải là gia tài của Phật, do vậy chúng ta không nên xem việc phát triển hình thức là sự hưng thịnh Phật pháp, cũng như thấy sự thiếu thốn cơ sở vật chất cho rằng Phật pháp suy tàn.

Trong thời đại ngày nay, tiền tài vật chất có thể nói là yếu tố không kém phần quan trọng trong việc hoằng pháp lợi sanh, nhưng nó không đồng nghĩa có tiền tài có cơ sở vật chất, là Phật pháp sẽ hưng thịnh. Có cơ sở vật chất nhưng thiếu người có tấm lòng và hiểu biết Phật pháp để hoằng pháp, thì Phật pháp cũng không có điều kiện hưng thịnh. Đôi khi sự phát triển cơ sở vật chất không hợp tình hợp lý sẽ có tác dụng ngược lại, lịch sử đã chứng minh điều đó. Đây chính là lý do tại sao đức Phật nói: nếu các Ngươi là những người thừa tự tài vật của Ta, (sẽ bị)...người ta nói: Cả thầy và trò đều là những người thừa tự tài vật, không phải là những người thừa tự Pháp...”.Theo tôi, đây là điểm mà chúng ta cần lưu ý, không nên xem thường những vấn đề liên quan đến vật chất. Dân gian Việt Nam có câu: “Tiền tài là huyết mạch”. Khi tiền tài đã trở thành huyết mạch, thì nó chiếm vị trí rất quan trọng trong lòng người. Cần phải thận trọng khi sử dụng chúng, nếu không nó trở thành “con rắn độc” không những nó cắn chết mình mà còn tổn thương Phật pháp.

**3. Những nhân tố khiến Phật pháp hưng thịnh**

Phật, Pháp và Tăng là “3 ngôi báu”. Phật là vị sáng lập Phật giáo, tìm ra con đường giác ngộ và giải thoát, đã nhập Niết bàn cách đây khoảng 2500 năm; Pháp là nội dung là nội dung Thế Tôn giác ngộ dưới cội cây Bồ đề, được Ngài thuyết giảng trong thời gian còn tại thế, được ghi chép thành Tam tạng, có ý nghĩa thâm sâu khó hiểu; Tăng là đoàn thể xuất gia, thực hiện lý tưởng giác ngộ giải thoát.

Ngoài mục đích thực hiện lý tưởng giác ngộ giải thoát, Tăng còn có bổn phận hoằng dương Phật pháp, đem giáo lý giác ngộ đến thế gian. Do vậy, vai trò của Tăng già rất quan trọng trong việc duy trì và phát triển Phật giáo. Nói cách khác, Tăng già giữ vai trò quyết định sự thịnh suy của Phật pháp.

“Tăng già” là từ được người Hoa dịch âm từ tiếng P?li: saºgha, hay Sanskrit: saµgha có nghĩa là tăng đoàn, giáo đoàn, hội chúng, là một tập thể gồm nhiều người. Theo luật qui định, khi gọi là Saµgha phải có tối thiểu từ bốn người trở lên. Nếu chỉ có một hoặc hai người không được gọi là Tăng già, không được đại diện cho Tăng già hoặc quyết định bất cứ việc gì thuộc về Tăng. Nói tóm lại, vấn đề thuộc Tăng già, phải do toàn thể thành viên của Tăng già quyết định, không thể do một hoặc vài người quyết định, dù ở địa vị nào, chức vụ gì ở xã hội hay trong Phật giáo. Tất cả các thành viên của Tăng già đều bình đẳng, có tư cách và quyền hạn ngang nhau. Bất cứ là ai, thuộc giai cấp nào, khi đã xuất gia thọ cụ túc giới đều bình đẳng, không phải người nhiều tuổi hạ có quyền hơn người ít tuổi hạ, cũng không phải người da trắng có quyền hơn người da đen, do vậy không ai có quyền lãnh đạo ai, hay phải lệ thuộc vào ai. Có thể nói, đây là tinh thần bình đẳng dân chủ trong đạo Phật, đã được đức Phật thực hiện và đề cao.

Ở đây, chúng ta cũng cần chú ý, tinh thần bình đẳng dân chủ trong đạo Phật được xây dựng từ sự hiểu biết (trí tuệ) - là người biết bổn phận trách nhiệm chứ không phải là người thiếu trách nhiệm. Do vậy, tinh thần dân chủ không đồng nghĩa là sự tùy tiện, tự do vô tổ chức, mà Tăng già phải sống theo tinh thần của “Pháp”, là lối sống hướng đến giác ngộ và giải thoát. Như vậy, Pháp trở thành nơi nương tựa, là vị thầy cho Tăng già. Thật ra giữa Pháp và Tăng, Pháp vẫn là nơi nương tựa an ổn chắc chắn nhất cho Tăng, vì vị Tăng nào cũng phải y vào Pháp mà giảng dạy, không thể tự sáng lập pháp khác. Hơn nữa, Tăng vốn là con người, bản chất con người là tham sân và si, nếu vị Tăng ấy chưa đoạn trừ tham sân si, lại lấy những quan điểm được xây dựng từ tham sân si dạy người khác, thì quan điểm, lời dạy đó thật nguy hiểm cho người nghe. Do vậy, đạo Phật không chấp nhận việc dựa vào quan điểm của cá nhân hay của riêng một nhóm người nào đó để lãnh đạo Tăng già và bất Tăng già phải chấp nhận và làm theo quan điểm đó. Đây chính là tinh thần “Y pháp bất y nhân” đã được Tôn giả A Nan xác định trong “Kinh Trung A hàm”, “Kinh Cù Mặc Mục Kiền Liên”.

Trong kinh này ghi lại cuộc đối thoại giữa đại thần Vũ Xá và tôn giả A Nan về quan điểm này như sau:

- Đại thần Vũ Xá hỏi: Trước khi Thế Tôn nhập diệt, Ngài có chỉ định vị Tỷ kheo nào sẽ là nơi nương tựa cho chúng tăng không?

- Tôn giả A Nan trả lời: Không có.

- Đại thần Vũ Xá lại hỏi: Sau khi Thế Tôn nhập diệt chúng tăng có hợp lại, chỉ định hay cung thỉnh vị nào làm nơi nương tựa cho chúng tăng không?

- Tôn giả A Nan trả lời: Cũng không có.

- Đại thần Vũ Xá liền đặt nghi vấn: Nếu vậy, phải chăng chúng tăng không có nơi nương tựa?

- A Nan trả lời: Dẫu rằng, Như Lai trước khi nhập diệt không chỉ định ai lãnh đạo làm nơi nương tựa cho Tăng già, chúng tăng cũng không mời ai làm nơi nương tựa cho chúng tăng, tuy nhiên điều đó không đồng nghĩa chúng tăng không nơi nương tựa, chỗ nương tựa của chúng tăng chính là “Pháp”, không phải là người nào.***[9]***

Qua nội dung và ý nghĩa của lời đối thoại này, có thể nói quan điểm này hoàn toàn trái ngược với thuyết cho rằng, Phật truyền cho Ca Diếp, Ca Diếp truyền cho A Nan... được ghi chép trong “Phú Pháp Tạng Nhân Duyên Truyện” (付法藏因緣傳)[10] mà chúng ta đã nghe. (Tuy nhiên, thực tế như thế nào vẫn còn nhiều vấn đề chúng ta sẽ nghiên cứu và bàn luận vào dịp khác trong một chuyên đề riêng.) Đây là quan điểm “Y pháp bất y nhân” của A Nan được ghi lại trong bản kinh vừa đề cập. Xét về nguồn gốc, đây cũng không phải là ý kiến riêng của A Nan mà chính là quan điểm của đức Phật, A Nan chỉ là người lặp lại. Đức Phật cũng từng nói: “Này Ananda, Như Lai không có nghĩ rằng:Ta là vị cầm đầu chúng Tỷ kheo”[11]. Như Lai là người giác ngộ chân lý, là vị sáng lập Phật giáo, chúng tăng là đệ tử theo Ngài tu học, nhưng tại sao Ngài phủ nhận vai trò lãnh đạo cầm đầu Tăng già? Theo cách lý giải của tôi về vấn đề này, pháp mà Ngài giác ngộ là chân lý của thế gian, không phải là pháp do Ngài sáng tạo, nếu pháp không phải do Ngài sáng tạo thì Ngài không có quyền đem pháp ấy cho người này hay người kia, hơn nữa, mỗi người là chủ nhân của chính mình, tự mình quyết định tất cả, thế thì Ngài làm chủ được ai, do vậy Ngài chỉ là vị Đạo Sư, có trách nhiệm chỉ cho mọi người thấy và biết chân lý, còn chấp nhận hay không là quyền của mọi người. Có lẽ vì vậy mà Ngài phủ nhận vai trò lãnh đạo hay cầm đầu chúng tăng. Bản thân Ngài đã phủ nhận vai trò lãnh đạo thì lẽ nào Ngài lại giao quyền lãnh đạo cho Ca Diếp?. Chính vì không chấp nhận bất cứ ai lãnh đạo Tăng già và sợ tăng già dễ tin lạc vào quan điểm cá nhân tà pháp nên Ngài đã nhiều lần nhắc nhở Tỳ kheo:

“Hãy tự mình là ngọn đèn cho chính mình, hãy tự mình nương tựa chính mình, chớ nương tựa một điều gì (ai) khác. Dùng chánh pháp làm ngọn đèn, dùng chánh pháp làm chỗ nương tựa...”[12]

Ý nghĩa hai đoạn kinh vừa dẫn đã chứng minh cụ thể quan điểm “y pháp bất y nhân” mà Ngài A Nan trả lời cho đại thần Vũ Xá chính là quan điểm của đức Phật, không phải ý kiến riêng của A Nan.

Quan điểm “Y pháp bất y nhân” không những nói lên quan điểm tôn trọng “Pháp” và “Luật” trong đạo Phật, còn biểu thị thái độ không quá đề cao vai trò cá nhân trong tổ chức, vì nó dễ phát sinh tiêu cực và lạc hướng. Hơn nữa, nếu đứng từ góc độ xã hội nhìn về quan điểm “Y pháp bất y nhân” này, có thể nói nó là quan điểm tiến bộ, không chấp nhận thể chế “quân chủ chuyên chế” của vua chúa ngày xưa, xem ý kiến của vua là trên hết, hành xử theo ý kiến của nhà vua. Ngược lại, quan điểm này đề cao một nhà nước hoặc tổ chức điều hành theo “Hiến pháp” và “Pháp luật”. Nghĩa là “Hiến pháp” và “Pháp luật” là trên hết, bất cứ người làm lãnh đạo nào cũng phải căn cứ vào Hiến pháp và  Pháp luật để điều hành quốc gia hay tổ chức, ai làm sai Hiến pháp và Pháp luật thì sẽ bị xử trị theo luật pháp đã qui định, không tương nhượng thiên vị bất cứ ai, dù đó là quan hay dân.

Cũng vậy, trong Phật pháp đề cao tinh thần “Y pháp bất y nhân”. Sau khi Như Lai nhập diệt chúng tăng phải y theo “Pháp” và “Luật” để tu tập, nhằm mục đích tránh trường hợp người có tà tâm, lợi dụng lợi chức vụ quyền hạn hướng Phật pháp hướng tăng già đi vào một con đường khác, không những làm cho Phật pháp sớm hoại diệt, chúng tăng và Phật tử rơi vào lao đao, gặp nhiều phiền não. Từ ý nghĩa này gợi ý cho chúng ta nhận thức rõ rằng, nếu chúng ta có nhu cầu thành lập Giáo hội, Tổ chức với danh xưng nào đi nữa thuận lợi cho việc hoàng pháp đều có thể được, điều quan trọng không phải là danh xưng mà là nội dung hoạt động của Giáo hội hay Tổ chức đó có phù hợp với “Pháp” và “Luật” của Phật đã từng dạy không. Theo tôi đây là vấn đề mà người xuất gia lẫn Phật tử cần quan tâm.

Pháp (dhamma) là Phật pháp, tất cả những lời Phật dạy, bao gồm kinh luật và luận, giống như kim chỉ nam chỉ mọi người hướng đến giác ngộ và giải thoát; Luật (vinaya) là một trong 3 tạng, là những giới điều, những nguyên tắc sống cho người xuất gia và tại gia, nhằm giúp hành giả dễ dàng hướng đến giác ngộ và giải thoát, gồm “Tứ phần luật”, “Ngũ Phần Luật”, “Thập Tụng Luật”....

Pháp và Luật là những gì người xuất gia cần phải hiểu biết để tu tập, để giáo hóa chúng sanh giống như người thủy thủ đi biển cần phải có la bàn, để biết phương hướng Đông Tây Nam Bắc, từ đó mới xác định được hướng đi của mình. Nếu người xuất gia không biết gì về Pháp và Luật thì cũng giống như người thủy thủ đi biển không có la bàn không phân biệt được phương hướng, thì lấy gì để tu tập, lấy gì để giáo hóa chúng sinh? Điều đó không những nguy hiểm cho bản thân mình, còn mang lại sự nguy hiểm cho người khác. Nếu như người đi biển mà không có la bàn sẽ gặp sự nguy hiểm, thì trong Phật giáo cũng thế, Tăng già giữ nhiệm vụ truyền thừa mạng mạch Phật pháp mà không hiểu biết Phật pháp, sẽ phát sinh các tệ nạn, khiến Phật pháp sớm hủy hoại. Do vậy, muốn ngăn ngừa sự suy tàn của Phật giáo và làm cho Phật pháp hưng thịnh, chúng ta cần phải quan tâm đến mặt giáo dục, và quan trọng là đào tạo tầng lớp Tăng sĩ hiểu Phật pháp. Thực hiện tốt về mặt giáo dục nghĩa là chúng ta đã đào tạo được người có chuyên môn. Những người này sẽ đảm đương gánh vác các Phật sự của Giáo hội. Các Phật sự được quản lý chặt chẽ sẽ tránh những nguyên nhân xấu phát sinh. Khi thành phần Tăng lữ đã được đào tạo nghiêm túc, thấu rõ Phật pháp, có bổn phận và trách nhiệm với Phật pháp, thì hoạt động tăng già cũng đi vào nề nếp, tiếng nói của Tăng đối với xã hội cũng sẽ có giá trị hơn, công việc hoàng dương Phật pháp sẽ tốt hơn, từ đó trình độ hiểu biết về Phật pháp của người Phật tử cũng sẽ cao hơn, thấu rõ hơn. Một xu thế phát triển như thế, tôi tin rằng sẽ được xã hội đồng tình và ủng hộ và chính xã hội sẽ góp phần quyết định Phật giáo phát triển mặt tích cực và loại bỏ mặt tiêu cực, bằng cách ủng hộ duy trì ủng hộ quan điểm hành vi phù hợp chánh pháp, thì nghiễm nhiên mặt tiêu cực trong Phật pháp sẽ tự tiêu diệt. Ví như khi ta để tâm suy tư nhiều về việc thiện, thì những suy nghĩ về bất thiện tự nhiên biến mất (Kinh Song Tầm. Kinh Trung Bộ).

Có thể nói, hình thành một kế hoạch hợp lý cho sự phát triển Phật giáo Việt Nam đã là việc làm rất khó, nhưng điều khó hơn là thực thi kế hoạch đó, sẽ vướng phải nhiều điều khó khăn. Do vậy ở đây tôi chỉ dựa vào những cơ quan tổ chức mà Phật giáo Việt Nam đang hoạt động, gợi ý một vài ý kiến mang tính cá nhân, để cùng nhau suy nghĩ và tìm giải pháp.

**3.1. Phát huy chức năng của Viện Nghiên Cứu Phật học Việt Nam**

Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam ở trong nước đã có: Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam, cơ sở chính đặt tại TP. Hồ Chí Minh và cơ sở phụ đặt tại Thủ đô Hà Nội. Cả hai viện này đều hợp pháp về mặt pháp lý, được phép hoạt động theo chức năng của viện, được biết phạm vi hoạt động khá rộng bao gồm những ngành có liên quan đến Phật giáo. Từ khi thành lập cho đến nay, viện cũng đã làm theo chức năng của mình, nhưng tính hiệu quả còn khiêm nhượng, vẫn chưa tương xứng với danh xưng. Nếu chúng ta biết khai thác, sắp xếp và tổ chức, tiến hành tập hợp giới tri thức, người chuyên môn trong và ngoài nước, cũng như kết nối với các tổ chức nghiên cứu liên ngành, hợp tác nghiên cứu lãnh vực có liên quan đến Phật giáo Việt Nam nói riêng và quốc tế nói chung, tôi tin rằng sẽ gặt gái một số thành quả không nhỏ, góp phần vào sự nghiệp nghiên cứu khoa học chung cho dân tộc nói chung và Phật giáo nói riêng. Đồng thời, ngang qua kết quả nghiên cứu đó, nó sẽ là cơ sở khoa học, đáng tin cậy để chúng ta định hướng cho sự phát triển Phật giáo ở tương lai, cũng từ đó chúng ta sẽ biết việc gì cần làm và việc gì không cần làm, việc nào làm trước và việc nào làm sau, kịp thời ngăn chận những yếu tố tiêu cực, kích thích những nhân tố tích cực để Phật giáo phát triển theo một chiều hướng mà chúng ta đã định sẵn. Có như thế, Phật giáo Việt Nam sẽ không bị động trong việc phát triển Phật giáo.

Trước tình hình Phật Giáo Việt Nam hiện nay, theo tôi Viện NCPHVN không chỉ có trách nhiệm nghiên cứu Phật học mà còn phải nghiên cứu đến việc hiện thực hóa giáo lý đó trong đời sống thực tế của người Phật tử. Quan trọng hơn, Viện phải đảm trách công việc nghiên cứu, định hướng cho sự phát triển Phật giáo, đề xuất những kế hoạch cụ thể khả thi, để Giáo Hội xem xét và thực hiện. Ví dụ, trước bối cảnh đất nước và xã hội đang từng bước hội nhập với nền kinh tế thế giới, sự kiện đó có tác động như thế nào đến Phật giáo Việt Nam? Phật giáo đã chuẩn bị gì cho sự hội nhập này? Hiện nay tại các vùng sâu vùng xa ở Việt Nam,Phật giáo vẫn chưa phát triển, hay nói đúng hơn là chưa có, thế thì Phật giáo có kế hoạch truyền bá ở nơi đó như thế nào? ...

Viện không phải là một cơ quan hành pháp mà là một cơ quan nghiên cứu tập hợp những người chuyên gia tri thức, tiến hành nghiên cứu những vấn đề có liên quan đến Phật giáo ở quá khứ, hiện tại và vị lai. Mục đích của việc nghiên cứu không phải chỉ để phô bày những tri thức, mà mục đích nghiên cứu khoa học nhằm gợi ý đề xuất một ý tưởng hoặc phương pháp cao hơn giá trị hơn ngang qua việc phân tích tổng hợp những sự kiện đã xảy ra trong quá khứ hay những sự kiện đang xảy ra trong hiện tại. Do vậy, chức năng của viện nghiên cứu chỉ đơn thuần làm công việc thuần túy nghiên cứu khoa học, không trực tiếp tham gia các công việc hành chánh của Giáo Hội, không có thẩm quyền quyết định những vấn đề hành chánh của Giáo hội, nhưng Giáo hội cần phải hỗ trợ về mặt cơ sở vật chất, đồng thời xem viện như là một cơ quan cố vấn cho Giáo hội về mặt định hướng phát triển Phật giáo.

Nếu Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam được làm chức năng đó, tôi tin rằng sẽ được nhiều người tri thức trong và ngoài nước ủng hộ, chẳng bao lâu Phật giáo Việt Nam sẽ có những kế hoạch phát triển Phật giáo tốt hơn.

**3.2. Duy trì và phát huy các cơ sở giáo dục Phật giáo Việt Nam**

Có thể nói, yếu tố quyết định cho một quốc gia hay tổ chức phát triển chính là “tri thức, kiến thức”. Tri thức kiến thức là hạt mầm sinh ra những điều tốt đẹp hạnh phúc cho con người. Từ sự phát triển kinh tế, ổn định chính trị, cho đến hạnh phúc gia đình v.v... đều do tri thức giữ phần quyết định quan trọng. Tri thức, kiến thức không phải là thứ bẩm sinh, tự nhiên mà có, cũng không phải do thần linh ban bố, mà nó có được do quá trình học tập rèn luyện. Do vậy, giáo dục trở thành một ngành rất quan trọng trong việc quyết định xã hội phát triển.

Phật giáo vẫn không ngoại lệ, giáo dục huấn luyện không những là  yêu cầu cơ bản trong việc giúp cho chúng sinh thành tựu giác ngộ và giải thoát, còn là phương tiện cơ bản cho việc hoằng dương Phật pháp hay phát triển Phật Giáo. Khi chúng ta gọi hoằng dương Phật pháp, có nghĩa là chúng ta phải biết Phật pháp là gì và thế gian cần gì ở Phật pháp, hai vấn đề này được hiểu rõ, thì công việc hoằng pháp mới có thể thực thi. Tri thức về Phật pháp và xã hội cũng không thể tự nhiên mà có, cũng không phải ở chùa lâu ngày mà có được, mà phải trải qua sự huấn luyện, tức là giáo dục. Vì vậy, Phật giáo cũng lấy việc giáo dục làm đòn bẩy cho việc tu tập và phát triển Phật pháp ở thế gian. Tuy nhiên, hiệu quả của việc tu tập và sự thành công của việc hoằng pháp phần lớn tùy thuộc vào việc giáo dục có đúng hướng hay không.

Phật giáo ở Việt Nam, hầu như mỗi tỉnh thành đều có các trường sơ trung cấp Phật học, và cũng đã có 3 học viện ở miền Nam, Trung và Bắc đào tạo chương trình Đại học, dù chưa có trường Đại học. Dẫu rằng, văn bằng những cơ sở đào tạo này, chỉ có giá trị trong nội bộ Phật giáo, không có giá trị về mặt xã hội, nhưng dù sao đi nữa, những cơ sở giáo dục này, có vai trò rất quan trọng trong việc đào tạo người chuyên môn, và định hướng cho sự phát triển Phật giáo Việt Nam cho hiện tại và ngay cả về tương lai. Nếu Phật giáo Việt Nam có kế hoạch tốt trong việc đào tạo, tôi tin rằng thành quả giáo dục đào tạo tốt đó, sẽ là nhân tố tích cực, là những chứng minh cụ thể nhất để những người phụ trách ngành giáo dục, giới tri thức trong và ngoài nước, cũng như quần chúng Phật tử có niềm tin và ủng hộ, khi đó việc Phật Giáo Việt Nam xây dựng một hay nhiều trường Đại học Phật giáo sẽ thuận lợi hơn.

**4.     Lời kết**

Phật pháp là những gì từ nội tâm của Thế Tôn giác ngộ dưới cội cây Bồ đề. Sau khi giác ngộ, trải qua 45 hay 49 năm Ngài thuyết pháp độ sanh mô tả về chân lý đó. Về sau các đệ tử của Ngài đã kết tập thành 3 tạng kinh điển đều được gọi là pháp, là chân lý của thế gian, là con đường đưa con người đến giác ngộ và giải thoát và những ai thực hành con đường đó cũng sẽ được giác ngộ và giải thoát. Do vậy, giác ngộ giải thoát là mục đích của đạo Phật, cũng là bản chất của Phật pháp. Như vậy, khi chúng ta đề cập đến sự suy tàn hay hưng thịnh của Phật pháp, có nghĩa là đề cập đến tinh thần giác ngộ và giải thoát của đức Phật có được hưng thịnh ở thế gian hay không, chứ không thể dựa vào các hình thức bề ngoài để đánh giá Phật pháp hưng suy.

Sau khi Thế Tôn nhập diệt, người xuất gia ngoài nhiệm vụ tu tập để được giác ngộ và giải thoát, còn có trách nhiệm hoằng dương Phật Pháp, cho nên Tăng được xếp vào một trong 3 ngôi báu. Nếu Tăng già có nhiệm vụ hoằng dương Phật pháp thì sự suy tàn hay hưng thịnh của Phật pháp đều do Tăng già. Như vậy, sau khi Thế Tôn nhập diệt, vai trò và vị trí của Tăng già rất quan trọng đối với sự hưng suy của Phật pháp.

Trong “Kinh Tạp A hàm” đức Phật nói, đất nước gió lửa có thể hủy hoại mọi vật, nhưng chúng không thể hủy hoại giáo pháp của Như Lai; cũng vậy tà ma ngoại đạo có thể có ác tâm phá hoại Phật pháp, nhưng nếu đoàn thể Tăng già hòa hợp thanh tịnh và sáng suốt, thì không có ma quỉ nào có thể hủy hoại Phật pháp. Nhưng có một hạng người có thể làm hủy hoại giáo pháp Như Lai, đó là đệ tử của Ngài, những người này nhân danh đệ tử của Thế Tôn, không hiểu và tu tập theo pháp của Ngài, cố ý hay vô tình tạo ra “pháp tương tợ”, na ná giông giống Pháp của Như Lai, khiến mọi người tin và hành theo pháp của vị ấy. Khi pháp tương tợ xuất hiện thì chánh pháp biến mất. Đây chính là nguyên nhân khiến Phật pháp hoại diệt.

Nếu như cái nhân khiến cho Phật pháp bị suy tàn là do Tăng già thiếu hiểu biết về giáo pháp của Như Lai, thì muốn Phật pháp hưng thịnh phải đoạn trừ cái nhân đó, bằng cách giáo dục Tăng già hiểu rõ chánh pháp. Nếu Tăng già đã hiểu rõ Phật pháp, phân biệt được tà pháp và chánh pháp, thì họ không hành tà pháp, và hướng dẫn Phật tử tránh tà pháp, hành chánh pháp. Khi Phật tử hành chánh pháp không hành tà pháp, họ sẽ được hạnh phúc an lạc, và tin tưởng Phật pháp. Phật pháp cũng nhờ vậy mà hưng thịnh.

**Phật giáo** (zh. 佛教, sa. *buddhaśāsana*, pi. *buddhasāsāna*, bo. *sangs rgyas bstan pa* སངས་རྒྱས་བསྟན་པ་) là một [tôn giáo](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%B4n_gi%C3%A1o) bao gồm nhiều truyền thống, phương pháp tu tập dựa trên lời dạy của một nhân vật lịch sử là [Tất-đạt-đa Cồ-đàm](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BA%A5t-%C4%91%E1%BA%A1t-%C4%91a_C%E1%BB%93-%C4%91%C3%A0m) (zh. 悉達多瞿曇, sa. *siddhārtha gautama*, pi. *siddhattha gotama*). Tất-đạt-đa Cồ-đàm thường được gọi là **Phật-đà**,**Bụt-đà** (sa., pi.*buddha*), Phật, hay Bụt, có nghĩa là "người tỉnh thức", "người giác ngộ". Theo truyền thống Phật giáo, Phật đã sống và giảng đạo ở vùng đông Ấn Độ từ khoảng [thế kỉ thứ 6 trước Công nguyên](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_6_TCN) đến [thế kỉ thứ 4 trước Công nguyên](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_4_TCN). Giáo lý của Phật, theo người Phật tử (người theo đạo Phật), nhằm vào việc giải thoát chúng sinh hữu tình thoát khỏi cái khổ sanh tử luân hồi, bằng việc không còn bị ô nhiễm Vô Minh hay dục ái. Vô minh và dục ái trược trừ do sự trực nhận được Tứ Diệu Đế và Thập Nhị Nhân Duyên. Mục đích tối thượng của Phật giáo là đạt được Niết bàn. Giáo pháp đó được gọi là [Phật pháp](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt) (zh. 法, sa. *dharma*, pi. *dhamma*.

Phật pháp có 2 nhánh chính: Nguyên Thủy (Theravada, Tiểu Thừa, Trưởng lão bộ) và Đại Thừa (Hữu chúng bộ, Mahayana). Đạo Phật Nguyên Thủy phát triển mạnh ở Sri Lanka và Đông Nam Á (Thái Lan, Lào, Campuchia, Myanmar ….). Đạo Phật Đại Thừa phát triển ở Đông Á (Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật, Việt Nam, Singapore,…) và bao gồm nhiều truyền thống như Tịnh Độ, Thiền, Phật giáo Tây Tạng, Chân Ngôn Tông, Thiên Thai Tông…. Ngoài ra, theo một số cách phân loại, nhánh thứ 3 là Mật Tông (Vajrayana), phát triển ở Tây Tạng và Mông Cổ, nhưng, theo một số phân loại khác, Mật Tông được xếp vào Đại Thừa.

Mặc dù phát triển chủ yếu ở Châu Á, nhưng hiện nay Đạo Phật được tìm thấy ở khắp thế giới và là tôn giáo phát triển nhanh nhất. Ước tính số người theo đạo Phật vào khoảng 350 triệu đến 1,6 tỷ người.

Các trường phái Phật giáo khác nhau ở quan điểm về bản chất của con đường đưa đến giải thoát, tính chính thống của các bài giảng đạo và kinh điển, đặc biệt là ở phương thức tu tập.

Nền tảng của truyền thống Phật giáo là Tam Bảo: Phật Bảo (Buddha), Tăng Bảo (Sangha) – và Pháp Bảo (Dhamma). Để trở thành Phật tử, trước hết một người phải quy y (xem là nơi nương tựa) Tam bảo. Ngoài ra, còn có giữ giới, tu thiền,……

Giáo lý cơ bản[[sửa](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o&veaction=edit&vesection=1" \o "Sửa đổi phần \“Giáo lý cơ bản\”) | [sửa mã nguồn](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o&action=edit&section=1)]

**\*:Tứ diệu đế**[[sửa](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o&veaction=edit&vesection=2) | [sửa mã nguồn](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o&action=edit&section=2)]

Cơ sở tư tưởng và cốt lõi của [Phật pháp](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt) là [Tứ diệu đế](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%A9_di%E1%BB%87u_%C4%91%E1%BA%BF). Bốn chân lý giải thích bản chất của sự khổ trong [luân hồi](http://vi.wikipedia.org/wiki/Lu%C3%A2n_h%E1%BB%93i) (zh. 輪回, sa., pi. *saṃsāra*), nguyên nhân của sự khổ, và làm thế nào để giải trừ đau khổ.

1. **Khổ đế** (zh. 苦諦, sa. *duḥkhāryasatya*, bo. *sdug bsngal bden pa* སྡུག་བསྔལ་བདེན་པ་), chân lý về sự Khổ: Sanh là khổ, già là khổ, bịnh là khổ, tử là khổ, sống chung với người mình không ưa thích là khổ, xa lìa người thân yêu là khổ, mong muốn mà không được là khổ, tóm lại chính thân ngủ uẩn là khổ. Sâu xa hơn, bản chất của sự khổ là do ái dục, do chấp thủ, tham ái năm nhóm thân tâm, [Ngũ uẩn](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%C5%A9_u%E1%BA%A9n) (zh. 五蘊, sa. *pañcaskandha*, pi. *pañcakhandha*).
2. **Tập đế** (zh. 集諦, sa. *samudayāryasatya*, bo. *kun `byung bden pa* ཀུན་འབྱུང་བདེན་པ་), chân lí về sự phát sinh của khổ: Thập nhị nhân duyên zh. 緣起, sa. *pratītyasamutpāda*, pi. *paṭiccasamuppāda*: do không như thực nhận biết về 4 sự thật cao quý (Vô Minh zh. 無明, sa. *avidyā*, pi. *avijjā*), qua nhiều giai đoạn nhân duyên, khiến cho ái sinh khởi, cho đến sầu bi khổ, ưu não.
3. **Diệt đế** (zh. 滅諦, sa. *duḥkhanirodhāryasatya*, bo. *`gog pa`i bden pa* འགོག་པའི་བདེན་པ་), chân lí về diệt khổ: Một khi gốc của mọi tham ái được tận diệt, vô minh tận diệt thì sự khổ cũng được tận diệt. Đó là trạng thái Niết bàn
4. **Đạo đế** (zh. 道諦, sa. *duḥkhanirodhagāminī pratipad*, *mārgāryasatya*, bo. *lam gyi bden pa* ལམ་གྱི་བདེན་པ་), chân lí về con đường dẫn đến diệt khổ: Phương pháp để đạt sự diệt khổ là con đường diệt khổ tám nhánh, [Bát chính đạo](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%A1t_ch%C3%ADnh_%C4%91%E1%BA%A1o).

**\*:Bát chính đạo**[[sửa](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o&veaction=edit&vesection=3) | [sửa mã nguồn](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o&action=edit&section=3)]

1. **Chính kiến** (zh. 正見, pi. *sammā-diṭṭhi*, sa. *samyag-dṛṣṭi*, bo. *yang dag pa`i lta ba* ཡང་དག་པའི་ལྟ་བ་): Phá vỡ vô minh nghiệp tập ngàn đời ngàn kiếp, cái thấy cái nhìn đúng với chân lý đúng với sự thật về trần gian này, một người có chính kiến là người đã thâm nhập được Phật đạo đã hòa nhập vào bể tánh giác ngộ giải thoát toàn triệt để có cái trí tuệ phủ khắp tam giới trí tuệ vượt thoát khỏi không gian và thời gian, trí tuệ bát nhã hiển lộ, cái thấy biết không còn bị vướn kẹt hai bên, không vướn mắc trong trần gian này nữa, không vướn kẹt trong bất kì lí luận nào, không vướn vào tri thức hiểu biết, vượt qua ngã và pháp vượt qua không gian và thời gian, cái phút giây mà thấy biết vựot qua ngã và pháp phút giây thấy biết vượt qua không gian và thời gian như thế được gọi là chính kiến. Người có đủ chính kiến thì tất nhiên sẽ đủ luôn các chính còn lại.
2. **Chính tư duy** (zh. 正思唯, pi. *sammā-saṅkappa*, sa. *samyak-saṃkalpa*, bo. *yang dag pa`i rtog pa* ཡང་དག་པའི་རྟོག་པ་): Suy nghĩ chơn chính, những suy tư không vướn mắc trong tam giới nữa, những suy nghĩ tìm phưong tiện để cứu giúp chúng sanh trong tam giới ra khỏi sanh tử luân hồi
3. **Chính ngữ** (zh. 正語, pi. *sammā-vācā*, sa. *samyag-vāk*, bo. *yang dag pa`i ngag* ཡང་དག་པའི་ངག་): Là những lời nói thể hiện chân lí ngay tại đây và bây giờ, những lời nói vượt thoát tam giới để cho người nghe thấu hiểu đựoc chân lí nhiệm màu mà thoát li sanh tử luân hồi đó được gọi là chính ngữ.
4. **Chính nghiệp** (zh. 正業, pi. *sammā-kammanta*, sa. *samyak-karmānta*, bo. *yang dag pa`i las kyi mtha`* ཡང་དག་པའི་ལས་ཀྱི་མཐའ་): Suy nghĩ lời nói hành động tưong tầm với chính kiến, khi một người có chính kiến rồi thì suy nghĩ hành động đều là chính, hành động ngôn ngữ đều thể hiện đạo lí để người khác được nhận đạo lí để khai mở đạo lí của chính mình, những hành động được xuất phát từ nơi thân của mình, nơi lời nói của mình thể hiện trọn vẹn cái đạo lí giác ngộ giải thoát và khai mở trí tuệ cho mọi người để nhận chân ra được chân lí nhiệm màu đó được gọi là chính nghiệp.
5. **Chính mệnh** (zh. 正命, pi. *sammā-ājīva*, sa. *samyag-ājīva*, bo. *yang dag pa`i `tsho ba* ཡང་དག་པའི་འཚོ་བ་): Chính mệnh là cái thân mạng trường tồn mãi mãi không bị hư hoại bởi thời gian và không gian, người sống đúng chính mạng là người hòa nhập cái chỗ bất sanh bất diệt sáng suốt nhiệm màu mỗi một phút giây đều mới mẻ hiện tiền này tức là người đó đã có đủ chính mạng, chính mạng là một cái đời sống chơn chính không bao giờ bị hư hoại bị thay đổi bời thời gian và không gian thì đó gọi là cái mạng chân chính của mình Đức Phật muốn chúng ta phải trụ trong cái mạng này để sống không lầm mê trong sanh tử luân hồi người đó gọi là người chính mạng.
6. **Chính tinh tiến** (zh. 正精進, pi. *sammā-vāyāma*, sa. *samyag-vyāyāma*, bo. *yang dag pa`i rtsal ba* ཡང་དག་པའི་རྩལ་བ་): Là người luôn an trú ở nơi sáng suốt nhiệm màu của chính mình để người đó sống trong từng khoảnh khắc mới mẻ hiện tiền không lầm lẫn không bao giờ bị mê mờ nữa ở cái chỗ tỏa thông không lầm lẫn thì người đó được gọi là đang tinh tấn.
7. **Chính niệm** (zh. 正念, pi. *sammā-sati*, sa. *samyag-smṛti*, bo. *yang dag pa`i dran pa* ཡང་དག་པའི་དྲན་པ་): Chính niệm là loại niệm chân chính nhất niệm muôn năm tức là một thấy này ngàn đời muôn kiếp về sau không còn thay đổi được nữa thì đó được gọi là chính niệm, tức là chúng ta thấy nhận một điều gì đó thì điều đó tồn tại nơi chúng ta mãi mãi hết đời này qua đời sau không có bất kì hoàn cảnh nào làm thay đổi dao động được đó là chính niệm.
8. **Chính định** (zh. 正定, pi. *sammā-samādhi*, sa. *samyak-samādhi*, bo. *yang dag pa`i ting nge `dzin* ཡང་དག་པའི་ཏིང་ངེ་འཛིན་): Là cái định trường tồn mãi mãi không bị bất kì hoàn cảnh nào làm thay đổi nó được không phải là cái nhập và cái xuất giống như từ trước tới giờ mà đây là cái thường tại định nó vốn có sẵn đủ ở trong pháp giới mười phương từ ngàn xưa cho tới ngàn sau nó luôn là như vậy không bị thay đổi, mà không phải do công phu tu hành với cái thân của một chúng sanh mà sử dụng công phu thiền định này sử dụng công phu thiền định kia để cái thân này yên ở trong định chính định này chưa tới, mà chính định là cái thường tại định ngay tại đây không phải do làm mà được, không phải do tạo tác mà thành, cái thường hằng hiện hữu ngay tại đây và bây giờ, từng khoảnh khắc mới mẻ hiện tiền, cái chính định là nguồn sống của tất cả chúng sanh muôn loài, cái nguồn sống đó nó luôn luôn mới không có khoảnh khắc nào mà nó không mới, hít vào thở ra rồi lại tiếp tục hít vào thở ra là đang mới, từng khoảnh khắc máu chúng ta đang vận hành mới, từng khoảnh khắc vũ trụ mênh mông này đang vận hành mới mới, chúng ta không làm cũ nó được với thời gian và không gian nó luôn luôn là mới mẻ hiện tiền đó được gọi là chính định.

Con đường tám nhánh này có thể được phân thành ba loại, gọi là [Tam học](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tam_h%E1%BB%8Dc), tức là tu học [Giới](http://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%E1%BB%9Bi_(Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o)) (zh. 戒, sa. *śīla*, pi. *sīla*), [Định](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=%C4%90%E1%BB%8Bnh&action=edit&redlink=1) (定, sa. *samādhi*, *dhyāna*, pi. *samādhi*, *jhāna*) và [Huệ](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%A1t-nh%C3%A3) (zh. 慧, sa. *prajñā*, pi. *paññā*). Những tư tưởng cơ bản của Phật-đà đều được nhắc lại trong các kinh sách, nhưng có khi chúng được luận giải nhiều cách khác nhau và vì vậy ngày nay có nhiều trường phái khác nhau, hình thành một hệ thống triết lí hết sức phức tạp.

Giáo pháp đạo Phật được tập hợp trong [Tam tạng](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tam_t%E1%BA%A1ng) (zh. 三藏, sa. *tripiṭaka*, pi. *tipiṭaka*), bao gồm:

1. [**Kinh tạng**](http://vi.wikipedia.org/wiki/Kinh_(Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o)) (zh. 經藏, sa. *sūtra-piṭaka*, pi. *sutta-piṭaka*, bo. *mdo sde`i sde snod* མདོ་སྡེའི་སྡེ་སྣོད་) bao gồm các bài giảng của chính đức Phật hoặc các đại đệ tử. Kinh tạng tiêu biểu văn hệ Pali được chia làm năm bộ: 1.[Trường bộ kinh](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%C6%B0%E1%BB%9Dng_b%E1%BB%99_kinh" \o "Trường bộ kinh) (pi. *dīgha-nikāya*), 2. [Trung bộ kinh](http://vi.wikipedia.org/wiki/Trung_b%E1%BB%99_kinh) (pi. *majjhima-nikāya*), 3. [Tương ưng bộ kinh](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=T%C6%B0%C6%A1ng_%C6%B0ng_b%E1%BB%99_kinh&action=edit&redlink=1) (pi. *saṃyutta-nikāya*), 4. [Tăng chi bộ kinh](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=T%C4%83ng_chi_b%E1%BB%99_kinh&action=edit&redlink=1) (pi. *aṅguttara-nikāya*) và 5. [Tiểu bộ kinh](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BB%83u_b%E1%BB%99_kinh) (pi. *khuddaka-nikāya*).
2. [**Luật tạng**](http://vi.wikipedia.org/wiki/Lu%E1%BA%ADt_t%E1%BA%A1ng) (zh. 律藏; sa., pi. *vinaya-piṭaka*, bo. *`dul ba`i sde snod* འདུལ་བའི་སྡེ་སྣོད་), chứa đựng lịch sử phát triển của [Tăng-già](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%C4%83ng-gi%C3%A0) (sa., pi. *saṅgha*) cũng như các giới luật của người xuất gia, được xem là tạng sách cổ nhất, ra đời chỉ vài mươi năm sau khi Phật nhập [Niết-bàn](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ni%E1%BA%BFt-b%C3%A0n).
3. [**Luận tạng**](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Lu%E1%BA%ADn_t%E1%BA%A1ng&action=edit&redlink=1) (zh. 論藏, sa. *abhidharma-piṭaka*, pi. *abhidhamma-piṭaka*, bo. *mngon pa`i sde snod* མངོན་པའི་སྡེ་སྣོད་)—cũng được gọi là [A-tì-đạt-ma](http://vi.wikipedia.org/wiki/A-t%C3%AC-%C4%91%E1%BA%A1t-ma)—chứa đựng các quan niệm đạo Phật về [triết học](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tri%E1%BA%BFt_h%E1%BB%8Dc) và [tâm lí học](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%A2m_l%C3%BD_h%E1%BB%8Dc). Luận tạng được hình thành tương đối trễ, có lẽ là sau khi các trường phái đạo Phật tách nhau mà vì vậy, nó không còn giữ tính chất thống nhất.

[Tăng-già](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%C4%83ng-gi%C3%A0) (zh. 僧伽; s, pi. *saṅgha*) của đạo Phật gồm có [Tỳ Kheo](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%B3_Kheo) (zh. 比丘, sa. *bhikṣu*, pi. *bhikkhu*), [Tỳ Kheo Ni](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%B3_Kheo_Ni) (zh. 比丘尼, sa. *bhikṣuṇī*, pi. *bhikkhunī*) và giới [Cư sĩ](http://vi.wikipedia.org/wiki/C%C6%B0_s%C4%A9).

Lịch trình tu học[[sửa](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o&veaction=edit&vesection=4" \o "Sửa đổi phần \“Lịch trình tu học\”) | [sửa mã nguồn](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o&action=edit&section=4)]

[](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BA%ADp_tin:Buddhist_monks_(Laos-2009).jpg)

Tăng đoàn tại Lào

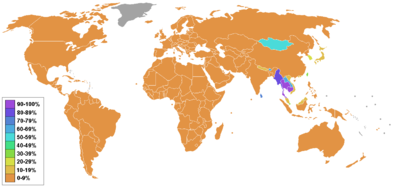
[](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BA%ADp_tin:BuddhistMonk01a.jpg)

Một ni sư tại [Siem Reap](http://vi.wikipedia.org/wiki/Siem_Reap), [Cam Bốt](http://vi.wikipedia.org/wiki/Cam_B%E1%BB%91t)

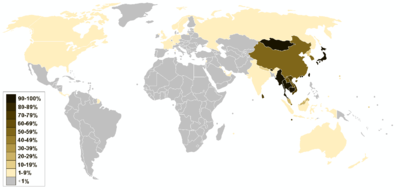
Theo giáo lí nguyên thủy thì một hành giả đạt [Bồ-đề](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BB%93-%C4%91%E1%BB%81), [Giác ngộ](http://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%C3%A1c_ng%E1%BB%99) khi người đó đạt được một cái *nhìn vạn vật như chúng đích thật là* ([Như thật tri kiến](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Nh%C6%B0_th%E1%BA%ADt_tri_ki%E1%BA%BFn&action=edit&redlink=1) sa. *yathābhūtadarśana*), với một tâm thức thoát khỏi [phiền não](http://vi.wikipedia.org/wiki/Phi%E1%BB%81n_n%C3%A3o) (sa. *kleśa*) và si mê (sa. *moha*). Trong các loại phiền não thì tham ái (sa. *tṛṣṇā*) và vô minh (sa. *avidyā*), cũng được gọi là si (sa. *moha*), là những loại nặng nhất. Tham (sa. *rāga*), sân (sa. *dveṣa*) và si được gọi chung là ba chất độc ([Tam độc](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tam_%C4%91%E1%BB%99c)), vì chúng gây ảnh hưởng lớn đến tâm thức. Vì phiền não vây phủ tâm thức nên hành giả gắng sức tiêu diệt chúng, và để tiêu diệt được thì người đó phải gắng sức đạt được tri kiến chân chính bằng cách thực hành [Bát chính đạo](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%A1t_ch%C3%ADnh_%C4%91%E1%BA%A1o).

Cách thực hành trong Phật giáo cũng được phân chia theo [Tam học](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tam_h%E1%BB%8Dc) (sa. *tisraḥ śikṣāḥ*), cụ thể là tu học về giới (tăng thượng giới học, sa. *adhiśīlaśikṣā*), định (tăng thượng định học, sa. *adhicittaśikṣā*) và huệ (tăng thượng huệ học, sa. *adhiprajñāśikṣā*). Trước hết hành giả phát lòng tin ([tín](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%ADn_(Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o)), sa. *śraddhā*) vào [Tam bảo](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tam_b%E1%BA%A3o), giữ giới luật đúng theo địa vị của mình (cư sĩ, [sa-di](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Sa-di&action=edit&redlink=1) hoặc tỉ-khâu). Qua đó mà ông ta chuẩn bị cho cấp tu học kế đến là [Thiền định](http://vi.wikipedia.org/wiki/Thi%E1%BB%81n). Cấp này bao gồm bốn trạng thái thiền ([tứ thiền](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%A9_thi%E1%BB%81n_%C4%91%E1%BB%8Bnh), sa. *caturdhyāna*). Một số cách thực hành được nhắc đến nhằm hỗ trợ bốn cấp thiền định trên, đó là [Tứ niệm xứ](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%A9_ni%E1%BB%87m_x%E1%BB%A9) (sa. *catvāri smṛtyupasthānāni*), [Tứ vô lượng tâm](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%A9_v%C3%B4_l%C6%B0%E1%BB%A3ng), tức là trau dồi bốn tâm thức Từ, Bi, Hỉ và Xả (sa.*catvāry apramāṇāni*, cũng được gọi là Tứ Phạm trú, sa. *brahmavihāra*). Cách thiền định ở cấp này được phân làm hai loại: 1. Chỉ (sa. *śamatha*) là phương pháp lắng đọng tâm, và 2. Quán (sa. *vipaśyanā*, *vidarśanā*) là cách Thiền quán lập cơ sở trên Chỉ, tức là có đạt định an chỉ xong mới có thể thành tựu công phu Quán. Phần thứ ba của Tam học là huệ học, lập cơ sở trên Thiền quán. Đối tượng quán chiếu trong thiền định ở đây có thể là [Tứ diệu đế](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%A9_di%E1%BB%87u_%C4%91%E1%BA%BF), nguyên lí [Duyên khởi](http://vi.wikipedia.org/wiki/Duy%C3%AAn_kh%E1%BB%9Fi) (sa. *pratītyasamutpāda*) hoặc [Ngũ uẩn](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%C5%A9_u%E1%BA%A9n). Ai hoàn tất Tam học này sẽ đạt được sự hiểu biết về giải thoát (sa. *vimuktijñāna*), biết là mình đã đạt giải thoát. Phiền não của hành giả này đã được tận diệt, các lậu hoặc đã chấm dứt (vô lậu, sa. *anāsrava*) và hành giả ấy đạt [Tứ thánh quả](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Th%C3%A1nh_qu%E1%BA%A3&action=edit&redlink=1) [A-la-hán](http://vi.wikipedia.org/wiki/A-la-h%C3%A1n).

Song song với cách tu hành theo Tam học trên ta cũng tìm thấy phương cách theo [37 Bồ-đề phần](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tam_th%E1%BA%ADp_th%E1%BA%A5t_b%E1%BB%93-%C4%91%E1%BB%81_ph%E1%BA%A7n) (sa. *saptatriṃśabodhipakṣyadharma*) và hành giả nào tu tập theo cách này cũng có thể đạt Niết-bàn.

[](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BA%ADp_tin:The_Refuge_in_Three_Jewels_(Buddhism).png)

Tỉ lệ Phật tử đã quy y tam bảo theo quốc gia (số liệu thống kê thấp nhất)

[](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BA%ADp_tin:Buddhist_distribution_(version2).png)

Tỉ lệ tín đồ Phật giáo, kết hợp với các tín ngưỡng hoặc tôn giáo truyền thống địa phương khác nhau (số liệu thống kê cao nhất)

Phát triển và phổ biến[[sửa](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o&veaction=edit&vesection=5" \o "Sửa đổi phần \“Phát triển và phổ biến\”) | [sửa mã nguồn](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o&action=edit&section=5)]

Sự phát triển của đạo Phật có thể được chia làm bốn giai đoạn:

1. Giữa [thế kỉ thứ 6](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%89_th%E1%BB%A9_6_TCN&action=edit&redlink=1) đến giữa [thế kỉ thứ 5 trước CN](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%89_th%E1%BB%A9_5_TCN&action=edit&redlink=1): Giai đoạn [nguyên thủy](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Nguy%C3%AAn_th%E1%BB%A7y), do [đức Phật Thích Ca](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%A9c_Ph%E1%BA%ADt_Th%C3%ADch_Ca) giáo hóa và các đệ tử của Phật truyền bá.
2. Kể từ [thế kỉ thứ 4 trước Công nguyên](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%89_th%E1%BB%A9_4_TCN&action=edit&redlink=1): Giai đoạn bắt đầu phân hóa ra nhiều trường phái qua các lần [kết tập](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=%C4%90%E1%BA%A1i_h%E1%BB%99i_k%E1%BA%BFt_t%E1%BA%ADp_kinh_%C4%91i%E1%BB%83n_Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o&action=edit&redlink=1) (zh. 結集, sa., pi. *saṃgīti*) về giáo pháp.
3. Kể từ [thế kỉ thứ 1](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_1): Xuất hiện giáo phái [Đại thừa](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1i_th%E1%BB%ABa) (大乘, sa. *mahāyāna*) với hai tông phái quan trọng là [Trung quán tông](http://vi.wikipedia.org/wiki/Trung_qu%C3%A1n_t%C3%B4ng) (zh. 中觀宗, sa.*mādhyamika*) và [Duy thức tông](http://vi.wikipedia.org/wiki/Duy_th%E1%BB%A9c_t%C3%B4ng) (zh. 唯識宗, sa. *vijñānavādin*, *yogācārin*).
4. Kể từ [thế kỉ thứ 7](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_7): Sự xuất hiện của [Mật tông](http://vi.wikipedia.org/wiki/M%E1%BA%ADt_t%C3%B4ng) Phật giáo ([Phật giáo Tây Tạng](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_T%C3%A2y_T%E1%BA%A1ng), [Kim cương thừa](http://vi.wikipedia.org/wiki/Kim_c%C6%B0%C6%A1ng_th%E1%BB%ABa)).

*Xem thêm:*[*Cuộc chinh phạt của Hồi giáo vào Ấn Độ*](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Cu%E1%BB%99c_chinh_ph%E1%BA%A1t_c%E1%BB%A7a_H%E1%BB%93i_gi%C3%A1o_v%C3%A0o_%E1%BA%A4n_%C4%90%E1%BB%99&action=edit&redlink=1)

Sau [thế kỉ thứ 13](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_13), Phật giáo được xem là bị tiêu diệt tại [Ấn Độ](http://vi.wikipedia.org/wiki/%E1%BA%A4n_%C4%90%E1%BB%99), nơi sản sinh đạo Phật. Tuy nhiên một số giáo lý của Phật giáo đã được Hindu giáo tiếp nhận (tiêu biểu như việc coi Đức Phật là hóa thân thứ 9 của thần [Visnu](http://vi.wikipedia.org/wiki/Visnu) - vị thần bảo tồn và là 1 trong 3 vị thần quyền uy nhất của Hindu giáo).

Từ [thế kỉ thứ 13](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_13), đạo Phật được truyền đi các nước khác ngoài Ấn Độ và mang nặng bản sắc của các nước đó. Ngày nay, phái [Phật giáo Nguyên thủy](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Nguy%C3%AAn_th%E1%BB%A7y) (còn bị gọi là [Tiểu thừa](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BB%83u_th%E1%BB%ABa)) (zh. 小乘, sa. *hīnayāna*) với quan điểm của [Thượng tọa bộ](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C6%B0%E1%BB%A3ng_t%E1%BB%8Da_b%E1%BB%99) (zh. 上座部, sa. *sthaviravādin*, pi. *theravādin*) được truyền bá rộng rãi tại [Sri Lanka](http://vi.wikipedia.org/wiki/Sri_Lanka), [Nepal](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nepal), [Bhutan](http://vi.wikipedia.org/wiki/Bhutan), [Thái Lan](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A1i_Lan), [Miến Điện](http://vi.wikipedia.org/wiki/Myanma), [Campuchia](http://vi.wikipedia.org/wiki/Campuchia), [Lào](http://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%A0o). [Đại thừa](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1i_th%E1%BB%ABa) được truyền tại [Trung Quốc](http://vi.wikipedia.org/wiki/Trung_Qu%E1%BB%91c), [Nhật Bản](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%E1%BA%ADt_B%E1%BA%A3n), [Việt Nam](http://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam), [Hàn Quốc](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0n_Qu%E1%BB%91c),[Bắc Triều Tiên](http://vi.wikipedia.org/wiki/C%E1%BB%99ng_h%C3%B2a_D%C3%A2n_ch%E1%BB%A7_Nh%C3%A2n_d%C3%A2n_Tri%E1%BB%81u_Ti%C3%AAn), [Singapore](http://vi.wikipedia.org/wiki/Singapore). Giáo pháp [Kim cương thừa](http://vi.wikipedia.org/wiki/Kim_c%C6%B0%C6%A1ng_th%E1%BB%ABa) - cũng được xếp vào Đại thừa - phát triển mạnh tại [Tây Tạng](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%A2y_T%E1%BA%A1ng), [Mông Cổ](http://vi.wikipedia.org/wiki/M%C3%B4ng_C%E1%BB%95). Ngày nay, chưa ai có một con số tín đồ Phật giáo chính xác. Người ta ước lượng có khoảng 400-500 triệu người (số người đã [quy y](http://vi.wikipedia.org/wiki/Quy_y) [Tam bảo](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tam_b%E1%BA%A3o)), nhưng số người theo đạo Phật "tự nhiên" (không làm lễ quy y nhưng trong nhà vẫn thờ Phật, [Bồ Tát](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BB%93_T%C3%A1t)... kết hợp thờ chung với thần thánh của các tín ngưỡng truyền thống khác như thờ [Thần Tài](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%A7n_T%C3%A0i)-[Ông Địa](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BB%95_c%C3%B4ng), [Thiên Hậu](http://vi.wikipedia.org/wiki/Thi%C3%AAn_H%E1%BA%ADu_Th%C3%A1nh_m%E1%BA%ABu), [Ngọc Hoàng Thượng đế](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%E1%BB%8Dc_Ho%C3%A0ng_Th%C6%B0%E1%BB%A3ng_%C4%91%E1%BA%BF)... hay chỉ đơn thuần là thờ cúng tổ tiên nhưng khi làm tang lễ, đám giỗ, lễ cầu siêu... thì dựa vào kinh Phật) thì con số còn cao hơn nhiều, có thể lên tới 1,2-1,6 tỷ người[[1]](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o#cite_note-1). Điều này đặc biệt phổ biến tại các nước Đông Á và chịu ảnh hưởng [văn hóa Trung Hoa](http://vi.wikipedia.org/wiki/V%C4%83n_h%C3%B3a_Trung_Qu%E1%BB%91c) khi mà Phật Giáo bị *"địa phương hóa"*, được dung nạp và trở thành một phần trong tín ngưỡng dân gian. Người dân ở các nước này mặc nhiên coi việc thờ Phật là lẽ tự nhiên như việc thờ cúng tổ tiên, dù nhiều người chưa từng đọc qua kinh sách hay trải qua các nghi lễ Phật pháp.

Phật giáo Việt Nam[[sửa](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o&veaction=edit&vesection=6" \o "Sửa đổi phần \“Phật giáo Việt Nam\”) | [sửa mã nguồn](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o&action=edit&section=6)]

[](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BA%ADp_tin:BaiDinh_Dien_TamThe.JPG)

[Chùa Bái Đính](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%B9a_B%C3%A1i_%C4%90%C3%ADnh), ngôi chùa lớn nhất[Việt Nam](http://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam) và [Đông Nam Á](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%C3%B4ng_Nam_%C3%81), được biết đến với nhiều [kỷ lục](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=K%E1%BB%B7_l%E1%BB%A5c&action=edit&redlink=1) [châu Á](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%A2u_%C3%81) và Việt Nam

[](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BA%ADp_tin:Dau_pagoda.jpg)

[Chùa Dâu](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%B9a_D%C3%A2u) ngôi chùa Phật giáo đầu tiên được xây dựng ở Việt Nam vào những năm đầu công nguyên

Phật giáo được du nhập vào [Việt Nam](http://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam) từ rất sớm, ngay từ đầu Công nguyên với truyện cổ tích [Chử Đồng Tử](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%AD_%C4%90%E1%BB%93ng_T%E1%BB%AD) (ở [Hưng Yên](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%C6%B0ng_Y%C3%AAn) ngày nay) học đạo của một nhà sư Ấn Độ. Luy Lâu (thuộc tỉnh Bắc Ninh) là trị sở của quận [Giao Chỉ](http://vi.wikipedia.org/wiki/Giao_Ch%E1%BB%89) sớm trở thành trung tâm Phật giáo quan trọng. Các truyền thuyết về[Thạch Quang Phật](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Th%E1%BA%A1ch_Quang_Ph%E1%BA%ADt&action=edit&redlink=1) và [Man Nương Phật Mẫu](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_M%E1%BA%ABu_Man_N%C6%B0%C6%A1ng) xuất hiện cùng với sự giảng đạo của [Khâu Đà La](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Kh%C3%A2u_%C4%90%C3%A0_La&action=edit&redlink=1) ([Ksudra](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ksudra&action=edit&redlink=1)) trong khoảng các năm 168-189.

Do tiếp thu Phật giáo trực tiếp từ [Ấn Độ](http://vi.wikipedia.org/wiki/%E1%BA%A4n_%C4%90%E1%BB%99) nên từ Buddha (bậc giác ngộ) được phiên âm trực tiếp thành "Bụt", từ "Bụt" được dùng nhiều trong các truyện dân gian. Phật giáo Việt Nam lúc ấy mang màu sắc của [Tiểu thừa](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BB%83u_th%E1%BB%ABa), Bụt được coi như một vị thần tiên chuyên cứu giúp người tốt, trừng phạt kẻ xấu. Sau này, vào thế kỷ thứ 4-5, do ảnh hưởng của Đại thừa đến từ Trung Quốc mà từ "Bụt" bị mất đi và được thay thế bởi từ "Phật". Trong [tiếng Hán](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BA%BFng_Trung_Qu%E1%BB%91c), từ Buddha được phiên âm thành "Phật đà", "Phật đồ" rồi được rút gọn thành "Phật".

Phật giáo ăn sâu, bám rễ vào Việt Nam từ rất sớm. Đến đời [nhà Lý](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_L%C3%BD), [nhà Trần](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_Tr%E1%BA%A7n), Phật giáo phát triển cực thịnh, được coi là quốc giáo, ảnh hưởng đến tất cả mọi vấn đề trong cuộc sống. Đến đời [nhà Hậu Lê](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_H%E1%BA%ADu_L%C3%AA) thì [Nho giáo](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nho_gi%C3%A1o) được coi là quốc giáo và Phật giáo đi vào giai đoạn suy thoái. Đến đầu [thế kỷ 17](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_17), [vua Quang Trung](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nguy%E1%BB%85n_Hu%E1%BB%87) cố gắng chấn hưng đạo Phật, chỉnh đốn xây chùa, nhưng vì mất sớm nên việc này không có nhiều kết quả. Đến thế kỷ 20, mặc dù ảnh hưởng mạnh của quá trình Âu hóa, Phật giáo Việt Nam lại phát triển mạnh mẽ khởi đầu từ các đô thị miền Nam với các đóng góp quan trọng của các nhà sư Khánh Hòa và Thiện Chiếu.

Tóm lại, lịch sử Phật giáo Việt Nam trải qua bốn giai đoạn:

* từ đầu công nguyên đến hết thời kỳ [Bắc thuộc](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%AFc_thu%E1%BB%99c) là giai đoạn hình thành và phát triển rộng khắp;

thời Nhà Lý - Nhà Trần là giai đoạn cực thịnh;

* từ đời Hậu Lê đến cuối [thế kỷ 19](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_19) là giai đoạn suy thoái;
* từ đầu [thế kỷ 20](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_20) đến nay là giai đoạn phục hưng.

Phật giáo Bắc Tông có ba tông phái được truyền vào Việt Nam là Thiền tông, Tịnh Độ tông và Mật tông.

Phật giáo Trung Quốc[[sửa](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o&veaction=edit&vesection=7" \o "Sửa đổi phần \“Phật giáo Trung Quốc\”) | [sửa mã nguồn](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o&action=edit&section=7)]

[](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BA%ADp_tin:Shaolinsi.JPG)

Chùa Thiếu Lâm Tự ngôi chùa nổi tiếng thế giới của Phật giáo Trung Quốc

Theo sử liệu cho thấy Phật giáo được giới thiệu đến Trung Quốc do các nhà buôn hay các nhà sư truyền giáo người Ấn qua các ngã đường biển và đường bộ. Về đường biển thì xuất phát từ các hải cảng vùng Nam Ấn rồi qua ngã [Sri Lanka](http://vi.wikipedia.org/wiki/Sri_Lanka), [Nam Dương](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nam_D%C6%B0%C6%A1ng) để vào hải cảng [Quảng Đông](http://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BA%A3ng_%C4%90%C3%B4ng). Về đường bộ, còn gọi là [con đường tơ lụa](http://vi.wikipedia.org/wiki/Con_%C4%91%C6%B0%E1%BB%9Dng_t%C6%A1_l%E1%BB%A5a) (Silk road) nối liền Đông Tây, di chuyển bằng [lạc đà](http://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BA%A1c_%C4%91%C3%A0), xuất phát từ miền Đông Bắc Ấn, rồi băng qua các sa mạc ở [Trung Á](http://vi.wikipedia.org/wiki/Trung_%C3%81) để tới [Lạc Dương](http://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BA%A1c_D%C6%B0%C6%A1ng) (kinh đô của [nhà Hán](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_H%C3%A1n)).

Theo biên niên sử thì Phật giáo truyền đến Trung Quốc vào [thế kỷ thứ 2](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_2) trước Công Nguyên từ Trung Á nhằm niên hiệu Nguyên Thọ đời vua [Hán Ai Đế](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A1n_Ai_%C4%90%E1%BA%BF) nhà Tây Hán, nhưng Phật giáo không truyền bá rộng rãi cho đến năm 65 Công nguyên, dưới triều vua [Hán Minh Đế](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A1n_Minh_%C4%90%E1%BA%BF) (niên hiệu Vĩnh Bình thứ 10 nhà [Hậu Hán](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BA%ADu_H%C3%A1n), 25-220 công nguyên), thì Phật giáo mới bắt đầu cắm rễ và phát triển ở Trung Quốc. Vì muốn thần dân tu học Phật pháp nên vua Minh Đế đã cử một phái đoàn gồm 18 người đến [Ấn Độ](http://vi.wikipedia.org/wiki/%E1%BA%A4n_%C4%90%E1%BB%99) để thỉnh cầu hai Thiền sư người Ấn là Ca Diếp Ma Đằng (Kàsyapama'tanga) và Trúc Pháp Lan (Dharmaraksa) đến Trung Quốc hoằng pháp. Hai vị Tăng người Ấn này đã mang đến Trung Quốc bộ Kinh Bốn Mươi Hai Chương và trú ngụ tại [chùa Bạch Mã](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ch%C3%B9a_B%E1%BA%A1ch_M%C3%A3&action=edit&redlink=1) (ngôi chùa đầu tiên ở Trung Quốc do vua Minh Đế xây dựng, đến nay vẫn còn) ở Lạc Dương để hoằng dương Phật Pháp.

Tiếp theo sau hai nhà sư Ca Diếp Ma Đằng và Trúc Pháp Lan, những nhà truyền giáo khác đến Trung Quốc là [An Thế Cao](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=An_Th%E1%BA%BF_Cao&action=edit&redlink=1) (An Shih-Kao), là [người An Tức](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ng%C6%B0%E1%BB%9Di_An_T%E1%BB%A9c&action=edit&redlink=1) ([Parthian](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Parthian&action=edit&redlink=1), thuộc Bắc Ấn), Chi Lâu Ca Sấm (Lokaksema), Trúc Phật Sóc (Sangha Buddha) đến Trung Quốc vào năm 148 Công nguyên, mang theo nhiều kinh điển hệ phái Đại thừa để phổ biến nơi vùng đất mới này.

Đầu [thế kỷ 20](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_20) là thời điểm chấn hưng Phật giáo Trung Quốc. Sau cuộc [cách mạng Tân Hợi](http://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%A1ch_m%E1%BA%A1ng_T%C3%A2n_H%E1%BB%A3i) năm 1911 đã tạo ra một làn sóng mới về dân chủ tự do cho nhân dân Trung Quốc thoát khỏi ách thống trị của chế độ phong kiến. Năm 1912, Tổng hội Phật giáo Trung Quốc (Chinese Buddhist Association) ra đời tại [Thượng Hải](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C6%B0%E1%BB%A3ng_H%E1%BA%A3i), một năm sau đó một hội khác ra mắt tại [Bắc Kinh](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%AFc_Kinh) là Trung ương Phật giáo Công hội. Đến năm 1922, công cuộc chấn hưng Phật giáo Trung Quốc đã lên cao với sự lãnh đạo phong trào tích cực của Đại sư [Thái Hư](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Th%C3%A1i_H%C6%B0&action=edit&redlink=1) (T'ai-Hsu, 1890-1947), người khai sáng Hội Phật giáo Trung Quốc (Buddhist Society of China) có hơn 5 triệu thành viên trên khắp đất nước. Mở đầu ông cho thành lập Phật học viện Pháp Tạng (Fa t'sang Buddhist School), ông nhấn mạnh rằng chương trình dạy được kết hợp hài hòa giữa Phật học và khoa học để thu hút giới thanh niên trí thức, kết quả là học viên theo học rất đông.

Không những Đại sư Thái Hư chăm lo chấn hưng nền Phật giáo trong nước mà ngài còn có nhiều đóng góp để chấn hưng Phật giáo thế giới. Chẳng hạn, năm 1924, ông tổ chức Hội nghị Phật giáo thế giới (World Buddhist Conference) tại [Lô Sơn](http://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%B4_S%C6%A1n), Trung Quốc. Năm 1925, ông tổ chức Hội nghị Phật giáo Đông Á (East Asian Buddhist Conference) ở [Tokyo](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%C5%8Dky%C5%8D), [Nhật bản](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%E1%BA%ADt_B%E1%BA%A3n). Và từ năm 1928, ông bắt đầu các chuyến đi hoằng pháp ở các nước ở [phương Tây](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C6%B0%C6%A1ng_T%C3%A2y). Ngài đã trở thành một trong những nhà truyền giáo người châu Á đầu tiên đến diễn thuyết tại [Pháp](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%A1p), [Đức](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%A9c), [Anh](http://vi.wikipedia.org/wiki/Anh) và [Mỹ](http://vi.wikipedia.org/wiki/Hoa_K%E1%BB%B3), riêng tại Pháp, vào 1931, ông đã cho xây dựng một Học viện Phật giáo tại[Paris](http://vi.wikipedia.org/wiki/Paris) để hướng dẫn quần chúng Tây phương học Phật.

Nhìn chung với sự góp sức chấn hưng của các Đại sư Thái Sư và sự ủng hộ của chính phủ Trung Quốc, Phật giáo Trung Quốc đã nhanh chóng phục hưng về mọi phương diện từ kiết thiết trùng tu cơ sở cho đến văn hóa nghệ thuật, in ấn kinh điển. Phong trào chấn hưng Phật giáo tại Trung Quốc lúc ấy đã ảnh hưởng và lan tỏa đến các nước làng giềng như [Nhật Bản](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%E1%BA%ADt_B%E1%BA%A3n), [Triều Tiên](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tri%E1%BB%81u_Ti%C3%AAn) và [Việt Nam](http://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam).

Vào đầu thế kỷ 20, Phật giáo Trung Quốc phải chịu trải qua một thời kỳ cải cách để có thể thích hợp trào lưu mới của xã hội, những tưởng vận mệnh Phật giáo Trung Quốc đã thoát khỏi tai ách của thời cuộc, nhưng không bao lâu sau đó, Phật giáo Trung Quốc lại tiếp tục bị tàn phá trầm trọng qua cuộc chiến Trung-Nhật (1940-1945), rồi tiếp đó là cuộc cách mạng văn hóa nội bộ (1966-1976), Phật giáo Trung Quốc đã trở thành nạn nhân của các cuộc đàn áp vô căn cứ của chính sách đổi mới lạ lùng này.

Từ năm 1976 đến nay, tuy chính phủ Trung Quốc có nhiều chính sách cởi mở hơn để khôi phục lại Phật giáo, nhưng nhìn chung Phật giáo Trung Quốc vẫn chưa lấy lại được sinh khí của mình như thuở nào. Tất cả phải đợi chờ đến một cuộc đổi mới khác trong một tương lai gần.

Hiện nay, Phật giáo tại Trung Quốc gồm dòng là Phật giáo Bắc Tông, Phật giáo Tây Tạng, Phật giáo Nam Tông, tăng lữ xuất gia của ba hệ phái lớn này có 200 nghìn người. Hiện nay Trung Quốc có hơn 13.000 chùa mở cửa, có 33 trường Phật giáo và gần 50 loại sách báo, tạp chí Phật giáo xuất bản.

Phật giáo tại Miến Điện (Myanma)[[sửa](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o&veaction=edit&vesection=8" \o "Sửa đổi phần \“Phật giáo tại Miến Điện (Myanma)\”) | [sửa mã nguồn](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o&action=edit&section=8)]

[](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BA%ADp_tin:023_Shrines_and_Pagoda,_Shwedagon,_Yangon.jpg)

Chùa Shwedagon một kỳ quan của Phật giáo Myanmar

Truyền thuyết cho rằng Miến Điện ([Myanma](http://vi.wikipedia.org/wiki/Myanma)) đã tiếp cận với đạo Phật trong thời [A-dục vương](http://vi.wikipedia.org/wiki/A-d%E1%BB%A5c_v%C6%B0%C6%A1ng) (zh. 阿育王, sa. *aśoka*, pi. *asoka*, [thế kỉ thứ 3 trước CN](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%89_th%E1%BB%A9_3_TCN&action=edit&redlink=1)). Theo một thuyết khác, đạo Phật đã đến Miến Điện trong thời đức Phật còn tại thế, do hai thương nhân từ Ấn Độ mang tới. Những vị này mang theo cả tóc Phật, ngày nay được giữ trong đền Shwe-Dagon tại Rangun ([Yangon](http://vi.wikipedia.org/wiki/Yangon)).

Kể từ [thế kỉ thứ 5](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_5), Phật giáo phát triển rực rỡ với sự có mặt của [Thượng tọa bộ](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C6%B0%E1%BB%A3ng_t%E1%BB%8Da_b%E1%BB%99)(Pa:Theravāda) và [Đại thùa phái](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=%C4%90%E1%BA%A1i_th%C3%B9a_ph%C3%A1i&action=edit&redlink=1) (sa, pa. *Mahāyana*). Kể từ [thế kỉ thứ 7](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_7), hai phái [Nguyên Thủy](http://vi.wikipedia.org/wiki/S%C3%B4ng_Nguy%C3%AAn) và[Đại thừa](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1i_th%E1%BB%ABa) song hành tại Miến Điện, sau đó [Mật tông](http://vi.wikipedia.org/wiki/M%E1%BA%ADt_t%C3%B4ng) cũng bắt đầu có ảnh hưởng. Thế kỷ 11, nhà vua A-na-ra-tha tuyên bố chỉ chấp nhận Thượng tọa bộ và từ đó, Đại thừa biến mất tại đây. Tại Miến Điện, Bagan ở miền bắc trở thành trung tâm Phật giáo. Phật giáo Miến Điện liên hệ chặt chẽ với Phật giáo Tích Lan, nhất là với Đại Tự (pi. *mahāvihāra*). [Thế kỉ thứ 15](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_15), vua Đạt-ma-tất-đề (pi. *dhammaceti*) lại xác định lần nữa rằng Phật giáo Miến Điện mang nặng quan điểm của Thượng tọa bộ. Sự có mặt của [người Anh](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%C6%B0%E1%BB%9Di_Anh) trong [thế kỉ thứ 19](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_19) làm xáo trộn Phật giáo Miến Điện đáng kể. Mãi đến lúc giành lại độc lập năm [1947](http://vi.wikipedia.org/wiki/1947), Miến Điện mới trở lại cơ chế cũ. Năm [1956](http://vi.wikipedia.org/wiki/1956) tại Rangun có một cuộc kết tập kinh điển quan trọng. Ngày nay, 90% dân Miến Điện là Phật tử, đạo Phật được xem là [quốc giáo](http://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BB%91c_gi%C3%A1o).

Phật giáo tại Tích Lan (Sri Lanka)[[sửa](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o&veaction=edit&vesection=9" \o "Sửa đổi phần \“Phật giáo tại Tích Lan (Sri Lanka)\”) | [sửa mã nguồn](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o&action=edit&section=9)]

[](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BA%ADp_tin:DalataMaligawa.jpg)

Chùa Răng Phật, thánh địa của Phật giáo Sri Lanka theo truyền thống là nơi giữ xá lợi là một chiếc răng của Phật

Người ta cho rằng Phật giáo đến Tích Lan ([Sri Lanka](http://vi.wikipedia.org/wiki/Sri_Lanka)) khoảng năm 250 trước Công nguyên, do [Ma-hi-đà](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ma-hi-%C4%91%C3%A0) và [Tăng-già-mật-đa](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%C4%83ng-gi%C3%A0-m%E1%BA%ADt-%C4%91a) (pi. *saṅghamitta*), hai người con của [A-dục vương](http://vi.wikipedia.org/wiki/A-d%E1%BB%A5c_v%C6%B0%C6%A1ng)(sa. *aśoka*, pi. *asoka*), truyền từ Ấn Độ. Nhà vua Tích Lan hồi đó là [Thiên Ái Đế Tu](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Thi%C3%AAn_%C3%81i_%C4%90%E1%BA%BF_Tu&action=edit&redlink=1) (pi. *devānampiya tissa*) trở thành Phật tử và thành lập [Đại tự](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=%C4%90%E1%BA%A1i_t%E1%BB%B1&action=edit&redlink=1) (pi. *mahāvihāra*) nổi tiếng, nơi đó ông trồng một nhánh [cây Bồ-đề](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%81_(th%E1%BB%B1c_v%E1%BA%ADt)) có nguồn từ nơi Phật thành đạo, [Bồ-đề đạo tràng](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=B%E1%BB%93-%C4%91%E1%BB%81_%C4%91%E1%BA%A1o_tr%C3%A0ng&action=edit&redlink=1). Đại tự trở thành trung tâm của Thượng tọa bộ.

Theo thời gian, nhiều tông phái Phật giáo khác thành hình và gây nhiều tranh cãi, đến nỗi có khi nhà vua phải can thiệp. Đó là những tranh luận ban đầu của Tiểu thừa và mầm mống của Đại thừa, của cả Mật tông thời bấy giờ. Cuối cùng, Thượng tọa bộ thắng, trong đó [Phật Âm](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_%C3%82m) (sa. *buddhaghoṣa*, pi. *buddhaghosa*) - một Luận sư xuất sắc của Thượng tọa bộ - đóng vai trò quyết định. Tác phẩm của Phật Âm ngày nay vẫn còn ảnh hưởng lên Phật giáo Tích Lan. Đến [thế kỉ thứ 12](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%89_th%E1%BB%A9_12&action=edit&redlink=1), vua Ba-lạc-la Ma-bà-ha-y (pi. *parakkambahu*), họp hội nghị Phật giáo và ép tất cả các trường phái phải theo giáo lí của Thượng tọa bộ tại Đại tự.

Qua [thế kỉ thứ 16](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_16), [người Bồ Đào Nha](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%C6%B0%E1%BB%9Di_B%E1%BB%93_%C4%90%C3%A0o_Nha) vào Tích Lan và tìm cách du nhập [đạo Thiên chúa](http://vi.wikipedia.org/wiki/Kit%C3%B4_gi%C3%A1o). Đến [thế kỉ thứ 17](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_17), [người Hà Lan](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%C6%B0%E1%BB%9Di_H%C3%A0_Lan) lại ủng hộ việc khôi phục đạo Phật tại Tích Lan. Ngoài ra, Miến Điện và [Thái Lan](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A1i_Lan) cũng có ảnh hưởng đáng kể lên nền đạo Phật tại đây. Kể từ khi Tích Lan giành lại độc lập năm [1948](http://vi.wikipedia.org/wiki/1948), đạo Phật luôn luôn đóng một vai trò quan trọng trong việc tín ngưỡng và nền văn hóa của xứ này.

Phật giáo tại Indonesia[[sửa](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o&veaction=edit&vesection=10" \o "Sửa đổi phần \“Phật giáo tại Indonesia\”) | [sửa mã nguồn](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o&action=edit&section=10)]

[](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BA%ADp_tin:Borobudur_48.jpg)

Borobudur ngôi chùa Phật giáo lớn nhất thế giới tọa lạc tại miền trung đảo[Java](http://vi.wikipedia.org/wiki/Java)

Người ta cho rằng Phật giáo du nhập đến [Indonesia](http://vi.wikipedia.org/wiki/Indonesia) khoảng [thế kỉ thứ 3](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_3) sau Công nguyên. Cao tăng [Pháp Hiển](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%C3%A1p_Hi%E1%BB%83n&action=edit&redlink=1), vị tăng Trung Quốc đầu tiên đến Ấn Độ, cũng là người đến Nam Dương năm [418](http://vi.wikipedia.org/wiki/418). Cuối [thế kỉ thứ 5](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_5) thì Phật giáo bắt đầu phát triển tại Indonesia, đến [thế kỉ thứ 7](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_7) thì [Sumatra](http://vi.wikipedia.org/wiki/Sumatra) và [Java](http://vi.wikipedia.org/wiki/Java) trở thành hai trung tâm Phật giáo quan trọng. Tại đây, giáo lí Đại thừa được truyền bá rộng rãi, có một số tư tưởng Tiểu thừa, có lẽ của [Thuyết nhất thiết hữu bộ](http://vi.wikipedia.org/wiki/Thuy%E1%BA%BFt_nh%E1%BA%A5t_thi%E1%BA%BFt_h%E1%BB%AFu_b%E1%BB%99), được thừa nhận. Dưới thời vua Shai-len-dra, Phật giáo phát triển rực rỡ, đó là thời kì xây dựng tháp tại Borobudur, là Phật tích lớn nhất còn lưu tới ngày nay. Khoảng cuối [thế kỉ thứ 8](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_8), Mật tông bắt đầu thịnh hành. Đại thừa và Mật tông tồn tại mãi đến [thế kỉ thứ 15](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_15), trong suốt thời gian này, Phật giáo Nam Dương liên hệ nhiều với Ấn Độ và với viện Na-lan-đà (sa. *nālandā*). Với sự xâm nhập của [Hồi giáo](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BB%93i_gi%C3%A1o), Phật giáo bắt đầu tàn lụi tại Nam Dương, kể từ thế kỉ thứ 15. Ngày nay chỉ còn một số nhỏ tín đồ, nhất là trong giới [Hoa kiều](http://vi.wikipedia.org/wiki/Hoa_ki%E1%BB%81u).

Phật giáo tại Campuchia[[sửa](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o&veaction=edit&vesection=11" \o "Sửa đổi phần \“Phật giáo tại Campuchia\”) | [sửa mã nguồn](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o&action=edit&section=11)]

[](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BA%ADp_tin:Silver_Pagoda_(side_view),_Phnom_Penh_(2009).jpg)

Chùa Bạc biểu tượng của Phật giáo Campuchia

Người ta cho rằng Phật giáo du nhập vào [Campuchia](http://vi.wikipedia.org/wiki/Campuchia) trong [thế kỉ thứ 3](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_3) sau CN, theo văn hệ [Phạn ngữ](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BA%BFng_Ph%E1%BA%A1n), trường phái [Thuyết nhất thiết hữu bộ](http://vi.wikipedia.org/wiki/Thuy%E1%BA%BFt_nh%E1%BA%A5t_thi%E1%BA%BFt_h%E1%BB%AFu_b%E1%BB%99) và đạt được đỉnh cao khoảng [thế kỉ thứ 5](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_5), [thứ 6](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_6). Năm [791](http://vi.wikipedia.org/wiki/791) người ta tìm thấy gần đền Đế Thiên Đế Thích ([Angkor Wat](http://vi.wikipedia.org/wiki/Angkor_Wat)) một văn bản chứng tỏ rằng Đại thừa đã có mặt nơi đây song song với việc thờ thần Thấp-bà (sa. *śiva*). Sự hỗn hợp này có lẽ bắt nguồn từ việc thờ cúng [Bồ Tát](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BB%93_T%C3%A1t) [Quán Thế Âm](http://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%C3%A1n_Th%E1%BA%BF_%C3%82m), mà Thấp-bà được xem là một hóa thân. Mọi nhà vua của Campuchia cũng đều được xem là hóa thân của Quan Thế Âm. Sau một thời gian thì yếu tố thần Thấp-bà hầu như bị mất đi, nhưng đến [thế kỉ thứ 13](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_13), người ta lại tôn thờ thần Thấp-bà và tăng giả Phật giáo bị bức hại. Theo các Cao tăng Trung Quốc thì trong thời gian này, Thượng tọa bộ được phát triển trong lúc Đại thừa bị lu mờ. Một số văn bản bằng văn hệ Pali ghi năm [1309](http://vi.wikipedia.org/wiki/1309) chứng minh rằng Thượng tọa bộ được hoàng gia công nhận và kể từ đó là giáo phái chính thống của Campuchia. Mãi đến cuối [thế kỉ thứ 19](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_19), Phật giáo truyền từ [Thái Lan](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A1i_Lan) mới bắt đầu có ảnh hưởng.

Phật giáo tại Thái Lan[[sửa](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o&veaction=edit&vesection=12" \o "Sửa đổi phần \“Phật giáo tại Thái Lan\”) | [sửa mã nguồn](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o&action=edit&section=12)]

[](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BA%ADp_tin:Dhammakaya_cetiya_night.jpg)

Thiền viện Dhammakaya, thiền viện Phật giáo lớn nhất thế giới tại tỉnh[Pathum Thani](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Pathum_Thani&action=edit&redlink=1).

Người ta biết rất ít việc đạo Phật được truyền bá đến [Thái Lan](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A1i_Lan). Kết quả khảo cổ cho thấy Phật giáo đến Thái Lan khoảng [thế kỉ thứ 6](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_6) từ Miến Điện. Ban đầu giáo lí [Therevada](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C6%B0%E1%BB%A3ng_t%E1%BB%8Da_b%E1%BB%99) tức Phật giáo nguyên thủy Nam tông có ảnh hưởng rộng rãi. Khoảng giữa [thế kỉ thứ 8](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_8) và [13](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_13), Mahayana (hay phái Bắc Tông) được truyền bá rộng hơn. Giữa [thế kỉ thứ 11](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_11) và [14](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_14), ảnh hưởng của [Ấn Độ giáo](http://vi.wikipedia.org/wiki/%E1%BA%A4n_%C4%90%E1%BB%99_gi%C3%A1o) bắt đầu phát triển. Trong thế kỉ 13, Hoàng gia Thái Lan chính thức công nhận Thượng tọa bộ (giáo lý của [Phật giáo nguyên thủy](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C6%B0%E1%BB%A3ng_t%E1%BB%8Da_b%E1%BB%99) [Therevada](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C6%B0%E1%BB%A3ng_t%E1%BB%8Da_b%E1%BB%99))và mối liên hệ với Tích Lan trong thời kì này càng làm cho bộ này phát triển thêm rộng rãi. Năm [1782](http://vi.wikipedia.org/wiki/1782), nhà vua triệu tập một đại hội nhằm kiểm điểm lại Tam tạng kinh điển. Trong [thế kỉ thứ 19](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_19), nhà vua [Ma-ha Mông-cút](http://vi.wikipedia.org/wiki/Rama_IV) (*mongkut*) lên ngôi, bản thân ông cũng đã là một tăng sĩ, ông là người đặt nền tảng cho nền Phật giáo cận đại. Ông thành lập Pháp tông (*dhammayut*), cơ sở dựa vào Luật tạng và ngày nay có nhiều tín đồ nhất tại Thái Lan. Vua [Chulalangkorn](http://vi.wikipedia.org/wiki/Rama_V) - trị vì từ [1868](http://vi.wikipedia.org/wiki/1868) đến [1910](http://vi.wikipedia.org/wiki/1910) - cho xuất bản các tạng kinh quan trọng của đạo Phật, có thể gọi là đầy đủ nhất từ xưa đến nay. Ngày nay, 95% dân số Thái Lan theo đạo Phật.

Phật giáo tại Hàn Quốc[[sửa](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o&veaction=edit&vesection=13" \o "Sửa đổi phần \“Phật giáo tại Hàn Quốc\”) | [sửa mã nguồn](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o&action=edit&section=13)]

[](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BA%ADp_tin:Seokguram_Buddha.JPG)

Tượng Đức Phật [Thích Ca Mâu Ni](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%ADch_Ca_M%C3%A2u_Ni)tại [chùa Seokguram](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ch%C3%B9a_Seokguram&action=edit&redlink=1),[Hàn Quốc](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0n_Qu%E1%BB%91c" \o "Hàn Quốc)

Trong [thế kỉ thứ 4](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_4) sau CN, Phật giáo du nhập vào Hàn Quốc và phát triển rực rỡ nhất là giữa [thế kỉ thứ 6](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_6) và [thứ 9](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_9). Trong thời kì này, các trường phái quan trọng của Trung Quốc đều được thành lập tại Hàn Quốc như [Thiền tông](http://vi.wikipedia.org/wiki/Thi%E1%BB%81n_t%C3%B4ng), [Hoa Nghiêm tông](http://vi.wikipedia.org/wiki/Hoa_Nghi%C3%AAm_t%C3%B4ng), [Mật tông](http://vi.wikipedia.org/wiki/M%E1%BA%ADt_t%C3%B4ng) ([Chân ngôn tông](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%A2n_Ng%C3%B4n_T%C3%B4ng)). Bộ kinh *Bát-nhã ba-la-mật-đa* (sa. *prajñāpāramitā-sūtra*) cũng được truyền bá rộng rãi rất sớm tại Hàn Quốc. Người ta cũng tìm thấy nhiều tác phẩm văn hóa mang đặc tính Phật giáo tại đây. Suốt thời nhà Lí (*yi*, [1392](http://vi.wikipedia.org/wiki/1392)-[1910](http://vi.wikipedia.org/wiki/1910)), nền văn hóa [Khổng giáo](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nho_gi%C3%A1o) trở thành quốc đạo và tăng ni Phật giáo bị ép buộc phải vào núi tu hành. Sau năm [1945](http://vi.wikipedia.org/wiki/1945), Phật giáo được phục hưng và phát sinh một phong trào mới gọi là Viên Phật giáo (en. *won-buddhism*). Ngày nay, tại Hàn Quốc người ta ít phân biệt các tông phái đạo Phật và thực hành song song với nhau thiền quán, niệm Phật [A-di-đà](http://vi.wikipedia.org/wiki/A-di-%C4%91%C3%A0) và tụng kinh. Phép niệm thần chú cũng được truyền bá rộng rãi, vốn có nguồn gốc từ Mật tông của thời trung cổ. Trong giới trí thức, Thiền tông được nhiều người theo trong lúc giới dân giã lấy niệm danh hiệu các đức Phật làm chủ yếu. Trộn lẫn với đạo Phật là hình thức thờ đa thần như thần núi, linh vật, thần tinh tú.

Phật giáo tại Mông Cổ[[sửa](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o&veaction=edit&vesection=14" \o "Sửa đổi phần \“Phật giáo tại Mông Cổ\”) | [sửa mã nguồn](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o&action=edit&section=14)]

Theo nhà nghiên cứu sử học [người Anh](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%C6%B0%E1%BB%9Di_Anh) Andrew Skilton[[2]](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o#cite_note-2), Phật giáo được truyền vào [Mông Cổ](http://vi.wikipedia.org/wiki/M%C3%B4ng_C%E1%BB%95) từ [Ấn Ðộ](http://vi.wikipedia.org/wiki/%E1%BA%A4n_%C4%90%E1%BB%99), [Trung Á](http://vi.wikipedia.org/wiki/Trung_%C3%81) và [Trung Hoa](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%AAn_g%E1%BB%8Di_Trung_Qu%E1%BB%91c) vào đầu [thế kỷ 4](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_4) [TCN](http://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%B4ng_Nguy%C3%AAn) bằng [con đường tơ lụa](http://vi.wikipedia.org/wiki/Con_%C4%91%C6%B0%E1%BB%9Dng_t%C6%A1_l%E1%BB%A5a)(Silk Road) qua các nhà buôn người Ấn Độ. Từ đó Phật giáo dần dà phát triển đến [thế kỷ 13](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_13) với nhiều đợt truyền giáo của [Phật Giáo Tây Tạng](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_T%C3%A2y_T%E1%BA%A1ng) và [Phật giáo Trung Quốc](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Trung_Qu%E1%BB%91c). Tuy nhiên, Phật giáo Tây Tạng chiếm ưu thế và ảnh hưởng mạnh mẽ vào đời sống của người dân Mông Cổ. Ðỉnh cao của sự ảnh hưởng này là [Đạt-lại Lạt-ma](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1t-l%E1%BA%A1i_L%E1%BA%A1t-ma) thứ 4 là người Mông Cổ (1588). Trước khi Phật giáo được truyền vào Mông Cổ, tôn giáo bản địa là Shaman giáo, một tôn giáo chịu ảnh hưởng từ truyền thống tâm linh của người Ba Tư.

[](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BA%ADp_tin:M%C3%B6r%C3%B6nMonastery4.jpg)

Tượng Đức Phật tại tu viện Danzandarjaa Khiid ở thành phố [Mörön](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=M%C3%B6r%C3%B6n&action=edit&redlink=1)

Phật giáo Mông Cổ bắt đầu hưng thịnh từ [thế kỷ 13](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_13) đến cuối [thế kỷ 19](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_19) khi tôn giáo này trở thành quốc giáo của Mông Cổ. Đến đầu [thế kỷ 20](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_20), Mông Cổ chịu nhiều đau khổ vì chiến tranh, xung đột chính trị từ các cường quốc bên ngoài, sau [Trung Quốc](http://vi.wikipedia.org/wiki/Trung_Qu%E1%BB%91c) (1912), [Nhật Bản](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%E1%BA%ADt_B%E1%BA%A3n) đánh chiếm vào [Manchuria](http://vi.wikipedia.org/wiki/M%C3%A3n_Ch%C3%A2u) vào năm 1931, và sau [thế chiến thứ 2](http://vi.wikipedia.org/wiki/Chi%E1%BA%BFn_tranh_th%E1%BA%BF_gi%E1%BB%9Bi_th%E1%BB%A9_hai) vào năm 1945,[Hồng quân Liên Xô](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BB%93ng_Qu%C3%A2n) bắt đầu cuộc giải phóng cho [Mông Cổ](http://vi.wikipedia.org/wiki/M%C3%B4ng_C%E1%BB%95). Và từ đó trở đi Mông Cổ trở thành quốc gia [xã hội chủ nghĩa](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BB%87_th%E1%BB%91ng_x%C3%A3_h%E1%BB%99i_ch%E1%BB%A7_ngh%C4%A9a), với chính sách không khoan nhượng [tôn giáo](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%B4n_gi%C3%A1o) của [chính quyền Cộng sản](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ch%C3%ADnh_quy%E1%BB%81n_C%E1%BB%99ng_s%E1%BA%A3n&action=edit&redlink=1), có 20 ngàn tăng ni và cư sĩ Phật giáo Mông Cổ trí thức bị giết, 40 ngàn người khác bị tống giam, thanh thiếu niên dưới 18 tuổi không được xuất gia, hơn 800 tự viện bị phá hủy hoàn toàn trên khắp Mông Cổ.[[3]](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o#cite_note-3)

Từ năm 1989 đến nay, khi chế độ Cộng sản sụp đổ, Mông Cổ trở thành nước [đa đảng](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%E1%BB%87_th%E1%BB%91ng_%C4%91a_%C4%91%E1%BA%A3ng) thì các rào cản về sinh hoạt tín ngưỡng được tháo bỏ, các hoạt động của Phật giáo đã từng bước trở lại bình thường, có hơn 160 ngôi Tu viện Phật giáo được xây dựng hoặc mở cửa trở lại và rất nhiều người xuất gia tu học và làm công tác truyền giáo. Hiện nay, 50% dân số Mông Cổ theo [Phật giáo Tây Tạng](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_T%C3%A2y_T%E1%BA%A1ng).[[4]](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o#cite_note-4)

Phật giáo tại Lào[[sửa](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o&veaction=edit&vesection=15" \o "Sửa đổi phần \“Phật giáo tại Lào\”) | [sửa mã nguồn](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o&action=edit&section=15)]

[](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BA%ADp_tin:Pha_That_Luang_04.JPG)

Tháp That Luang, biểu tượng nổi tiếng của Phật giáo Lào

Hầu hết nhân dân Lào theo đạo Phật. Phật Giáo trở thành quốc giáo của họ. Ở Lào, Phật giáo giữ vị trí quốc giáo từ nhiều thế kỷ nay. Phật giáo có ảnh hưởng đến việc hình thành tính cách dân tộc, nhân sinh của [người Lào](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%C6%B0%E1%BB%9Di_L%C3%A0o).

Theo nhiều nguồn sử liệu còn để lại cho thấy, vào khoảng [thế kỷ 12](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_12), những [người Môn](http://vi.wikipedia.org/wiki/M%C3%B4n) đầu tiên di cư xuống vùng Tây Lào đã truyền bá Phật giáo cho những cư dân tại đây. Những người Môn này đã mang theo rất nhiều kinh Phật, tượng Phật và những tu sĩ am hiểu Phật giáo từ [Sri Lanka](http://vi.wikipedia.org/wiki/Sri_Lanka) đến truyền bá Phật pháp. Từ đó họ truyền đi các ngả và phát triển rộng khắp đến các vùng phía Tây của Lào.

Đến [thế kỷ 13](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_13) khi tộc [người Lào Thay](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ng%C6%B0%E1%BB%9Di_L%C3%A0o_Thay&action=edit&redlink=1) chinh phục xong toàn bộ phần đất Bắc Lào rộng lớn họ đã tiếp thu Phật giáo hệ phái [Thượng Tọa Bộ](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C6%B0%E1%BB%A3ng_t%E1%BB%8Da_b%E1%BB%99) hay [Therevada](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C6%B0%E1%BB%A3ng_t%E1%BB%8Da_b%E1%BB%99) - [Phật giáo Nam tông](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C6%B0%E1%BB%A3ng_t%E1%BB%8Da_b%E1%BB%99)và phát triển rộng khắp cả vùng Bắc và Trung Lào. Thời gian này, Phật giáo Lào có quan hệ mật thiết với Phật giáo [Srilanka](http://vi.wikipedia.org/wiki/Sri_Lanka). Trong khi đó, từ phía Nam, Phật giáo Lào cũng chịu ảnh hưởng của Phật giáo [Khmer](http://vi.wikipedia.org/wiki/Khmer) vốn theo Thượng Tọa Bộ - Therevada. Dưới thời của [đế chế Angkor](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%BF_qu%E1%BB%91c_Khmer), thống trị từ [thế kỷ thứ 7](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_7) đến [thế kỷ 13](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_13), [Phật giáo Đại thừa](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1i_th%E1%BB%ABa) đã được truyền bá vào [Lào](http://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%A0o). [Thế kỷ 14](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_14) khi vua [Phà Ngừm](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%A0_Ng%E1%BB%ABm) (1316 - 1373) thống nhất toàn bộ lãnh thổ nước Lào, ông đã tiếp thu Phật giáo Thượng Tọa Bộ từ [Campuchia](http://vi.wikipedia.org/wiki/Campuchia) và phát triển trên khắp đất nước Lào.[[5]](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o#cite_note-5)

Hiện nay, Phật giáo tại Lào tồn tại song song hai hệ phái là [Phật giáo Bắc tông](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1i_th%E1%BB%ABa) và Phật giáo [Thượng Tọa Bộ](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C6%B0%E1%BB%A3ng_t%E1%BB%8Da_b%E1%BB%99), trong đó hệ phái Phật giáo [Thượng Tọa Bộ](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C6%B0%E1%BB%A3ng_t%E1%BB%8Da_b%E1%BB%99) - [Therevada](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C6%B0%E1%BB%A3ng_t%E1%BB%8Da_b%E1%BB%99) chiếm đa số. Theo con số thống kê, hiện nay ở Lào có hơn 20.000 tăng ni, khoảng 6.300 cơ sở thờ tự, chiếm khoảng 85% dân số nước này. Phật giáo Thượng Tọa Bộ ở Lào phân chia thành 2 phái nhỏ là Đại tông phái truyền thống chiếm 94% số chùa, 90% số sư sãi. Tông phái này từ [Thái Lan](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A1i_Lan) truyền sang vào [thế kỷ 14](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_14). Và Pháp tông phái vốn do nhà vua [Mongkut](http://vi.wikipedia.org/wiki/Rama_IV) ([Rama IV](http://vi.wikipedia.org/wiki/Rama_IV)) của [Vương triều Chakri](http://vi.wikipedia.org/wiki/V%C6%B0%C6%A1ng_tri%E1%BB%81u_Chakri) ([Thái Lan](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A1i_Lan)) lập ra khi nhà vua chưa lên ngôi. Phái này chủ trương cải cách Phật giáo, chủ trương bảo vệ giới luật nghiêm túc, do các cao tăng điều hành. Sư tăng của phái nầy tuy hạn chế, nhưng phần lớn là các quý tộc xuất gia, nhiều nhà trí thức, trước kia được Hoàng gia Lào ủng hộ.

Phật giáo tại Nhật Bản[[sửa](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o&veaction=edit&vesection=16" \o "Sửa đổi phần \“Phật giáo tại Nhật Bản\”) | [sửa mã nguồn](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o&action=edit&section=16)]

[](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BA%ADp_tin:Todaiji18s3200.jpg)

Chùa [Tōdai-ji](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%C5%8Ddai-ji)

[](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BA%ADp_tin:Chogye_Buddhist_monks.jpg)

các chú tiểu nhỏ tại Nhật

Đạo Phật bắt đầu từ [Ấn Độ](http://vi.wikipedia.org/wiki/%E1%BA%A4n_%C4%90%E1%BB%99) từ [thế kỷ thứ 6](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_6) trước [Công Nguyên](http://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%B4ng_Nguy%C3%AAn). Một nhánh chính của Phật giáo, nhánh [Mahayana](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1i_th%E1%BB%ABa) hay gọi là [Phật giáo Bắc tông](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1i_th%E1%BB%ABa) đã du nhập vào [Nhật Bản](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%E1%BA%ADt_B%E1%BA%A3n). Phật giáo được du nhập vào Nhật từ [Trung Hoa](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%AAn_g%E1%BB%8Di_Trung_Qu%E1%BB%91c) và [Triều Tiên](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tri%E1%BB%81u_Ti%C3%AAn) dưới dạng món quà của vương quốc thân hữu Triều Tiên [Kudara](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Kudara&action=edit&redlink=1) vào [thế kỷ thứ 6](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_6) sau Công Nguyên. Trong khi Phật giáo được giới quý tộc cai trị ủng hộ, lúc đầu nó lại không phổ biến trong giới thường dân vì những lý thuyết phức tạp của nó. Đến thời [Nara](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nara), Phật giáo mới phát triển mạnh mẽ trong dân chúng và toàn nước Nhật.[[6]](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o" \l "cite_note-6)

Trong nhiều thế kỷ, Phật giáo là quốc giáo của nước này. Ảnh hưởng lớn đến [chính trị](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%ADnh_tr%E1%BB%8B), [xã hội](http://vi.wikipedia.org/wiki/X%C3%A3_h%E1%BB%99i), [văn hóa](http://vi.wikipedia.org/wiki/V%C4%83n_h%C3%B3a) của quốc gia này. Từ khi Phật giáo truyền đến nước Nhật, sự hợp nhất giữa Phật giáo và [Thần đạo](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%A7n_%C4%91%E1%BA%A1o) đã diễn ra trong một khoảng thời gian dài. Phật giáo bắt đầu thời kỳ suy vi tại Nhật vào [thế kỉ 19](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_19), vào thời [Minh Trị](http://vi.wikipedia.org/wiki/Minh_Tr%E1%BB%8B_(%C4%91%E1%BB%8Bnh_h%C6%B0%E1%BB%9Bng)), chính quyền lúc bấy giờ đã ra sắc lệnh "Thần Phật phân ly", tách Thần Đạo ra khỏi Phật giáo, đồng thời nỗ lực chấn hưng tôn giáo bản địa. Đây là thời kì Thần Đạo phát triển mạnh mẽ với sự bảo trợ đặc biệt của chính quyền. Thần Đạo trở thành quốc giáo của Nhật Bản, gắn liền với các hoạt động của [nhà nước](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_n%C6%B0%E1%BB%9Bc). Phật giáo được khôi phục lại sau khi kết thức [Thế chiến thứ hai](http://vi.wikipedia.org/wiki/Chi%E1%BA%BFn_tranh_th%E1%BA%BF_gi%E1%BB%9Bi_th%E1%BB%A9_hai) với việc nhiều tổ chức Phật giáo ra đời làm sống dậy các sinh hoạt Phật sự trên khắp nước Nhật.

Theo thống kê gần đây, Phật giáo Nhật Bản có 70.000 ngôi chùa, 250.000 tăng ni, 96 triệu Phật tử. Có trên 20 trường đại học, trung học và viện nghiên cứu Phật giáo ở khắp đất nước Nhật. Phật giáo Nhật Bản có rất nhiều tông phái khác nhau, được chia thành mười ba tông phái chính.[[7]](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o#cite_note-7)

Nền tảng Đạo Phật và Khác biệt của Đạo Phật với hầu hết các tôn giáo[[sửa](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o&veaction=edit&vesection=17" \o "Sửa đổi phần \“Nền tảng Đạo Phật và Khác biệt của Đạo Phật với hầu hết các tôn giáo\”) | [sửa mã nguồn](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o&action=edit&section=17)]

|  |  |
| --- | --- |
| http://upload.wikimedia.org/wikipedia/commons/thumb/e/e1/Ambox_wikify.svg/44px-Ambox_wikify.svg.png | **Bài hoặc đoạn này cần được**[**wiki hóa**](http://vi.wikipedia.org/wiki/Wikipedia:T%E1%BB%AB_%C4%91i%E1%BB%83n_thu%E1%BA%ADt_ng%E1%BB%AF#Wiki_h.C3.B3a)**theo**[**các quy cách định dạng và văn phong**](http://vi.wikipedia.org/wiki/Wikipedia:C%E1%BA%A9m_nang_v%E1%BB%81_v%C4%83n_phong)**Wikipedia.** Xin hãy giúp [phát triển bài này](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o&action=edit) bằng cách liên kết trong đến các mục từ thích hợp khác. |

[](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BA%ADp_tin:Novice_in_the_Buddhist_religion_is_standing.jpg)

Tiểu ni cô tại Thái Lan

[](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BA%ADp_tin:Watpailom_07.jpg)

[Tỉ khâu](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%89-kh%C3%A2u) Thái Lan đi khất thực

1. **Nền tảng Đạo Phật:** Đạo Phật đặt trên 2 nền tảng cốt lõi là Nhân Quả và Luân hồi. Hiểu được 2 khái niệm này sẽ giúp hiểu được toàn bộ Phật pháp
   1. [**Nhân Quả**](http://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BA%A3_b%C3%A1o)**:**
      1. Đạo Phật giải thích là mọi sự việc đều có lý do từ Nhân Quả. Nghĩa là mọi sự việc đều là kết quả từ nguyên nhân trước đó. Và sự việc đó chính nó lại sẽ là một nguyên nhân của kết quả sau này. Các sự việc tương tác Nhân Quả phức tạp lẫn nhau gọi là trùng trùng duyên khởi. Nhân có khi còn gọi là Duyên hay Nghiệp, và một khi đã gieo Duyên hay Nghiệp thì ắt sẽ gặt Quả (để phân biệt tích cực với tiêu cực một cách tương đối thì có khái niệm "thuận duyên", "nghịch duyên" hoặc "Thiện nghiệp", "Ác nghiệp")
      2. Dù con người không thể thấy được toàn bộ, không thể lý giải được hoàn toàn nhân quả này thì mối quan hệ Nhân Quả vẫn là một quy luật tự nhiên khách quan. Con người dù không thể hiểu hết, thấy hết, thậm chí có thể họ không tin Nhân Quả, nhưng quy luật này vẫn vận hành và chi phối vạn vật. Thời gian giữa Nhân và Quả là xuyên suốt thời gian vũ trụ chứ không chỉ trong một kiếp sống. Việc này dẫn đến 1 khái niệm là Luân hồi.
   2. [**Luân hồi**](http://vi.wikipedia.org/wiki/Lu%C3%A2n_h%E1%BB%93i)**:**
      1. Luân hồi là sự chuyển sinh liên tục, là sự chết đi và sống lại của một đối tượng. Hình thức của 1 kiếp sống là khác nhau, có thể chuyển đổi giữa các loài, các thế giới ([cõi ngạ quỷ](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=C%C3%B5i_ng%E1%BA%A1_qu%E1%BB%B7&action=edit&redlink=1), [cõi súc sinh](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=C%C3%B5i_s%C3%BAc_sinh&action=edit&redlink=1), [cõi địa ngục](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=C%C3%B5i_%C4%91%E1%BB%8Ba_ng%E1%BB%A5c&action=edit&redlink=1), [cõi trời](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=C%C3%B5i_tr%E1%BB%9Di&action=edit&redlink=1), [cõi người](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=C%C3%B5i_ng%C6%B0%E1%BB%9Di&action=edit&redlink=1), [cõi a-tu-la](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=C%C3%B5i_a-tu-la&action=edit&redlink=1)…). Quan hệ Nhân Quả quyết định cách thức Luân hồi, hay nói cách khác tùy theo Duyên hay Nghiệp đã tạo mà sẽ Luân hồi tương ứng để nhận Quả. Luân hồi khẳng định cho quy luật Nhân Quả là không bao giờ tránh được Quả một khi đã gieo Nhân.
      2. Chết là hết một kiếp, nhưng lại là khởi đầu của một kiếp khác, nối tiếp vô cùng tận. Dù có hết 1 kiếp sống thì vẫn sẽ tiếp tục Luân hồi sang kiếp khác để nhận Quả. Còn Luân hồi là còn khổ và Đạo Phật chỉ rằng Luân hồi chỉ có thể bị phá vỡ nếu đạt [Giác ngộ](http://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%C3%A1c_ng%E1%BB%99). Nghĩa là có thể thoát khỏi Luân hồi sinh tử nếu biết cách "đoạn diệt" các nguyên nhân dẫn dắt Luân hồi. Đạo Phật gọi đó là giải thoát và toàn bộ Phật pháp đều nhằm chỉ ra con đường giải thoát, như Phật đã nói *"Như mặn là vị của nước biển, còn vị của đạo ta là giải thoát"*.
2. **Khác biệt của Đạo Phật với hầu hết các tôn giáo:**
   1. **Bình đẳng:**
      1. Trong hầu hết các tôn giáo, không ai có thể sánh bằng hoặc ngang hàng với một đấng tối thượng là giáo chủ. Tất cả tín đồ đều phải suy tôn, coi vị này là số một và không bao giờ có cơ hội được như đấng đó. Điều này làm tôn giáo thường bị nhiều kẻ xấu lợi dụng để phục vụ cho lợi ích của riêng mình bằng cách làm cho người khác tin rằng mình là giáo chủ hoặc là người đại diện cho giáo chủ. Đạo Phật thì chỉ coi một bậc là tối thượng chứ không phải cá biệt duy nhất một ai là tối thượng. Bậc Vô thượng bồ đề hay gọi đơn giản là [Phật](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt) chính là một bậc mà mọi chúng sanh đều có thể đạt được nếu kiên trì tu tập và đạt tới giác ngộ.
      2. Phật là danh từ chung để gọi một người đã giác ngộ, đạt tới cảnh giới giải thoát, ra khỏi Luân hồi, hoàn toàn trong sạch và hơn nữa phải là người có lòng từ bi thương yêu, cứu giúp tất cả chúng sinh không phân biệt dù hy sinh cả bản thân mình. Sự suy tôn trong Đạo Phật là do tự cảm phục trước lòng từ bi, đức độ và công hạnh của người đã đạt đến bậc Vô thượng bồ đề. Là sự tự nguyện noi theo đức độ và giải thoát chứ không hề có sự ép buộc phải phục tùng, cầu lợi. Chính Phật cũng đã khẳng định: *"Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành"*
      3. Tính vô thường của vạn vật: Đạo Phật cho rằng mọi sự vật hiện tượng (trừ cõi Niết Bàn) đều là vô thường, không thể tồn tại vĩnh hằng, có sinh thì phải có diệt, Duyên khởi thì sinh - Duyên tận thì diệt. Ngay cả không gian, thời gian và vũ trụ cũng vậy, cũng có khởi đầu, biến đổi và cuối cùng là kết thúc (2.500 năm sau khi Đức Phật thuyết pháp, thuyết [Big Bang](http://vi.wikipedia.org/wiki/V%E1%BB%A5_N%E1%BB%95_L%E1%BB%9Bn) và [Vũ trụ giãn nở](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=V%C5%A9_tr%E1%BB%A5_gi%C3%A3n_n%E1%BB%9F&action=edit&redlink=1) mà khoa học tìm ra cũng có nội dung tương tự). Trong khi đó, hầu hết các tôn giáo khác đều cho rằng bậc Thượng đế của họ là vĩnh hằng bất biến và sáng tạo ra vạn vật, cho rằng bậc Thượng đế đó không sinh ra từ đâu mà tự đã có khi vạn vật chưa tồn tại.
      4. Tính vô lượng của thế giới: đa số các tôn giáo khác coi Trái Đất là trung tâm vũ trụ, loài người là sinh vật tối thượng do Thượng đế tạo ra. Đạo Phật thì cho rằng thế giới này chỉ là một trong muôn vàn các thế giới cùng hiện hữu, loài người (Nhân giới) cũng chỉ là một kiếp sống như các loài vật khác (súc sinh giới), có kiếp sống còn cao cấp hơn loài người (Thiên giới), và tất cả đều phải chịu luân hồi vô tận từ kiếp này sang kiếp khác. Phật tổ từng nói: *"Trên vũ trụ này còn vô số những thế giới khác, trong một ly nước cũng có vô số﻿ những con trùng trong đó"*. Vào thời đó, những gì Đức Phật nói là mơ hồ và không ai có thể chứng minh, nhưng ngày nay thì nhiều điều đã được khoa học hiện đại chứng minh là đúng.
   2. **Tôn thờ:**
      1. Chính vì sự bình đẳng nên Đạo Phật không ép buộc hay khuyến khích thờ cúng cho bất kỳ ai. Nên phân biệt rõ sự ép buộc thờ cúng để hưởng thụ với sự thành tâm cúng dàng, hỷ xả của một tín đồ. Một vị Phật hay một vị tăng chân chính không coi trọng bản thân mình, sẵn sàng hy sinh vì chúng sinh và thực tế đã có rất nhiều bằng chứng trong lịch sử. Vì vậy việc chúng sinh dâng cúng và họ thụ nhận, hoặc một số trường hợp họ khuyên dâng cúng chính là vì muốn chúng sinh tạo công đức, gieo một nhân lành, gieo một duyên tốt để từ đó diệt trừ tham lam, đi vào tu tập, xả bỏ vướng bận và giải thoát.
      2. Sự cúng dàng và bái lạy, hầu cận Phật là một sự ngưỡng mộ, noi theo đối với đấng Thế tôn đã giải thoát và từ bi vô lượng. Khi một người đạt đến quả vị Vô thượng bồ đề thì cả vũ trụ đều rúng động và suy tôn vì đức độ vĩ đại của vị Phật đó chứ vị Phật đó không còn mong muốn ai suy tôn, thờ cúng cho mình. Quả vị đó là một sự thật chứ không phải tự phong. Phật đã đạt tới và Phật nhận tất cả tấm lòng của chúng sinh hướng về chính đạo để hướng dẫn cách giải thoát cho chúng sinh. Hơn hết tất cả, quả vị Vô thượng bồ đề là bậc mà mọi chúng sinh đều có thể tự tu tập và đạt được theo sự chỉ bảo của Phật.

Tóm lại, Đạo Phật là con đường giải thoát dành cho tất cả chúng sinh, không phân biệt ai. Đạo Phật nói lên sự thật, là một con đường khách quan để đi tới chân lý. Giáo lý của Đạo Phật **không phải** do Phật sáng tạo ra mà là chân lý khách quan. [Phật](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt) chỉ là người phát hiện, dấn thân và chứng đắc để rồi truyền dạy lại cho chúng sinh cách giải thoát với lòng từ bi vô lượng. Sự cao quý của Phật ở chỗ xem tất cả chúng sinh là bình đẳng và hoàn toàn có thể thành Phật. Hơn thế, khi hiểu Đạo Phật sẽ thấy các đức Thế tôn thậm chí không coi Phật là một quả vị, là chứng đắc... mà chỉ là sự quay về với bản nguyên của vũ trụ.

Đánh giá[[sửa](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o&veaction=edit&vesection=18" \o "Sửa đổi phần \“Đánh giá\”) | [sửa mã nguồn](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o&action=edit&section=18)]

Nhà bác học Vật lý [Albert Einstein](http://vi.wikipedia.org/wiki/Albert_Einstein) đã nghiên cứu Đạo Phật qua các sách báo của các học giả Phật học của người Âu Mỹ viết, đáng kể là triết gia người Đức [Schopenhauer Arthur](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Schopenhauer_Arthur&action=edit&redlink=1) (1788-1860), tiến sĩ người Đức [Paul Carus](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Paul_Carus&action=edit&redlink=1) (1852-1919), viện sĩ hàn lâm người Nga [Vasily Vasaliyey](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Vasily_Vasaliyey&action=edit&redlink=1) (1818-1900)... Einstein đã phát biểu về Đạo Phật như sau[[8]](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o" \l "cite_note-8)[[9]](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o#cite_note-9):

*"Tôn giáo của tương lai sẽ là một tôn giáo toàn cầu, vượt lên trên mọi thần linh, giáo điều và thần học. Tôn giáo ấy phải bao quát cả phương diện tự nhiên lẫn siêu nhiên, đặt trên căn bản của ý thức đạo lý, phát xuất từ kinh nghiệm tổng thể gồm mọi lĩnh vực trên trong cái nhất thể đầy đủ ý nghĩa. Phật giáo sẽ đáp ứng được các điều kiện đó... Nếu có một tôn giáo nào đương đầu với các nhu cầu của*[*khoa học*](http://vi.wikipedia.org/wiki/Khoa_h%E1%BB%8Dc)*hiện đại thì đó là Phật giáo. Phật giáo không cần xét lại quan điểm của mình để cập nhật hóa với những khám phá mới của khoa học. Phật giáo không cần phải từ bỏ quan điểm của mình theo xu hướng khoa học, vì Phật giáo bao hàm cả khoa học cũng như vượt qua khoa học... Tôi là một người không tôn giáo. Nhưng nếu có Tôn giáo thì Tôi phải là một Phật tử. Vì những gì Tôi hiểu biết bây giờ thì mấy ngàn năm qua Kinh Phật đã nói hết rồi"*

# Phật giáo Việt Nam

Bách khoa toàn thư mở Wikipedia

**Phật giáo Việt Nam** là [Phật giáo](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o) được bản địa hóa khi du nhập từ [Ấn Độ](http://vi.wikipedia.org/wiki/%E1%BA%A4n_%C4%90%E1%BB%99) vào [Việt Nam](http://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam), Phật giáo Việt Nam mang những đặc điểm khác biệt so với [Phật giáo nguyên thủy](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C6%B0%E1%BB%A3ng_t%E1%BB%8Da_b%E1%BB%99) và Phật giáo của các nơi khác trên thế giới. Phật giáo là tôn giáo có ảnh hưởng sâu rộng nhất ở Việt Nam. Theo thống kê của Ban Tôn giáo [chính phủ Việt Nam](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%ADnh_ph%E1%BB%A7_Vi%E1%BB%87t_Nam) năm 2009, hiện có gần 6.802.318 tín đồ Phật giáo [[1]](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam#cite_note-1), còn theo số liệu thống kê của [Giáo hội Phật giáo Việt Nam](http://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%C3%A1o_h%E1%BB%99i_Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam), cả nước có gần 45 triệu tín đồ [quy y tam bảo](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Quy_y_tam_b%E1%BA%A3o&action=edit&redlink=1), có 839 đơn vị gia đình Phật tử[[2]](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam#cite_note-2) và khoảng 44.498 tăng ni, hơn 14.775 tự, viện, tịnh xá, tịnh thất, niệm Phật đường.

## Mục lục

  [[ẩn](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam)]

* [1 Lịch sử](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam#L.E1.BB.8Bch_s.E1.BB.AD)
  + [1.1 Thiền tông](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam#Thi.E1.BB.81n_t.C3.B4ng)
  + [1.2 Tịnh độ tông](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam#T.E1.BB.8Bnh_.C4.91.E1.BB.99_t.C3.B4ng)
  + [1.3 Mật tông](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam#M.E1.BA.ADt_t.C3.B4ng)
* [2 Đặc điểm của Phật giáo Việt Nam](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam#.C4.90.E1.BA.B7c_.C4.91i.E1.BB.83m_c.E1.BB.A7a_Ph.E1.BA.ADt_gi.C3.A1o_Vi.E1.BB.87t_Nam)
  + [2.1 Tính tổng hợp](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam#T.C3.ADnh_t.E1.BB.95ng_h.E1.BB.A3p)
    - [2.1.1 Tổng hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng truyền thống](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam#T.E1.BB.95ng_h.E1.BB.A3p_gi.E1.BB.AFa_Ph.E1.BA.ADt_gi.C3.A1o_v.C3.A0_t.C3.ADn_ng.C6.B0.E1.BB.A1ng_truy.E1.BB.81n_th.E1.BB.91ng)
    - [2.1.2 Tổng hợp giữa các tông phái Phật giáo](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam#T.E1.BB.95ng_h.E1.BB.A3p_gi.E1.BB.AFa_c.C3.A1c_t.C3.B4ng_ph.C3.A1i_Ph.E1.BA.ADt_gi.C3.A1o)
    - [2.1.3 Tổng hợp giữa Phật giáo với các tôn giáo khác](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam#T.E1.BB.95ng_h.E1.BB.A3p_gi.E1.BB.AFa_Ph.E1.BA.ADt_gi.C3.A1o_v.E1.BB.9Bi_c.C3.A1c_t.C3.B4n_gi.C3.A1o_kh.C3.A1c)
  + [2.2 Tính hài hòa âm dương](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam#T.C3.ADnh_h.C3.A0i_h.C3.B2a_.C3.A2m_d.C6.B0.C6.A1ng)
  + [2.3 Tính linh hoạt](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam#T.C3.ADnh_linh_ho.E1.BA.A1t)
* [3 Phật giáo Hòa Hảo](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam#Ph.E1.BA.ADt_gi.C3.A1o_H.C3.B2a_H.E1.BA.A3o)
* [4 Phật giáo và Văn hóa Việt](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam#Ph.E1.BA.ADt_gi.C3.A1o_v.C3.A0_V.C4.83n_h.C3.B3a_Vi.E1.BB.87t)
* [5 Tổ chức Giáo hội Phật giáo và Chính sự](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam#T.E1.BB.95_ch.E1.BB.A9c_Gi.C3.A1o_h.E1.BB.99i_Ph.E1.BA.ADt_gi.C3.A1o_v.C3.A0_Ch.C3.ADnh_s.E1.BB.B1)
* [6 Công cuộc Chấn hưng Phật giáo](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam#C.C3.B4ng_cu.E1.BB.99c_Ch.E1.BA.A5n_h.C6.B0ng_Ph.E1.BA.ADt_gi.C3.A1o)
* [7 Đọc thêm](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam#.C4.90.E1.BB.8Dc_th.C3.AAm)
* [8 Tham khảo](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam#Tham_kh.E1.BA.A3o)
* [9 Chú thích](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam#Ch.C3.BA_th.C3.ADch)
* [10 Liên kết ngoài](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam#Li.C3.AAn_k.E1.BA.BFt_ngo.C3.A0i)

## Lịch sử[[sửa](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam&veaction=edit&vesection=1) | [sửa mã nguồn](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam&action=edit&section=1)]

*Xem thêm:*[*Lịch sử Phật giáo Việt Nam*](http://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BB%8Bch_s%E1%BB%AD_Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam)

Phật giáo được du nhập vào Việt Nam từ rất sớm, khoảng thế kỷ thứ 3 trước Công nguyên. Đầu [Công nguyên](http://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%B4ng_Nguy%C3%AAn) với truyện cổ tích [Chử Đồng Tử](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%AD_%C4%90%E1%BB%93ng_T%E1%BB%AD) (ở [Hưng Yên](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%C6%B0ng_Y%C3%AAn) ngày nay) học đạo của một nhà sư Ấn Độ. [Luy Lâu](http://vi.wikipedia.org/wiki/Luy_L%C3%A2u) (thuộc tỉnh [Bắc Ninh](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%AFc_Ninh)) là trị sở của quận [Giao Chỉ](http://vi.wikipedia.org/wiki/Giao_Ch%E1%BB%89) sớm trở thành trung tâm Phật giáo quan trọng. Các truyền thuyết về [Thạch Quang Phật](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Th%E1%BA%A1ch_Quang_Ph%E1%BA%ADt&action=edit&redlink=1) và [Man Nương Phật Mẫu](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_M%E1%BA%ABu_Man_N%C6%B0%C6%A1ng) xuất hiện cùng với sự giảng đạo của Khâu Đà La (*Ksudra*) trong khoảng các năm [168](http://vi.wikipedia.org/wiki/168)-[189](http://vi.wikipedia.org/wiki/189)[[3]](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam#cite_note-Le_Manh_That-3) Thế kỉ 2, Phật giáo hình thành nên hệ thống tín ngưỡng thờ Tứ Pháp.[[4]](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam#cite_note-4)

Do tiếp thu Phật giáo trực tiếp từ [Ấn Độ](http://vi.wikipedia.org/wiki/%E1%BA%A4n_%C4%90%E1%BB%99) nên từ *Buddha* (bậc giác ngộ) được phiên âm trực tiếp thành "Bụt"[[3]](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam#cite_note-Le_Manh_That-3), từ "Bụt" được dùng nhiều trong các truyện dân gian. Phật giáo Việt Nam lúc ấy mang màu sắc của Phật giáo nguyên thuỷ, Bụt được coi như một vị thần chuyên cứu giúp người tốt, trừng phạt kẻ xấu. Sau này, vào thế kỷ thứ 4-5, do ảnh hưởng của Phật giáo Hán hoá đến từ [Trung Quốc](http://vi.wikipedia.org/wiki/Trung_Qu%E1%BB%91c) mà từ "Bụt" bị mất đi và được thay thế bởi từ "Phật". Trong [tiếng Hán](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BA%BFng_Trung_Qu%E1%BB%91c), từ *Buddha* được phiên âm thành "Phật đà", "Phật đồ" rồi được rút gọn thành "Phật".

Phật giáo ăn sâu, bám rễ vào Việt Nam từ rất sớm. Đến đời [nhà Lý](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_L%C3%BD), [nhà Trần](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_Tr%E1%BA%A7n), Phật giáo phát triển cực thịnh, được coi là [quốc giáo](http://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BB%91c_gi%C3%A1o), ảnh hưởng đến tất cả mọi vấn đề trong cuộc sống. Đến đời [nhà Hậu Lê](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_H%E1%BA%ADu_L%C3%AA) thì [Nho giáo](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nho_gi%C3%A1o)được coi là quốc giáo và Phật giáo đi vào giai đoạn suy thoái. Đến cuối [thế kỷ XVIII](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_18), vua [Quang Trung](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nguy%E1%BB%85n_Hu%E1%BB%87) cố gắng chấn hưng đạo Phật, chỉnh đốn xây chùa, nhưng vì mất sớm nên việc này không có nhiều kết quả. Đến [thế kỷ 20](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_20), mặc dù ảnh hưởng mạnh của quá trình Âu hóa, Phật giáo Việt Nam lại phát triển mạnh mẽ khởi đầu từ các đô thị miền Nam với các đóng góp quan trọng của các nhà sư Khánh Hòa và Thiện Chiếu [[5]](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam#cite_note-Nguyen_Lang-5).

Tóm lại, lịch sử Phật giáo Việt Nam trải qua bốn giai đoạn:

* từ đầu công nguyên đến hết [thời kỳ Bắc thuộc](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%AFc_thu%E1%BB%99c) là giai đoạn hình thành và phát triển rộng khắp;
* thời [Nhà Lý](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_L%C3%BD) - [Nhà Trần](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_Tr%E1%BA%A7n) là giai đoạn cực thịnh;
* từ đời [Hậu Lê](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_H%E1%BA%ADu_L%C3%AA) đến cuối [thế kỷ 19](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_19) là giai đoạn suy thoái;
* từ đầu thế kỷ 20 đến nay là giai đoạn phục hưng.

Đại thừa có ba tông phái được truyền vào Việt Nam là [Thiền tông](http://vi.wikipedia.org/wiki/Thi%E1%BB%81n_t%C3%B4ng), [Tịnh Độ tông](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%8Bnh_%C4%91%E1%BB%99_t%C3%B4ng) và [Mật tông](http://vi.wikipedia.org/wiki/M%E1%BA%ADt_t%C3%B4ng).

### Thiền tông[[sửa](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam&veaction=edit&vesection=2) | [sửa mã nguồn](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam&action=edit&section=2)]

|  |
| --- |
| [**Thiền sư Việt Nam**](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BB%83_lo%E1%BA%A1i:Thi%E1%BB%81n_s%C6%B0_Vi%E1%BB%87t_Nam) |
| [Tam.jpg](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BA%ADp_tin:Tam.jpg) |
| **Sơ khai**   * [Khương Tăng Hội](http://vi.wikipedia.org/wiki/Kh%C6%B0%C6%A1ng_T%C4%83ng_H%E1%BB%99i), [Mâu Tử](http://vi.wikipedia.org/wiki/M%C3%A2u_T%E1%BB%AD)   **Thiền phái**[**Tì-ni-đa-lưu-chi**](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%AC-ni-%C4%91a-l%C6%B0u-chi)   * [Pháp Hiền](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%A1p_Hi%E1%BB%81n), [Huệ Nghiêm](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Hu%E1%BB%87_Nghi%C3%AAm&action=edit&redlink=1), [Thanh Biện](http://vi.wikipedia.org/wiki/Thanh_Bi%E1%BB%87n) * [Định Không](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%8Bnh_Kh%C3%B4ng), [Đinh La Quý](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90inh_La_Qu%C3%BD), [Vô Ngại](http://vi.wikipedia.org/wiki/V%C3%B4_Ng%E1%BA%A1i) * [Pháp Thuận](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%A1p_Thu%E1%BA%ADn), [Thiền Ông](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Thi%E1%BB%81n_%C3%94ng&action=edit&redlink=1), [Sùng Phạm](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=S%C3%B9ng_Ph%E1%BA%A1m&action=edit&redlink=1) * [Ma Ha](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ma_Ha), [Pháp Bảo](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%C3%A1p_B%E1%BA%A3o&action=edit&redlink=1), [Vạn Hạnh](http://vi.wikipedia.org/wiki/V%E1%BA%A1n_H%E1%BA%A1nh) * [Định Huệ](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=%C4%90%E1%BB%8Bnh_Hu%E1%BB%87&action=edit&redlink=1), [Đạo Hạnh](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=%C4%90%E1%BA%A1o_H%E1%BA%A1nh&action=edit&redlink=1), [Trì Bát](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Tr%C3%AC_B%C3%A1t&action=edit&redlink=1) * [Thuần Chân](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Thu%E1%BA%A7n_Ch%C3%A2n&action=edit&redlink=1), [Đạo Pháp](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=%C4%90%E1%BA%A1o_Ph%C3%A1p&action=edit&redlink=1), [Huệ Sinh](http://vi.wikipedia.org/wiki/Hu%E1%BB%87_Sinh) * [Minh Không](http://vi.wikipedia.org/wiki/Minh_Kh%C3%B4ng), [Bản Tịch](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=B%E1%BA%A3n_T%E1%BB%8Bch&action=edit&redlink=1), [Thiền Nham](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Thi%E1%BB%81n_Nham&action=edit&redlink=1) * [Quảng Phúc](http://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BA%A3ng_Ph%C3%BAc), [Khánh Hỉ](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Kh%C3%A1nh_H%E1%BB%89&action=edit&redlink=1), [Giới Không](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Gi%E1%BB%9Bi_Kh%C3%B4ng&action=edit&redlink=1) * Pháp Dung, [Thảo Nhất](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Th%E1%BA%A3o_Nh%E1%BA%A5t&action=edit&redlink=1), [Trí Thiền](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%C3%AD_Thi%E1%BB%81n) * [Đạo Lâm](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=%C4%90%E1%BA%A1o_L%C3%A2m&action=edit&redlink=1), [Chân Không](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%A2n_Kh%C3%B4ng), [Tịnh Thiền](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=T%E1%BB%8Bnh_Thi%E1%BB%81n&action=edit&redlink=1) * [Diệu Nhân](http://vi.wikipedia.org/wiki/Di%E1%BB%87u_Nh%C3%A2n), [Viên Học](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Vi%C3%AAn_H%E1%BB%8Dc&action=edit&redlink=1), [Viên Thông](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Vi%C3%AAn_Th%C3%B4ng&action=edit&redlink=1), * [Y Sơn](http://vi.wikipedia.org/wiki/Y_S%C6%A1n)   **Thiền phái**[**Vô Ngôn Thông**](http://vi.wikipedia.org/wiki/V%C3%B4_Ng%C3%B4n_Th%C3%B4ng)   * [Cảm Thành](http://vi.wikipedia.org/wiki/C%E1%BA%A3m_Th%C3%A0nh), [Thiện Hội](http://vi.wikipedia.org/wiki/Thi%E1%BB%87n_H%E1%BB%99i), [Vân Phong](http://vi.wikipedia.org/wiki/V%C3%A2n_Phong) * [Khuông Việt](http://vi.wikipedia.org/wiki/Khu%C3%B4ng_Vi%E1%BB%87t), [Đa Bảo](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90a_B%E1%BA%A3o), [Định Hương](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%8Bnh_H%C6%B0%C6%A1ng) * [Thiền Lão](http://vi.wikipedia.org/wiki/Thi%E1%BB%81n_L%C3%A3o), [Viên Chiếu](http://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%C3%AAn_Chi%E1%BA%BFu), [Cứu Chỉ](http://vi.wikipedia.org/wiki/C%E1%BB%A9u_Ch%E1%BB%89) * [Bảo Tính](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=B%E1%BA%A3o_T%C3%ADnh&action=edit&redlink=1), [Minh Tâm](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Minh_T%C3%A2m&action=edit&redlink=1), [Quảng Trí](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Qu%E1%BA%A3ng_Tr%C3%AD&action=edit&redlink=1) * [Lý Thái Tông](http://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%BD_Th%C3%A1i_T%C3%B4ng), [Thông Biện](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Th%C3%B4ng_Bi%E1%BB%87n&action=edit&redlink=1), [Đa Vân](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=%C4%90a_V%C3%A2n&action=edit&redlink=1) * [Mãn Giác](http://vi.wikipedia.org/wiki/M%C3%A3n_Gi%C3%A1c), [Ngộ Ấn](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ng%E1%BB%99_%E1%BA%A4n&action=edit&redlink=1), [Biện Tài](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Bi%E1%BB%87n_T%C3%A0i&action=edit&redlink=1) * [Đạo Huệ](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=%C4%90%E1%BA%A1o_Hu%E1%BB%87&action=edit&redlink=1), [Bảo Giám](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=B%E1%BA%A3o_Gi%C3%A1m&action=edit&redlink=1), [Không Lộ](http://vi.wikipedia.org/wiki/Kh%C3%B4ng_L%E1%BB%99) * [Bản Tịnh](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=B%E1%BA%A3n_T%E1%BB%8Bnh&action=edit&redlink=1), [Bảo Giác](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=B%E1%BA%A3o_Gi%C3%A1c&action=edit&redlink=1), [Viên Trí](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Vi%C3%AAn_Tr%C3%AD&action=edit&redlink=1) * [Giác Hải](http://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%C3%A1c_H%E1%BA%A3i), [Trí Thiền](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%C3%AD_Thi%E1%BB%81n), [Tịnh Giới](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=T%E1%BB%8Bnh_Gi%E1%BB%9Bi&action=edit&redlink=1) * [Tịnh Không](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=T%E1%BB%8Bnh_Kh%C3%B4ng&action=edit&redlink=1), [Đại Xả](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=%C4%90%E1%BA%A1i_X%E1%BA%A3&action=edit&redlink=1), [Tín Học](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=T%C3%ADn_H%E1%BB%8Dc&action=edit&redlink=1) * [Trường Nguyên](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Tr%C6%B0%E1%BB%9Dng_Nguy%C3%AAn&action=edit&redlink=1), [Tĩnh Lực](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=T%C4%A9nh_L%E1%BB%B1c&action=edit&redlink=1), [Trí Bảo](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Tr%C3%AD_B%E1%BA%A3o&action=edit&redlink=1) * [Minh Trí](http://vi.wikipedia.org/wiki/Minh_Tr%C3%AD_(thi%E1%BB%81n_s%C6%B0)), [Quảng Nghiêm](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Qu%E1%BA%A3ng_Nghi%C3%AAm&action=edit&redlink=1), [Thường Chiếu](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C6%B0%E1%BB%9Dng_Chi%E1%BA%BFu_(thi%E1%BB%81n_s%C6%B0)) * [Trí Thông](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Tr%C3%AD_Th%C3%B4ng&action=edit&redlink=1), [Thần Nghi](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Th%E1%BA%A7n_Nghi&action=edit&redlink=1), [Thông Thiền](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Th%C3%B4ng_Thi%E1%BB%81n&action=edit&redlink=1) * [Hiện Quang](http://vi.wikipedia.org/wiki/Hi%E1%BB%87n_Quang), [Tức Lự](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=T%E1%BB%A9c_L%E1%BB%B1&action=edit&redlink=1), [Ứng Thuận](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=%E1%BB%A8ng_Thu%E1%BA%ADn&action=edit&redlink=1)   **Thiền phái**[**Thảo Đường**](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%A3o_%C4%90%C6%B0%E1%BB%9Dng)   * [Lý Thánh Tông](http://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%BD_Th%C3%A1nh_T%C3%B4ng), [Bát Nhã](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=B%C3%A1t_Nh%C3%A3_thi%E1%BB%81n_s%C6%B0&action=edit&redlink=1), [Ngộ Xá](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ng%E1%BB%99_X%C3%A1&action=edit&redlink=1) * Ngô Ích, [Hoằng Minh](http://vi.wikipedia.org/wiki/Thi%E1%BB%87u_Minh), [Không Lộ](http://vi.wikipedia.org/wiki/Kh%C3%B4ng_L%E1%BB%99), [Định Giác](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=%C4%90%E1%BB%8Bnh_Gi%C3%A1c&action=edit&redlink=1) * [Đỗ Anh Vũ](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%97_Anh_V%C5%A9), [Phạm Âm](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%A1m_%C3%82m&action=edit&redlink=1), [Lý Anh Tông](http://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%BD_Anh_T%C3%B4ng), [Đạt Mạn](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%97_%C4%90%C3%B4) * [Trương Tam Tạng](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Tr%C6%B0%C6%A1ng_Tam_T%E1%BA%A1ng&action=edit&redlink=1), [Chân Huyền](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ch%C3%A2n_Huy%E1%BB%81n&action=edit&redlink=1), Đỗ Thường * [Hải Tịnh](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=H%E1%BA%A3i_T%E1%BB%8Bnh&action=edit&redlink=1), [Lý Cao Tông](http://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%BD_Cao_T%C3%B4ng), Nguyễn Thức, [Phạm Phụng Ngự](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%A1m_%C4%90%E1%BA%B1ng&action=edit&redlink=1)   **Thiền phái**[**Trúc Lâm Yên Tử**](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%C3%BAc_L%C3%A2m_Y%C3%AAn_T%E1%BB%AD)   * [Đạo Viên](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1o_Vi%C3%AAn), [Thông Thiền](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Th%C3%B4ng_Thi%E1%BB%81n&action=edit&redlink=1), [Nhật Thiển](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Nh%E1%BA%ADt_Thi%E1%BB%83n&action=edit&redlink=1), [Tức Lự](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=T%E1%BB%A9c_L%E1%BB%B1&action=edit&redlink=1) * [Chí Nhàn](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ch%C3%AD_Nh%C3%A0n&action=edit&redlink=1), [Ứng Thuận](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=%E1%BB%A8ng_Thu%E1%BA%ADn&action=edit&redlink=1), [Tiêu Dao](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ti%C3%AAu_Dao&action=edit&redlink=1) * [Tuệ Trung Thượng Sĩ](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tu%E1%BB%87_Trung_Th%C6%B0%E1%BB%A3ng_S%C4%A9), [Trần Thái Tông](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%E1%BA%A7n_Th%C3%A1i_T%C3%B4ng) * [Trần Nhân Tông](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%E1%BA%A7n_Nh%C3%A2n_T%C3%B4ng), [Thạch Kim](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%A1ch_Kim) * [Pháp Loa](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%A1p_Loa), [Hương Sơn](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=H%C6%B0%C6%A1ng_S%C6%A1n_(thi%E1%BB%81n_s%C6%B0)&action=edit&redlink=1), [Pháp Cổ](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%C3%A1p_C%E1%BB%95&action=edit&redlink=1) * [Huyền Quang](http://vi.wikipedia.org/wiki/Huy%E1%BB%81n_Quang), [Cảnh Huy](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=C%E1%BA%A3nh_Huy&action=edit&redlink=1), [Quế Đường](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Qu%E1%BA%BF_%C4%90%C6%B0%E1%BB%9Dng&action=edit&redlink=1) * [Chuyết Chuyết](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Chuy%E1%BA%BFt_Chuy%E1%BA%BFt&action=edit&redlink=1), [Chân Nguyên](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%A2n_Nguy%C3%AAn), [Liễu Quán](http://vi.wikipedia.org/wiki/Li%E1%BB%85u_Qu%C3%A1n), [Hương Hải](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%C6%B0%C6%A1ng_H%E1%BA%A3i) |

**Thiền tông** (còn được biết là **Zen** hay **Ch'an**) là một tông phái Phật giáo do nhà sư Ấn Độ [Bồ Đề Đạt Ma](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BB%93-%C4%91%E1%BB%81-%C4%91%E1%BA%A1t-ma) (*Boddidharma*) sáng lập ra ở Trung Quốc vào đầu [thế kỷ thứ 6](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_6). "Thiền" là cách gọi tắt của "Thiền na" (*Dhyana*), có nghĩa là "Tĩnh tâm", chủ trương tập trung trí tuệ để quán định (thiền) nhằm đạt đến chân lý giác ngộ của đạo Phật. Theo Thiền tông, "thiền" không phải là "suy nghĩ" vì suy nghĩ là "tâm vọng tưởng", làm phân tâm và mầm mống của sanh tử luân hồi[[6]](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam#cite_note-6). Cách tu theo Thiền tông đòi hỏi phải tập trung toàn bộ công sức và thời gian cộng với phải có khả năng đốn ngộ. Yêu cầu đó chỉ có những kẻ căn cơ cao mới có được nên người tu thiền thì nhiều nhưng người chứng ngộ quả thật rất là hiếm hoi[[7]](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam#cite_note-7). Tuy nhiên lịch sử Thiền tông ở Việt Nam cũng có một lịch sử rõ ràng hơn cả.

Dòng thiền tu thứ nhất trong lịch sử Phật giáo Việt Nam do nhà sư [Tỳ Ni Đa Lưu Chi](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%AC-ni-%C4%91a-l%C6%B0u-chi) (*Vinitaruci*) lập ra. Ông là người Ấn Độ, qua Trung Quốc rồi đến Việt Nam vào năm[580](http://vi.wikipedia.org/wiki/580), tu tại [chùa Pháp Vân](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%B9a_Ph%C3%A1p_V%C3%A2n) (hay chùa Dâu), thuộc huyện Thuận Thành tỉnh [Bắc Ninh](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%AFc_Ninh) và truyền cho tổ thứ hai là Pháp Hiền. Dòng thiền này truyền được đến 19 thế hệ[[8]](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam#cite_note-Thien_Uyen_Tap_Anh-8). Dòng thiền tu thứ hai do [Vô Ngôn Thông](http://vi.wikipedia.org/wiki/V%C3%B4_Ng%C3%B4n_Th%C3%B4ng), người Trung Quốc lập ra vào năm [820](http://vi.wikipedia.org/wiki/820), tu tại chùa Kiến Sơ, thuộc xã Phù Đổng, huyện Gia Lâm, [Hà Nội](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_N%E1%BB%99i). Dòng thiền này truyền được đến 17 đời[[8]](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam#cite_note-Thien_Uyen_Tap_Anh-8). Dòng thiền thứ ba do [Thảo Đường](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%A3o_%C4%90%C6%B0%E1%BB%9Dng), người Trung Quốc, vốn là tù binh bị bắt tại [Chiêm Thành](http://vi.wikipedia.org/wiki/Chi%C3%AAm_Th%C3%A0nh) và được vua [Lý Thánh Tông](http://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%BD_Th%C3%A1nh_T%C3%B4ng) giải phóng khỏi kiếp nô lệ và cho mở đạo tại [chùa Khai Quốc](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%B9a_Tr%E1%BA%A5n_Qu%E1%BB%91c) vào năm [1069](http://vi.wikipedia.org/wiki/1069). Dòng thiền này truyền được đến 6 đời[[8]](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam#cite_note-Thien_Uyen_Tap_Anh-8). Năm [1299](http://vi.wikipedia.org/wiki/1299), vua [Trần Nhân Tông](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%E1%BA%A7n_Nh%C3%A2n_T%C3%B4ng), dưới sự hướng dẫn của thiền sư [Tuệ Trung Thượng Sỹ](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tu%E1%BB%87_Trung_Th%C6%B0%E1%BB%A3ng_S%C4%A9), xuất gia và lên tu ở núi [Yên Tử](http://vi.wikipedia.org/wiki/N%C3%BAi_Y%C3%AAn_T%E1%BB%AD), thuộc huyện Uông Bí, [Quảng Ninh](http://vi.wikipedia.org/wiki/Qu%E1%BA%A3ng_Ninh), thống nhất các thiền phái tồn tại trước đó và lập nên [Thiền phái Trúc Lâm](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%C3%BAc_L%C3%A2m_Y%C3%AAn_T%E1%BB%AD). Sau này, một số thiền phái khác xuất hiện như phái Tào Động dưới [thời Trịnh-Nguyễn](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%E1%BB%8Bnh-Nguy%E1%BB%85n_ph%C3%A2n_tranh), phái Liên Tôn vào [thế kỷ 16](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_16)-[19](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_19) (có trụ sở tại [chùa Bà Đá](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%B9a_B%C3%A0_%C4%90%C3%A1) và [chùa Liên Phái](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%B9a_Li%C3%AAn_Ph%C3%A1i), [Hà Nội](http://vi.wikipedia.org/wiki/H%C3%A0_N%E1%BB%99i)), phái Liễu Quán (Liễu Quán là tên một vị tổ thuộc dòng Lâm Tế) vào [thế kỷ 18](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_18) (miền Trung), phái Lâm Tế dưới thời [nhà Nguyễn](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_Nguy%E1%BB%85n) (miền Trung, và sau này phát triển ở miền Nam).

Thiền tông Việt Nam đề cao cái "tâm"[[9]](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam#cite_note-Tue_Trung-9): "Phật ở tại tâm", tâm là [Niết Bàn](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ni%E1%BA%BFt-b%C3%A0n), hay Phật. Trần Nhân Tông viết trong bài phú [Cư Trần Lạc Đạo](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=C%C6%B0_Tr%E1%BA%A7n_L%E1%BA%A1c_%C4%90%E1%BA%A1o&action=edit&redlink=1):

"*Cư trần lạc đạo thả tùy duyên,* *Cơ tắc xan hề khốn tắc miên.* *Gia trung hữu bảo hưu tầm mích,* *Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền.*" dịch: "*Ở đời vui đạo hãy tùy duyên,* *Đói đến thì ăn, mệt ngủ liền.* *Trong nhà có báu thôi tìm kiếm,* *Đối cảnh vô tâm chớ hỏi thiền.*"

### Tịnh độ tông[[sửa](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam&veaction=edit&vesection=3) | [sửa mã nguồn](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam&action=edit&section=3)]

**Tịnh độ tông** là một tông phái Phật giáo, chủ trương tu dựa trên tha lực của Phật [A Di Đà](http://vi.wikipedia.org/wiki/A-di-%C4%91%C3%A0) [[10]](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam#cite_note-10)[[]][[*liên kết hỏng*](http://vi.wikipedia.org/wiki/Wikipedia:Li%C3%AAn_k%E1%BA%BFt_h%E1%BB%8Fng)] là chủ yếu, tuy nhiên vẫn có tự lực. Phật [Thích Ca Mầu Ni](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BA%A5t-%C4%91%E1%BA%A1t-%C4%91a_C%E1%BB%93-%C4%91%C3%A0m) có lần thuyết giảng: "Một viên đá dù nhỏ đến mấy mà ném xuống nước thì nó cũng chìm, nhưng nếu một hòn đá dù to đến mấy mà đặt trên bè thì nó cũng nổi".

Có một cõi cách biệt với lục độ, gọi là Thế giới [Cực Lạc](http://vi.wikipedia.org/wiki/C%E1%BB%B1c_l%E1%BA%A1c) - Nơi không có sự luân hồi, do đức Phật A Di Đà ([tiếng Phạn](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BA%BFng_Ph%E1%BA%A1n): *Amitabha*) tạo nên. Nơi đây hoa báu rất nhiều, rất trang nghiệm, thanh tịnh, nhiều vị đại bồ tát nhứ Quán Thế Âm, Đại Thế Chí Bồ Tát và bạn đồng tu tạo ra môi trường rất tốt để tu chóng đạt vị quả. Việc tu hành như viếng chùa, làm việc thiện để tích công phước đức, tụng danh Phật A Di Đà đến khi "Nhất tâm bất loạn", đọc các chú như Chú Đại Bi... Do đây là thời mạt pháp, yêu quỷ hoành hành, chúng sanh căn cơ thấp kém nên việc tu Tịnh Độ là điều tối cần thiết và đúng đắn. Vì vậy Tịnh Độ tông là tông phái phổ biến khắp cõi Việt Nam. Đi đến đâu ta cũng gặp người dân tụng niệm câu "Nam mô A Di Đà Phật" (có nghĩa là "Nguyện quy y đức Phật A Di Đà"). Tượng Phật A Di Đà là tượng có mặt ở khắp mọi nơi và có mặt từ rất lâu đời.

### Mật tông[[sửa](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam&veaction=edit&vesection=4) | [sửa mã nguồn](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam&action=edit&section=4)]

**Mật tông** là một tông phái Phật giáo chủ trương sử dụng những phép tu tụng niệm các mật chú để đạt đến chân lý giác ngộ[[11]](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam#cite_note-11). Cũng còn gọi là **Lạt Ma tông**, Mật tông là sự hợp nhất giới luật của [thuyết nhất thiết hữu bộ](http://vi.wikipedia.org/wiki/Thuy%E1%BA%BFt_nh%E1%BA%A5t_thi%E1%BA%BFt_h%E1%BB%AFu_b%E1%BB%99) (*Sarvastivada*) và nghi thức tác pháp của [Kim Cương thừa](http://vi.wikipedia.org/wiki/Kim_c%C6%B0%C6%A1ng_th%E1%BB%ABa). Bước quyết định trong nghi thức này là lễ Quán Đỉnh (*Abhiseka*) do một vị sư cả (*guru* hay "lạt ma") ban phép cho người đệ tử được nhập thiền định tâm vào một vị Phật cụ thể bằng cách đọc [chân âm](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%A2n_ng%C3%B4n) (*mantra*), suy niệm đồ hình [Mạn đà la](http://vi.wikipedia.org/wiki/M%E1%BA%A1n-%C4%91%C3%A0-la) (*mandala*) và thực thi [ấn quyết](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BB%A7_%E1%BA%A5n) (*mudra*) để đạt đến độ thăng hoa loại bỏ ý niệm nhị nguyên (*duality*) đặng nhập vào Chân Như, vào [cõi Không](http://vi.wikipedia.org/wiki/Kh%C3%B4ng_t%C3%ADnh). Trạng thái đó được biểu tượng bằng [Kim cương chử](http://vi.wikipedia.org/wiki/Kim_c%C6%B0%C6%A1ng_ch%E1%BB%AD) (*Vajra*). Để làm chủ được các nghi thức tác pháp của Mật tông (còn gọi là Kim Cương thừa - *Vajrayana*) thì điều tiên quyết là phải thấu hiểu giáo nghĩa của [Bát-nhã-ba-la-mật-đa](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%A1t-nh%C3%A3-ba-la-m%E1%BA%ADt-%C4%91a) (*Prajnaparamita*) của [Long Thọ](http://vi.wikipedia.org/wiki/Long_Th%E1%BB%A5) và [Vô Trước](http://vi.wikipedia.org/wiki/V%C3%B4_Tr%C6%B0%E1%BB%9Bc). Giáo nghĩa Bát-nhã-ba-la-mật-đa được gọi là "Nhân thừa", và giáo nghĩa Kim Cương thừa được gọi là "Quả thừa". Tương truyền rằng Mật tông do đức Phật [Đại Nhật](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1i_Nh%E1%BA%ADt_Nh%C6%B0_Lai) khởi xướng. Mật tông có hai bộ kinh cơ bản là [Đại Nhật kinh](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1i_Nh%E1%BA%ADt_kinh) và [Kim cương bát-nhã-ba-la-mật-đa kinh](http://vi.wikipedia.org/wiki/Kim_c%C6%B0%C6%A1ng_b%C3%A1t-nh%C3%A3-ba-la-m%E1%BA%ADt-%C4%91a_kinh). Như vậy, từ [thế kỉ thứ 3](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_3) đến [thế kỉ thứ 7](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_7), Thiền tông Việt Nam mang đậm giáo nghĩa [Tam Luận tông](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Tam_Lu%E1%BA%ADn_t%C3%B4ng&action=edit&redlink=1) của Long Thọ, mà đặc biệt là tư tưởng Bát-nhã-ba-la-mật-đa của Long Thọ và Vô Trước. Các thiền sư thuộc Thiền phái Tì Ni Đa Lưu Chi không chỉ uyên thâm về Phật pháp mà nhiều vị rất có uy tín với triều đình và biểu thị rõ ý thức độc lập tự chủ của đất nước. Các thiền sư Pháp Thuận, Ma Ha (thế kỉ thứ 10), Sùng Phạm (thế kỉ 12),... đều làm cố vấn cho nhà vua không chỉ việc đạo mà cả việc đời, việc ngoại giao. Dòng Tì Ni Đa Lưu Chi còn kéo dài mãi đến thế kỉ 19[[*cần dẫn nguồn*](http://vi.wikipedia.org/wiki/Wikipedia:Ch%C3%BA_th%C3%ADch_ngu%E1%BB%93n_g%E1%BB%91c)]. Đặc biệt, các thiền sư dòng Tì Ni Đa Lưu Chi thường có hình thức tu tập "Tổng Trì Tam Muội" (*Dharani samadhi*), một hình thức tu tập phổ biến của Mật giáo (*Tantrism*), dùng chân âm kết hợp với ấn quyết trong trạng thái đại định để giữ được thân, khẩu, ý. Ở Hoa Lư ([Ninh Bình](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ninh_B%C3%ACnh)), một cột kinh Phật bằng đá vào thế kỉ thứ 10[[12]](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam#cite_note-12) có khắc bài thần chú Phật Đỉnh Tối Thắng Đà La Ni (*Usnisavijaya dharani*), một thần chú phổ biến của Mật tông, đã được phát hiện.

Khi vào Việt Nam, Mật tông không tồn tại độc lập như một tông phái riêng mà nhanh chóng hòa lẫn vào dòng [tín ngưỡng dân gian](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%ADn_ng%C6%B0%E1%BB%A1ng_Vi%E1%BB%87t_Nam) với những truyền thống cầu đồng, pháp thuật, yểm bùa, trị tà ma, chữa bệnh,...

## Đặc điểm của Phật giáo Việt Nam[[sửa](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam&veaction=edit&vesection=5) | [sửa mã nguồn](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam&action=edit&section=5)]

[](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BA%ADp_tin:HistoricalBuddha.JPG)

Tượng Phật Tổ phủ sơn, Việt Nam

Trên bước đường truyền bá và hội nhập, [Phật giáo](http://chualientri.com/) luôn luôn cố gắng thực hiện hai điều đó là khế lý và khế cơ. Nếu thiếu đi một trong hai yếu tố này Phật giáo sẽ chẳng còn là Phật giáo nữa. Duy trì và phát triển hai yếu tố này, Phật giáo được truyền vào Việt Nam và các nước khác.

Khế lý là nói về mặt tư tưởng nhờ khế lý nên dù ở thời gian và không gian nào, giáo lý Phật-đà vẫn hợp với chân lý, tư tưởng vẫn luôn luôn phong phú, sâu sắc mà vẫn giữ được bản chất của mình và chỉ có một vị đó là vị giải thoát[[13]](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam#cite_note-Trang_Kh.E1.BA.BF_th.E1.BB.9Di-13).

Khế cơ thiên trọng về mặt lịch sử nhờ khế cơ nên dù trong hoàn cảnh và quốc độ nào thì sự sinh hoạt, thể hiện, truyền đạt cũng luôn luôn đa dạng[[13]](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam#cite_note-Trang_Kh.E1.BA.BF_th.E1.BB.9Di-13). Tùy theo phong tục tập quán của mỗi quốc gia mà vẫn không hề mất gốc (Phật giáo). Nói một cách khác thì có thể tùy nghi phương tiện theo từng vùng miền để truyền bá giáo lý Phật-đà nhưng không làm mất đi bản sắc của Phật giáo là ứng hợp với mọi tầng lớp và căn cơ chúng sanh.

Tên gọi tuy có khác nhưng giáo lý vẫn là một nên gọi là khế lý, dù một mà không phải một, nên có lắm tên [Phật giáo Việt Nam](http://chualientri.com/), Phật giáo Tây Tạng, Phật giáo Thái Lan, v.v. tất cả đều có tên chung là Phật giáo, bảo rằng giống cũng được nhưng bảo rằng không thì là sai. Đây gọi là khế cơ là bản địa hóa, hay sắc thái Phật giáo của từng vùng miền.

Khi Phật giáo được truyền vào Việt Nam đã được các vị thiền sư người Việt bản địa hóa, khiến Phật giáo hòa mình vào lòng dân tộc tạo nên một sắc thái đặc biệt của riêng Việt Nam. Phật giáo đã cùng sinh tồn cùng dân tộc. Điểm này dễ dàng nhận thấy trong những thời đại hưng thịnh của đất nước như Đinh, Lê, Lý Trần đều là những lúc Phật giáo cũng song hành hưng thịnh và các vị thiền sư có vị trí quan trọng trong các triều đại đó. Dù được bản địa hóa để quyện mình vào lòng dân tộc nhưng tam tạng kinh điển Phật giáo Việt Nam vẫn được truyền thừa trong suốt hơn 2000 năm lịch sử Phật giáo Việt Nam[[5]](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam#cite_note-Nguyen_Lang-5).

### Tính tổng hợp[[sửa](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam&veaction=edit&vesection=6) | [sửa mã nguồn](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam&action=edit&section=6)]

Tổng hợp là một trong những đặc tính của lối [tư duy nông nghiệp](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=T%C6%B0_duy_n%C3%B4ng_nghi%E1%BB%87p&action=edit&redlink=1), chính vì thế tổng hợp là đặc tính nổi bật nhất của Phật giáo Việt Nam. (Cần dẫn nguồn)

#### Tổng hợp giữa Phật giáo và tín ngưỡng truyền thống[[sửa](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam&veaction=edit&vesection=7) | [sửa mã nguồn](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam&action=edit&section=7)]

Phật giáo thờ Phật trong [chùa](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%B9a), tín ngưỡng truyền thống Việt Nam là thờ [thần](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%A7n) trong [miếu](http://vi.wikipedia.org/wiki/Mi%E1%BA%BFu) và thờ [Mẫu](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%ADn_ng%C6%B0%E1%BB%A1ng_th%E1%BB%9D_M%E1%BA%ABu_Vi%E1%BB%87t_Nam) trong phủ, bốn vị thần được thờ nhiều nhất là [Tứ pháp](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%A9_ph%C3%A1p): Mây-Mưa-Sấm-Chớp. Tuy nhiên bốn vị thần này đã được "Phật hóa". Các pho tượng này thường được gọi tượng Phật Pháp Vân, Phật Pháp Vũ, Phật Pháp Lôi và Phật Pháp Điện, trên thực tế các tượng này hoàn toàn điêu khắc theo tiêu chuẩn của một pho tượng Phật. Nghĩa là đầy đủ 32 tướng tốt cùng 80 vẽ đẹp, mà một trong những nét tiêu biểu chính là tướng nhục kế, những khế ấn, và khuôn mặt đầy lòng từ mẫn v.v. Các hệ thống thờ phụ này tổng hợp với nhau tạo nên các ngôi chùa "tiền Phật, hậu thần" hay "tiền Phật, hậu Mẫu". Người Việt Nam đưa các vị Thần, Thánh, Mẫu, thành hoàng thổ địa, anh hùng dân tộc... vào thờ trong chùa. Đa số các chùa còn để cả bia hậu, bát nhang cho các linh hồn đã khuất.

#### Tổng hợp giữa các tông phái Phật giáo[[sửa](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam&veaction=edit&vesection=8) | [sửa mã nguồn](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam&action=edit&section=8)]

Các tông phái [Phật giáo Đại thừa](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1i_th%E1%BB%ABa) sau khi du nhập vào Việt Nam trộn lẫn với nhau. Dòng thiền Tỳ Ni Đa Lưu Chi pha trộn với Mật giáo. Nhiều vị thiền sư đời Lý như [Vạn Hạnh](http://vi.wikipedia.org/wiki/V%E1%BA%A1n_H%E1%BA%A1nh), [Từ Đạo Hạnh](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%AB_%C4%90%E1%BA%A1o_H%E1%BA%A1nh), [Nguyễn Minh Không](http://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%BD_Qu%E1%BB%91c_S%C6%B0),... đều giỏi pháp thuật và có tài thần thông biến hóa. Thiền tông còn kết hợp với Tịnh Độ tông như là trong việc tụng niệm Phật A Di Đà và Bồ Tát.

Các điện thờ ở chùa miền Bắc có vô cùng phong phú các loại tượng Phật, [bồ tát](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BB%93_T%C3%A1t), [la hán](http://vi.wikipedia.org/wiki/A-la-h%C3%A1n) của các tông phái khác nhau. Các chùa miền Nam còn có xu hướng kết hợp [Tiểu thừa](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ti%E1%BB%83u_th%E1%BB%ABa) với [Đại thừa](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1i_th%E1%BB%ABa). Nhiều chùa mang hình thức Tiểu thừa (thờ Phật [Thích Ca Mâu Ni](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BA%A5t-%C4%91%E1%BA%A1t-%C4%91a_C%E1%BB%93-%C4%91%C3%A0m), sư mặc áo vàng) nhưng lại theo giáo lý Đại thừa; bên cạnh Phật Thích Ca Mâu Ni còn có các tượng Phật nhỏ khác, bên cạnh áo vàng còn có áo nâu, áo lam.

#### Tổng hợp giữa Phật giáo với các tôn giáo khác[[sửa](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam&veaction=edit&vesection=9) | [sửa mã nguồn](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam&action=edit&section=9)]

Tín ngưỡng truyền thống đã tiếp nhận Phật giáo ngay từ đầu Công nguyên. Sau đó Phật giáo cùng tín ngưỡng truyền thống tiếp nhận [Đạo giáo](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1o_gi%C3%A1o). Rồi tất cả cùng tiếp nhận [Nho giáo](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nho_gi%C3%A1o) để làm nên "Tam giáo đồng nguyên" (cả ba tôn giáo có cùng một gốc) và "Tam giáo đồng quy" (cả ba tôn giáo có cùng một mục đích). Ba tôn giáo trợ giúp lẫn nhau: Nho giáo lo tổ chức xã hội, Đạo giáo lo thể xác con người, Phật giáo lo tâm linh, kiếp sau của con người. Trong nhiều thế kỷ, hình ảnh "Tam giáo tổ sư" với [Thích Ca Mâu Ni](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BA%A5t-%C4%91%E1%BA%A1t-%C4%91a_C%E1%BB%93-%C4%91%C3%A0m) ở giữa, [Lão Tử](http://vi.wikipedia.org/wiki/L%C3%A3o_T%E1%BB%AD) ở bên trái, [Khổng Tử](http://vi.wikipedia.org/wiki/Kh%E1%BB%95ng_T%E1%BB%AD) ở bên phải đã in sâu vào tâm thức mọi người Việt[[14]](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam#cite_note-14).

Ngoài ra Phật giáo Việt Nam còn được hòa trộn với tất cả các tôn giáo khác để hình thành [Đạo Cao Đài](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1o_Cao_%C4%90%C3%A0i) vào thập niên 1920 với quan điểm là "Thiên nhân hợp nhất" và "Vạn giáo nhất lý".

### Tính hài hòa âm dương[[sửa](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam&veaction=edit&vesection=10) | [sửa mã nguồn](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam&action=edit&section=10)]

Sau tính tổng hợp, hài hòa âm dương là một trong những đặc tính khác của lối tư duy nông nghiệp, nó ảnh hưởng rất lớn đến Phật giáo Việt Nam làm cho Phật giáo Việt Nam có phần thiên về nữ tính.

Các vị Phật Ấn Độ xuất thân là nam giới, khi vào Việt Nam bị biến thành "Phật ông - Phật bà". [Phật Bà Quan Âm](http://vi.wikipedia.org/wiki/Quan_%C3%82m) (biến thể của [Quán Thế Âm Bồ Tát](http://vi.wikipedia.org/wiki/Quan_%C3%82m)) là vị thần hộ mệnh của vùng Nam Á nên còn được gọi là Quan Âm Nam Hải. Ngoài ra người Việt còn có những vị Phật riêng của mình như [Man Nương Phật Mẫu](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_M%E1%BA%ABu_Man_N%C6%B0%C6%A1ng) (tên khác: Phật Mẫu), [Quan Âm Thị Kính](http://vi.wikipedia.org/wiki/Quan_%C3%82m#Quan_.C3.82m_Th.E1.BB.8B_K.C3.ADnh) (tên khác: Quan Âm Tống Tử), [Quan Âm Diệu Thiện](http://vi.wikipedia.org/wiki/Quan_%C3%82m#Quan_.C3.82m_Di.E1.BB.87u_Thi.E1.BB.87n) (tên khác: Phật Bà Chùa Hương, Bà chúa Ba).

### Tính linh hoạt[[sửa](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam&veaction=edit&vesection=11) | [sửa mã nguồn](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam&action=edit&section=11)]

[Phật giáo Việt Nam](http://chualientri.com/) còn có một đặc điểm là rất linh hoạt, mà nhà Phật thường gọi là "tùy duyên bất biến; bất biến mà vẫn thường tùy duyên" nghĩa là tùy thuộc vào tình huống cụ thể mà người ta có thể tu, giải thích Phật giáo theo các cách khác nhau. Nhưng vẫn không xa rời giáo lý cơ bản của nhà Phật. Ví dụ: Các vị bồ tát, các vị hòa thượng đều được gọi chung là Phật, Phật Bà Quan Âm (vốn là bồ tát), Phật Di Lặc (vốn là hòa thượng),... Ngoài ra Phật ở Việt Nam mang dáng dấp hiền hòa và dân dã: ông Bụt Ốc (Thích Ca tóc xoăn), ông Nhịn ăn mà mặc (chỉ Thích Ca Tuyết Sơn),... Trên đầu Phật Bà Chùa Hương còn có lọn tóc đuôi gà rất truyền thống của phụ nữ Việt Nam.

## Phật giáo Hòa Hảo[[sửa](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam&veaction=edit&vesection=12) | [sửa mã nguồn](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam&action=edit&section=12)]

**Phật giáo Hòa Hảo**, hay còn gọi là [**Đạo Hòa Hảo**](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_Gi%C3%A1o_H%C3%B2a_H%E1%BA%A3o), là một tông phái Phật giáo do [Huỳnh Phú Sổ](http://vi.wikipedia.org/wiki/Hu%E1%BB%B3nh_Ph%C3%BA_S%E1%BB%95) khai lập năm [1939](http://vi.wikipedia.org/wiki/1939), lấy pháp môn [Tịnh Độ tông](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%8Bnh_%C4%91%E1%BB%99_t%C3%B4ng) làm căn bản và chủ trương tu hành tại gia. Phật giáo Hòa Hảo thể hiện rất rõ tính tổng hợp và tính linh hoạt của Phật giáo Việt Nam. Số tín đồ Đạo Hòa Hảo ước tính khoảng 2 triệu người, tập trung chủ yếu ở [đồng bằng Nam bộ](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=%C4%90%E1%BB%93ng_b%E1%BA%B1ng_Nam_b%E1%BB%99&action=edit&redlink=1).

Thực chất Phật giáo Hòa Hảo là tiếp nối của một tông phái Phật giáo có từ gần một trăm năm trước ở đồng bằng Nam bộ có tên là [Bửu Sơn Kỳ Hương](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1o_B%E1%BB%ADu_S%C6%A1n_K%E1%BB%B3_H%C6%B0%C6%A1ng) do Phật Thầy Tây An ([Đoàn Minh Huyên](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90o%C3%A0n_Minh_Huy%C3%AAn)) sáng lập vào năm [1849](http://vi.wikipedia.org/wiki/1849)tại vùng Bảy Núi (tỉnh [An Giang](http://vi.wikipedia.org/wiki/An_Giang)). Tiếp sau Phật Thày Tây An là [Phật Trùm](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_Tr%C3%B9m), [Ngô Lợi](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%C3%B4_L%E1%BB%A3i) (Đức Bổn Sư) rồi đến Huỳnh Phú Sổ. Thời kỳ Huỳnh Phú Sổ là thời kỳ phát triển rực rỡ nhất của Phật giáo Hòa Hảo.

Giáo lý là sự kết hợp của Tịnh Độ tông với [Đạo Ông Bà](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%C3%ADn_ng%C6%B0%E1%BB%A1ng_th%E1%BB%9D_c%C3%BAng_t%E1%BB%95_ti%C3%AAn). Tôn chỉ là "Học Phật Tu Nhân", noi theo giáo lý Đức Phật mà tu sửa con người, tích cực thực hành thuyết "Tứ ân (ơn)": cha mẹ, đất nước, [tam bảo](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tam_b%E1%BA%A3o) (Phật-Pháp-Tăng), nhân loại.

Cách thức tu hành của Phật giáo Hòa Hảo rất đơn giản là "tu hành tại gia". Người "cư sĩ tại gia" cúng lạy vào hai buổi sớm mai và chiều tối với 16 lạy như một bài thể dục toàn thân ở "bàn thông thiên", ăn chay một tháng 4 ngày để cơ thể khỏe mạnh; thờ trần đỏ hoặc trần dà với ý nghĩa hòa hợp; không chấp nhận mê tín dị đoan (không đốt vàng mã, không cúng tà thần...); thực hành tiết kiệm triệt để như không dâng cúng thực phẩm cho Phật chỉ cúng bông hoa nước sạch, không ăn thịt [trâu](http://vi.wikipedia.org/wiki/Tr%C3%A2u), [chó](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%B3), [bò](http://vi.wikipedia.org/wiki/B%C3%B2) để giữ sức kéo...; không hình thức: không đúc tượng, không chuông mõ, "tử thì táng", không có hàng giáo phẩm và không có tổ chức đạo (trước năm [1947](http://vi.wikipedia.org/wiki/1947)).

## Phật giáo và Văn hóa Việt[[sửa](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam&veaction=edit&vesection=13) | [sửa mã nguồn](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam&action=edit&section=13)]

Phật giáo đã thấm nhuần vào cách suy tư và sinh hoạt của người Việt nên dấu vết Phật giáo trong văn hóa Việt khá đậm nét. Nhiều người Việt theo lệ [ăn chay](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%82n_chay) vào những ngày mồng một hay ngày [rằm](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=R%E1%BA%B1m&action=edit&redlink=1).

Trong văn học thì truyện [Nôm](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BB%AF_N%C3%B4m) bình dân kể lại truyện *Bà Chúa Ba* tức truyện Quan âm [chùa Hương](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%C3%B9a_H%C6%B0%C6%A1ng). Nghệ thuật trình diễn có vở chèo [*Quan Âm Thị Kính*](http://vi.wikipedia.org/wiki/Quan_%C3%82m_Th%E1%BB%8B_K%C3%ADnh_(truy%E1%BB%87n_th%C6%A1)). [*Truyện Kiều*](http://vi.wikipedia.org/wiki/Truy%E1%BB%87n_Ki%E1%BB%81u) của Tố như [Nguyễn Du](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nguy%E1%BB%85n_Du) cũng hàm chứa nhiều tư tưởng Phật giáo.

Văn chương truyền khẩu thì số [tục ngữ](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%A5c_ng%E1%BB%AF) [ca dao](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ca_dao&action=edit&redlink=1) liên quan đến Phật giáo rất đa dạng.

Khuyên người thì có:

*Dù xây chín đợt phù-đồ*

*Không bằng làm phúc cứu cho một người*

Nhận xét nhân thế thì có:

*Hiền như Bụt*

*Oan Thị Kính*

*Đi với Bụt mặc áo cà-sa*

*Đi với ma mặc áo giấy*

*Miệng thì nam-mô*

*Bụng bồ dao găm*

Châm biếm thì có:

*Trao lược cho sư*

*Nhất sư nhì vãi*

*Quay đầu trở lại*

*Nhất vãi nhì sư*[[15]](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam#cite_note-15).

## Tổ chức Giáo hội Phật giáo và Chính sự[[sửa](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam&veaction=edit&vesection=14) | [sửa mã nguồn](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam&action=edit&section=14)]

*Bài chi tiết:*[*Giáo hội Phật giáo Việt Nam*](http://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%C3%A1o_h%E1%BB%99i_Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam)

[](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BA%ADp_tin:Tu_s%C4%A9_tr%E1%BA%BB.jpg)

Các tu sĩ trẻ tuổi tại thiền viện Thường Chiếu ([Đồng Nai](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%93ng_Nai)).

Phật giáo Việt Nam có vai trò chính sự qua nhiều triều đại. Thời [nhà Đinh](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_%C4%90inh), [nhà tiền Lê](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_Ti%E1%BB%81n_L%C3%AA), [nhà Lý](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_L%C3%BD), và [nhà Trần](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%C3%A0_Tr%E1%BA%A7n) đã nhiều vị cao tăng được triều đình trọng dụng như thiền sư [Pháp Thuận](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%A1p_Thu%E1%BA%ADn), [Khuông Việt](http://vi.wikipedia.org/wiki/Khu%C3%B4ng_Vi%E1%BB%87t), [Vạn Hạnh](http://vi.wikipedia.org/wiki/V%E1%BA%A1n_H%E1%BA%A1nh), [Minh Không](http://vi.wikipedia.org/wiki/Minh_Kh%C3%B4ng), [Pháp Loa](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%C3%A1p_Loa), v.v. ra giúp tham chính và cố vấn.

Vào cuối thời Pháp thuộc năm 1951 [Tổng hội Phật giáo Việt Nam](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%95ng_h%E1%BB%99i_Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam) ra đời. Đây là tổ chức đầu tiên với ý định thống nhất các tổ chức rời rạc. Tổng hội thành công trong việc liên kết tất cả các thành phần [Phật giáo Đại thừa](http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1i_th%E1%BB%ABa) khắp ba miền Nam, Trung Bắc. Tuy nhiên Tổng hội không có cơ cấu điều hành ngoài việc mở đường liên lạc.[[16]](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam#cite_note-16)

Khoảng thập niên 1960 Phật giáo lại có mặt trên chính trường [Việt Nam Cộng hòa](http://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam_C%E1%BB%99ng_h%C3%B2a). Hiến chương 1964 đặt nền móng cho [Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất](http://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%C3%A1o_h%E1%BB%99i_Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam_Th%E1%BB%91ng_nh%E1%BA%A5t), một tổ chức quy tụ nhiều giáo phái ở phía nam [vĩ tuyến 17](http://vi.wikipedia.org/wiki/V%C4%A9_tuy%E1%BA%BFn_17) thành một lực lượng tôn giáo đáng kể.

Ở miền Bắc, năm 1958 Đảng Lao động Việt Nam cho thành lập [Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=H%E1%BB%99i_Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Th%E1%BB%91ng_nh%E1%BA%A5t_Vi%E1%BB%87t_Nam&action=edit&redlink=1)[[17]](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam#cite_note-17).

Sau năm 1975, [Giáo hội Phật giáo Việt Nam](http://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%C3%A1o_h%E1%BB%99i_Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam) là tổ chức Phật giáo lớn nhất và là đại diện cho Phật giáo tại Việt Nam, chịu sự quản lý của Đảng Cộng sản Việt Nam. Giáo hội được thành lập vào ngày 7 tháng 11 năm 1981 tại tùng lâm [Quán Sứ](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Qu%C3%A1n_S%E1%BB%A9&action=edit&redlink=1), Hà Nội, trên cơ sở hợp nhất tất cả tổ chức Phật giáo trong nước. Hiện nay Pháp chủ của Giáo hội Phật giáo Việt Nam là Đại lão Hòa thượng [Thích Phổ Tuệ](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%ADch_Ph%E1%BB%95_Tu%E1%BB%87).

## Công cuộc Chấn hưng Phật giáo[[sửa](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam&veaction=edit&vesection=15) | [sửa mã nguồn](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam&action=edit&section=15)]

*Bài chi tiết:*[*Chấn hưng Phật giáo*](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BA%A5n_h%C6%B0ng_Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o)*và*[*Lịch sử Phật giáo Việt Nam*](http://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BB%8Bch_s%E1%BB%AD_Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam)

Vào đầu thế kỉ 20, phong trào [chấn hưng Phật giáo](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ch%E1%BA%A5n_h%C6%B0ng_Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o) phát triển mạnh trên ba miền, đã tạo lập nên tổng thể Phật giáo Việt Nam hiện đại, song Phật giáo vẫn không phải là Quốc giáo của Việt Nam.

## Đọc thêm[[sửa](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam&veaction=edit&vesection=16) | [sửa mã nguồn](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam&action=edit&section=16)]

* [Phật giáo](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o)
* [Thích Ca Mâu Ni](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BA%A5t-%C4%91%E1%BA%A1t-%C4%91a_C%E1%BB%93-%C4%91%C3%A0m)
* [Lịch sử Phật giáo Việt Nam](http://vi.wikipedia.org/wiki/L%E1%BB%8Bch_s%E1%BB%AD_Ph%E1%BA%ADt_gi%C3%A1o_Vi%E1%BB%87t_Nam)
* [Đạo Hòa Hảo](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ph%E1%BA%ADt_Gi%C3%A1o_H%C3%B2a_H%E1%BA%A3o)
* [Thiền tông](http://vi.wikipedia.org/wiki/Thi%E1%BB%81n_t%C3%B4ng)
* [Tịnh Độ tông](http://vi.wikipedia.org/wiki/T%E1%BB%8Bnh_%C4%91%E1%BB%99_t%C3%B4ng)
* [Mật tông](http://vi.wikipedia.org/wiki/M%E1%BA%ADt_t%C3%B4ng)